

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Vũ Hồng Phương

**VẬN DỤNG CÁC GIÁ TRỊ TÀI NGUYÊN ĐA DẠNG SINH HỌC VÀO PHÁT
TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG TẠI KHU DI SẢN THIÊN NHIÊN THẾ GIỚI
VỊNH HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG

Hà Nội, 2013

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Vũ Hồng Phương

**VẬN DỤNG CÁC GIÁ TRỊ TÀI NGUYÊN ĐA DẠNG SINH HỌC VÀO
PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG TẠI KHU DI SẢN THIÊN NHIÊN THẾ
GIỚI VỊNH HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH**

Chuyên ngành: Môi trường trong phát triển bền vững

Mã số: Chương trình đào tạo thí điểm

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Lê Diên Dục

Hà Nội, 2013

CAM ĐOAN



Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu nêu trong luận văn là trung thực, không sử dụng số liệu của tác giả khác khi chưa được công bố hoặc chưa được sự đồng ý. Những kết quả nghiên cứu của tác giả chưa từng được công bố trong bất kỳ một công trình nào khác./.

Hà Nội, ngày tháng năm 2013

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

Vũ Hồng Phương

MỤC LỤC

	Trang
MỞ ĐẦU	9
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN.....	12
1.1. Tổng quan về các nghiên cứu có liên quan đến lĩnh vực của luận văn.....	12
1.1.1. Các khái niệm cơ bản	12
1.1.2. Mối quan hệ giữa đa dạng sinh học và du lịch bền vững.....	16
1.2. Tình hình phát triển du lịch và du lịch sinh thái.....	19
1.2.1. Trên thế giới và khu vực Đông Nam Á.....	19
1.2.2. Tình hình phát triển du lịch tại Việt Nam	21
1.2.3. Tình hình phát triển du lịch tại khu vực nghiên cứu.	23
CHƯƠNG 2: ĐỊA ĐIỂM, THỜI GIAN, PHƯƠNG PHÁP LUẬN	25
VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	25
2.1. Địa điểm nghiên cứu.....	25
2.2. Thời gian nghiên cứu.....	26
2.3. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu	27
CHƯƠNG 3: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN.....	32
3.1. Tình hình khai thác các giá trị tài nguyên đa dạng sinh học	32
3.1.1. <i>Tiềm năng và hiện trạng đa dạng sinh học vịnh Hạ Long.....</i>	32
3.1.2. <i>Tình hình khai thác các giá trị tài nguyên đa dạng sinh học</i>	44
3.1.3. <i>Hiện trạng và các áp lực đối với đa dạng sinh học vịnh Hạ Long</i>	46
3.2. Tình hình phát triển du lịch tại vịnh Hạ Long	50
3.2.1. <i>Tiềm năng du lịch trên vịnh Hạ Long</i>	50
3.2.2. <i>Thực trạng phát triển hoạt động du lịch trên vịnh Hạ Long</i>	53
3.3. Các giải pháp vận dụng các giá trị đa dạng sinh học phục vụ phát triển du lịch bền vững tại Vịnh Hạ Long.....	59
3.3.1. <i>Các giải pháp phát triển du lịch bền vững</i>	59
3.3.2. <i>Các giải pháp bảo tồn và khai thác các giá trị đa dạng sinh học Vịnh Hạ Long</i>	65
3.3.3. <i>Các giải pháp phát triển du lịch sinh thái</i>	67
KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	82

TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	84
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU, CHỮ VIẾT TẮT

- BĐKH: Biến đổi khí hậu
- CBD: Convention on Biological Diversity - Công ước đa dạng sinh học
- ĐDSH: Đa dạng Sinh học
- DLBV: Du lịch bền vững
- DLST: Du lịch Sinh thái
- DPSIR: Driving forces - Presures - States - Impact – Responses (Động lực - Áp lực - Hiện trạng - Tác động - Đáp ứng)
- DSTNTGVHL: Di sản Thiên nhiên Thế giới vịnh Hạ Long
- ĐVĐ: Động vật đáy
- ĐVKXS: Động vật không xương sống
- ĐVPD: Động vật phù du
- EEA: European Environment Agency - Cơ quan Môi trường Châu Âu
- ES: Ecotourism Society - Hiệp hội Du lịch Sinh thái
- HST: Hệ sinh thái
- IUCN: The International Union for Conservation of Nature - Tổ chức bảo tồn thiên nhiên quốc tế
- JICA: Japan International Cooperation Agency - Tổ chức Hợp tác Quốc tế Nhật Bản
- KBT: Khu bảo tồn
- PTDLBV: Phát triển Du lịch bền vững
- RNM: Rừng ngập mặn
- SWOT: Strengths - Weaknesses - Opportunities - Threats (Điểm mạnh - Điểm yếu - Cơ hội - Thách thức)

TVPD: Thực vật phù du

UNESCO: United Nations Educational Scientific and Cultural Organization - Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hiệp quốc

VQG: Vườn Quốc gia.

WTO: World Tourism Organization - Tổ chức Du lịch Thế giới.

DANH MỤC CÁC BẢNG, HÌNH VẼ, ĐỒ THỊ

DANH MỤC CÁC BẢNG

<i>Bảng 1.1. Các loài đặc hữu của Hạ Long</i>	<i>35</i>
<i>Bảng 1.2. So sánh số lượng những điểm tham quan</i>	<i>55</i>
<i>Bảng 1.3. Ví dụ minh họa tour du lịch trải nghiệm Hạ Long - Hà Nội</i>	<i>78</i>

DANH MỤC HÌNH VẼ

<i>Hình 1.1. Khỉ vàng trên núi đá vôi vịnh Hạ Long.....</i>	<i>22</i>
<i>Hình 1.2. Hệ sinh thái đáy mềm trên vịnh Hạ Long</i>	<i>27</i>
<i>Hình 1.3. Cá Mao Tiên trong rạn san hô vịnh Hạ Long.....</i>	<i>28</i>
<i>Hình 1.4. Hệ sinh thái rừng áng trên vịnh Hạ Long.....</i>	<i>29</i>
<i>Hình 1.5. Giá trị thẩm mỹ biển đảo Hạ Long</i>	<i>38</i>
<i>Hình 1.6. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020</i>	<i>44</i>
<i>Hình 1.7. Một số đặc sản vùng biển Hạ Long - Quảng Ninh.....</i>	<i>56</i>

DANH MỤC ĐỒ THỊ

<i>Đồ thị 1.1. Kết quả đánh giá hoạt động bảo vệ môi trường.....</i>	<i>48</i>
<i>Đồ thị 1.2. Số lượng khách tham quan vịnh Hạ Long từ năm 2008-2015</i>	<i>54</i>

MỞ ĐẦU



I. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Vịnh Hạ Long nằm ở Đông Bắc Việt Nam, thuộc địa phận tỉnh Quảng Ninh, cách thủ đô Hà Nội 165km, với tổng diện tích là 1553km². UNESCO đã hai lần công nhận là Di sản thiên nhiên thế giới về giá trị cảnh quan và địa chất, địa mạo. Bởi vậy, nơi đây là điểm hấp dẫn khách du lịch trong nước và quốc tế nên số lượng khách quốc tế đến đây ngày càng gia tăng.

Bên cạnh đó, nguồn tài nguyên đa dạng sinh học cũng rất đa dạng và có giá trị, đặc biệt cho phát triển du lịch. Khu vực có 10 hệ sinh thái điển hình đã được ghi nhận ở khu vực này bao gồm: Rừng ngập mặn, cỏ biển, vùng triều đáy mềm, vùng triều đáy cứng, bãi triều cát, rạn san hô, tùng - áng và vùng ngập nước thường xuyên ven bờ, các thảm thực vật trên đảo và hang động. Các hệ sinh thái này chứa đựng nguồn tài nguyên thủy sinh vô cùng phong phú với trên 1.000 loài [42].

Các đặc điểm điều kiện vật lý, môi trường, du lịch và đa dạng sinh học khu vực vịnh Hạ Long đã được nghiên cứu nhiều. Tuy nhiên việc gắn kết các giá trị tài nguyên đa dạng sinh học với phát triển du lịch bền vững thì hầu như chưa được đề cập đến. Mặt khác, trong thời gian gần đây, các hệ sinh thái ở khu vực vịnh Hạ Long đang bị suy thoái bởi tác động của các nhân tố tự nhiên và con người do phát triển không bền vững, trong đó có hoạt động du lịch.

Bởi vậy, phát triển *du lịch bền vững* là mục tiêu cần hướng tới đối với Vịnh Hạ Long. Nó vừa mang lại hiệu quả kinh tế lâu dài, bảo vệ môi trường, bảo tồn di sản và phát huy được những giá trị tiềm năng vốn có - giá trị đa dạng sinh học. Đồng thời, việc phát triển du lịch bền vững dựa vào đa dạng sinh học còn là một hướng đi tích cực trong việc góp phần bảo tồn đa dạng sinh học Di sản.

Đề tài “*Vận dụng các giá trị tài nguyên sinh học vào phát triển du lịch bền vững tại Khu Di sản Thiên Nhiên Thế giới vịnh Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh*” sẽ tập

trung đánh giá hiện trạng và tiềm năng tài nguyên đa dạng sinh học , từ đó đưa các giải pháp cụ thể nhằm phát triển du lịch bền vững dựa trên tài nguyên đó.

DLST không đồng nghĩa với DLBV mà chỉ là một hướng phát triển của DLBV nói chung. DLBV bao gồm việc phát triển kinh tế – xã hội – môi trường bền vững. Trong các thành phần của môi trường thì hệ sinh thái là đối tượng để phát triển loại hình *du lịch sinh thái*. Trong khuôn khổ đề tài sẽ tập trung đi sâu nghiên cứu phát triển DLST tại vịnh Hạ Long.

II. Mục tiêu của đề tài nghiên cứu

Mục tiêu chung

Đánh giá cụ thể hiện trạng và tiềm năng các giá trị tài nguyên đa dạng sinh học và tài nguyên du lịch , trong đó có tiềm năng phát triển du lịch sinh thái tại khu vực vịnh Hạ Long.

Mục tiêu cụ thể

Đề xuất các giải pháp vận dụng các loài sinh vật , hệ sinh thái có giá trị phục vụ cho phát triển du lịch bền vững . Từ đó, góp phần vào công tác bảo tồn và phát huy các giá trị, trong đó có giá trị đa dạng sinh học của Khu DSTNTG Vịnh Hạ Long, giúp cho cơ quan quản lý có được những tài liệu đáng tin cậy về đa dạng sinh học kết hợp với du lịch như thế nào phục vụ cho công tác quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội - môi trường của vịnh Hạ Long.

Một số tour du lịch sinh thái trên vịnh Hạ Long mà đề tài đưa ra sẽ làm đa dạng thêm các sản phẩm và loại hình du lịch khi du khách đến với vịnh Hạ Long , xứng đáng là Di sản Thiên nhiên Thế giới.

III. Các câu hỏi nghiên cứu

- Thực trạng của sử dụng Tài nguyên sinh học: HST trên cạn, HST biển, các loài đặc hữu... của vịnh Hạ Long ra sao?

- Tình hình phát triển du lịch và tiềm năng phát triển du lịch bền vững ? Các tuyến, điểm du lịch sinh thái hiện nay được khai thác như thế nào? Và các nhân tố ảnh hưởng đến ĐDSH và du lịch tác động đến ĐDSH?
- Biến đổi khí hậu có tác động tới đa dạng sinh học và phát triển du lịch tại khu vực?.
- Các giải pháp phát triển du lịch bền vững , du lịch sinh thái tại Khu DSTNTG vịnh Hạ Long?

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN

1.1. Tổng quan về các nghiên cứu có liên quan đến lĩnh vực của luận văn

1.1.1. Các khái niệm cơ bản

Đa dạng sinh học : Đa dạng sinh học là sự phong phú về gen , loài sinh vật và hệ sinh thái trong tự nhiên [32].

Gen là một đơn vị di truyền , một đoạn của vật chất di truyền quy định các đặc tính cụ thể của sinh vật [32].

Hệ sinh thái là quần xã sinh vật và các yếu tố phi sinh vật của một khu vực địa lý nhất định , có tác động qua lại và trao đổi vật chất với nhau (bao gồm cả con người) [32]

Phát triển bền vững đa dạng sinh học là việc khai thác , sử dụng hợp lý các hệ sinh thái tự nhiên , phát triển nguồn gen , loài sinh vật và bảo đảm cân bằng sinh thái phục vụ phát triển kinh tế - xã hội [32].

Tài nguyên sinh học:

Bao gồm các tài nguyên gen, các sinh vật hay các bộ phận của nó, dân số hay bất kỳ thành phần hữu cơ nào của hệ sinh thái có giá trị sử dụng các hệ thống sinh học, cơ thể sống hay các sản phẩm của nó để tạo ra hoặc đổi mới các sản phẩm hay chế biến cho việc chuyên dụng [36].

Du lịch:

Trong Luật du lịch của Việt Nam, tại Điều 10, thuật ngữ “Du lịch” được hiểu như sau: “*Du lịch là hoạt động của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên của mình nhằm thỏa mãn các nhu cầu tham quan, giải trí, nghỉ dưỡng trong một khoảng thời gian nhất định*”.

Du lịch là một ngành kinh tế tổng hợp có định hướng tài nguyên , bao gồm tài nguyên nhân văn và tài nguyên tự nhiên . Sự phát triển của ngành du lịch gắn với

môi trường. Vì vậy, sự phát triển của du lịch đòi hỏi phải có sự phát triển bền vững chung của xã hội và ngược lại.

Tài nguyên du lịch:

Là cảnh quan thiên nhiên, yếu tố tự nhiên, di tích lịch sử - văn hoá, công trình lao động sáng tạo của con người và các giá trị nhân văn khác có thể được sử dụng nhằm đáp ứng nhu cầu du lịch, là yếu tố cơ bản để hình thành các khu du lịch, điểm du lịch, tuyến du lịch, đô thị du lịch [33].

Du lịch bền vững:

Theo định nghĩa của Tổ chức Du lịch Thế giới (WTO), năm 1992: “Du lịch bền vững là việc phát triển các hoạt động du lịch nhằm đáp ứng nhu cầu hiện tại của khách du lịch và người dân bản địa trong khi vẫn quan tâm đến việc bảo tồn và tôn tạo các nguồn tài nguyên cho việc phát triển hoạt động du lịch trong tương lai . Du lịch bền vững sẽ có kế hoạch quản lý các nguồn tài nguyên nhằm thoả mãn các nhu cầu về kinh tế , xã hội và thẩm mỹ của con người trong khi đó vẫn duy trì được sự toàn vẹn về văn hoá, đa dạng sinh học, sự phát triển của hệ sinh thái và các hệ thống hỗ trợ cho cuộc sống”.

Luật Du lịch định nghĩa như sau: “Du lịch bền vững là sự phát triển du lịch đáp ứng được nhu cầu hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng các nhu cầu về du lịch trong tương lai” [33].

Mục tiêu của phát triển DLBV:

Phát triển bền vững về kinh tế : Thu nhập phải lớn hơn chi phí , đạt được sự tăng trưởng cao, ổn định trong thời gian dài , tối ưu hoá đóng góp của ngành du lịch vào thu nhập quốc dân, góp phần thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển

Phát triển bền vững về xã hội : Thu hút dự tham gia của cộng đồng vào các hoạt động du lịch, tạo nhiều việc làm, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân địa phương, cải thiện tính công bằng xã hội, đa dạng hoá và nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách du lịch

Phát triển bền vững về môi trường: Sử dụng và bảo vệ tài nguyên du lịch theo hướng tiết kiệm, bền vững, đảm bảo sự tái tạo và phục hồi của tài nguyên, nâng cao chất lượng tài nguyên và môi trường, thu hút cộng đồng và du khách vào các hoạt động bảo tồn, tôn tạo tài nguyên.

Nguyên tắc phát triển DLBV:

Khai thác và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên là nguyên tắc quan trọng hàng đầu trong phát triển DLBV. Đảm bảo cho thế hệ sau những nguồn tài nguyên không kém so với thế hệ trước. Trong quá trình khai thác các nguồn tài nguyên cần phải tính đến giải pháp ngăn chặn sự suy giảm của các nguồn gen, các loài và hệ sinh thái.

Duy trì tính và tăng cường đa dạng của thiên nhiên, văn hoá – xã hội là cơ sở cho sự tồn tại, phát triển của ngành du lịch. Do vậy, quá trình xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch du lịch rất quan trọng

Giảm tiêu thụ tài nguyên quá mức và giảm chất thải phát sinh từ du lịch, từ đó sẽ bảo đảm nguồn tài nguyên cho sự phát triển lâu dài của ngành du lịch và bảo vệ môi trường tự nhiên.

Lồng ghép quy hoạch du lịch vào quá trình quy hoạch phát triển kinh tế – xã hội.

Ngành du lịch phải có trách nhiệm đóng góp một phần thu nhập cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và quốc gia

Thu hút sự tham gia của cộng đồng địa phương là rất cần thiết, làm phong phú thêm kinh nghiệm và sản phẩm du lịch, nâng cao nhận thức và đời sống, trách nhiệm của cộng đồng.

Lấy ý kiến của cộng đồng và các bên liên quan, đào tạo nhân viên, tiếp thị du lịch một cách có trách nhiệm... là một trong những nguyên tắc phát triển DLBV cần thực hiện [30].

Du lịch sinh thái:

Trong các phương thức phát triển du lịch bền vững ngay từ sau Năm du lịch sinh thái thế giới 2002 thì du lịch sinh thái (DLST) đã, đang và sẽ là xu thế thịnh hành nhất, mang đầy đủ tính chất và nội dung phát triển bền vững của ngành du lịch. Hiện nay vẫn còn nhiều khái niệm và cách hiểu về DLST khác nhau. Trong hội thảo Xây dựng chiến lược quốc gia về phát triển DLST ở Việt Nam diễn ra từ ngày 7 - 9/9/1999 được tổ chức tại Hà Nội bởi Tổng Cục Du lịch Việt Nam phối hợp với Tổ chức Bảo tồn thiên nhiên quốc tế (IUCN) và Ủy ban kinh tế xã hội Châu Á - TBD (ESCAP) đã đưa ra định nghĩa DLST (Ecotourism) ở Việt Nam: *“DLST là loại hình du lịch dựa vào thiên nhiên và văn hóa bản địa gắn với giáo dục môi trường có đóng góp cho các nỗ lực bảo tồn và phát triển bền vững với sự tham gia tích cực của cộng đồng địa phương.”*. Lê Huy Bá (2000) cho rằng: *“DLST là loại hình du lịch lấy các hệ sinh thái đặc thù làm đối tượng để phục vụ cho những đối tượng du lịch yêu thiên nhiên, thưởng ngoạn cảnh quan hay nghiên cứu hệ sinh thái. Nó cũng là hình thức kết hợp chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế du lịch với bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên, phát triển bền vững”*. Hay Hiệp hội DLST thế giới (TIES - 1990) đưa ra một định nghĩa rất ngắn gọn, súc tích: *“DLST là loại hình đi du lịch có trách nhiệm tới các khu vực thiên nhiên nhằm bảo tồn môi trường và nâng cao đời sống cho người dân địa phương”*.

Du lịch sinh thái còn được gọi dưới các tên khác nhau: Du lịch thiên nhiên, du lịch môi trường du lịch xanh du lịch thám hiểm du lịch bản xứ du lịch có trách nhiệm.

DLST chỉ có thể tồn tại và phát triển ở những hệ sinh thái điển hình với tính đa dạng sinh học cao . Do vậy, DLST thường chỉ phát triển ở các khu bảo tồn tự nhiên, vườn quốc gia nơi có tính đa dạng sinh học cao và còn nguyên sơ.

Bảo vệ môi trường và duy trì các hệ sinh thái là nguyên tắc cơ bản nhất của DLST bởi đó là mục tiêu và sự tồn tại của DLST . Do đó, một phần từ hoạt động DLST sẽ được đầu tư cho việc hạn chế các tác động tiêu cực nảy sinh . Tiếp đến là nguyên tắc bảo vệ và phát huy bản sắc văn hoá, nguyên tắc tạo thêm việc làm và thu nhập cho cộng đồng địa phương và nguyên tắc giáo dục nâng cao hiểu biết về môi trường tự nhiên.

Các nguyên tắc cơ bản đối với DLST : Yêu cầu đầu tiên là sự tồn tại của các HST điển hình với tính đa dạng sinh học cao . Thứ hai là hướng dẫn viên phải có kiến thức ngoại ngữ tốt và am hiểu các đặc điểm sinh thái tự nhiên và văn hoá bản địa. Thứ ba, DLST cần được tổ chức với sự tuân thủ chặt chẽ các quy định về “sức chứa” hay “sức chịu tải” của các hệ sinh thái , môi trường. Về khía cạnh sinh học , sức chứa sinh thái tự nhiên là lượng khách vượt quá khả năng tiếp nhận của môi trường làm xuất hiện các tác động sinh thái do hoạt động của bản thân du khách và do tiện nghi mà họ sử dụng gây ra , ảnh hưởng tới các tập tính của sinh vật hoặc làm cho hệ sinh thái bị xuống cấp [31].

1.1.2. Mối quan hệ giữa đa dạng sinh học và du lịch bền vững

Nhân Ngày Du lịch thế giới 21/9/2010 tổ chức tại Trung Quốc với chủ đề “*Du lịch và đa dạng sinh học*”, Tổng Thư ký Liên Hợp quốc , Ban Ki-moon, nhấn mạnh: “Du lịch và đa dạng sinh thái có quan hệ chặt chẽ với nhau. Thu nhập của ngành du lịch bền vững có thể hỗ trợ việc bảo tồn thiên nhiên cũng như phát triển kinh tế. Hơn nữa, du lịch bền vững có thể giúp nâng cao nhận thức của khách du lịch và các cộng đồng địa phương về tầm quan trọng của đa dạng sinh thái đối với cuộc sống hàng ngày của nhân loại”. Đa dạng sinh học là tài nguyên của du lịch bền vững. Muốn duy trì DLBV phải bảo tồn đa dạng sinh học. Đó là những mối liên hệ qua lại giữa du lịch và đa dạng sinh học theo quan điểm phát triển bền vững . Cụ thể là:

Trước hết, giá trị của đa dạng sinh học đối với hoạt động du lịch không thể đo đếm được. Sự đa dạng về sự sống trên trái đất , một trong những tài sản lớn nhất của ngành du lịch, đã thúc đẩy hàng triệu người đi du lịch vòng quanh thế giới mỗi năm. Vì vậy, du lịch trở thành một hoạt động kinh tế quan trọng ở bên trong và xung quanh các KBT, các VQG và các vùng bảo vệ khác trên toàn thế giới.

Ngược lại, du lịch đã và đang tạo thành cơ hội cho phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là ở các nước đang phát triển, do tạo nguồn thu nhập chính và việc làm. Có các khoản lợi ích thu từ lệ phí, thuế và thanh toán tự nguyện cho việc sử dụng các

nguồn tài nguyên sinh học. Các khoản thu này có thể được sử dụng để duy trì các khu vực tự nhiên và sự đóng góp của du lịch đối với phát triển kinh tế.

Tuy nhiên, du lịch là một hoạt động hai lưỡi. Bên cạnh tiềm năng đóng góp tích cực vào những thành tựu kinh tế - xã hội, việc tăng trưởng nhanh không kiểm soát của ngành du lịch có thể là nguyên nhân chính gây suy giảm ĐDSH, suy thoái môi trường, mất bản sắc địa phương và nền văn hóa truyền thống.

Cụ thể là việc trực tiếp sử dụng tài nguyên thiên nhiên, tái tạo và không tái tạo, trong việc cung cấp các cơ sở du lịch là một trong những tác động trực tiếp quan trọng nhất của du lịch trong: Sử dụng đất, vật liệu xây dựng làm chỗ ở và cơ sở hạ tầng; Nạn phá rừng hoặc sử dụng không bền vững đất cũng gây ra xói mòn và mất đa dạng sinh học; Tác động trực tiếp đến thành phần loài và động vật hoang dã gây ra bởi hành vi sai và các hoạt động du lịch không được kiểm soát (ví dụ như off-road lái xe, thực vật thu hái, săn bắn, bắn, câu cá, lặn biển). Du lịch đã nhiều năm nay được tập trung vào núi và vùng ven biển. Áp lực từ hoạt động du lịch trên các nguồn tài nguyên sinh học là rất lớn, bao gồm: xói mòn và ô nhiễm từ việc xây dựng những con đường mòn đi bộ đường dài, các trang trại, khách sạn, khu du lịch dọc theo vùng ven biển. Đối với xã hội, khi phát triển du lịch diễn ra, lợi ích kinh tế thường được phân phối không đồng đều giữa các thành viên, làm tăng sự bất bình đẳng trong cộng đồng địa phương. Du lịch có tác động rất phức tạp trên các giá trị văn hóa như: Tập quán truyền thống và các sự kiện cũng có thể bị ảnh hưởng bởi sở thích du lịch [36].

Chính DLST cũng có tác động rất lớn đến đa dạng sinh học như góp phần bảo tồn đa dạng sinh học nếu có mô hình bền vững cũng làm giảm đa dạng sinh học, huỷ hoại môi trường nếu mô hình du lịch không phù hợp.

Du lịch sinh thái đôi khi gây ra xung đột và thay đổi về quyền sử dụng đất, xung đột về lợi nhuận du lịch, gây thiệt hại môi trường và có nhiều tác động xã hội khác. Thực tế, nhiều tranh luận cho rằng DLST chưa mang lại lợi ích về mặt sinh thái cũng như xã hội, nhưng nó vẫn tồn tại như một chiến lược bảo tồn và phát triển

(West, 2006). Hầu hết các hình thức du lịch sinh thái được sở hữu bởi các nhà đầu tư nước ngoài và các tập đoàn cung cấp vài lợi ích cho cộng đồng địa phương. Đại đa số lợi nhuận được đưa vào túi của các nhà đầu tư thay vì tái đầu tư vào nền kinh tế địa phương hoặc bảo vệ môi trường [36].

Đối với cộng đồng bản địa địa phương, những người có mức thu nhập rất thấp, không có khả năng sống trong các khu du lịch vì tiền lương ít ỏi và không có khả năng đáp ứng sẽ bị gạt ra ngoài lề. Trong một số trường hợp, sự oán giận của người dân địa phương dẫn đến suy thoái môi trường, thất bại của dự án DLST. Ví dụ, những người du mục Maasai - Kenya giết chết động vật hoang dã trong công viên quốc gia (bây giờ đang giúp các công viên quốc gia để cứu động vật hoang dã) do phản kháng các điều khoản bồi thường không công bằng và buộc di dời từ vùng đất truyền thống của họ. Việc hạn chế thu nhập và cơ hội cho người dân địa phương cũng buộc họ làm suy thoái môi trường, tìm kế sinh nhai. Bên cạnh đó, sự hiện diện của DLST sẽ xuất hiện tình trạng săn bắt động vật hoang dã quà lưu niệm, chẳng hạn như việc bán nữ trang san hô trên hòn đảo nhiệt đới và sản phẩm động vật ở châu Á [36] [17].

Vĩ vậy, phát triển du lịch bền vững là sự đáp ứng đầy đủ nhất, tiện nghi nhất các nhu cầu của khách du lịch, tạo sức hút du khách đến vùng, điểm hiện tại có tài nguyên du lịch đồng thời có phương án bảo vệ, nâng cao chất lượng cho tương lai thông qua việc định hướng quản lý toàn bộ tài nguyên, các điều kiện kinh tế, xã hội, văn hóa và thẩm mỹ kèm theo đồng thời duy trì tính toàn vẹn về văn hóa, đa dạng sinh học và các hệ thống duy trì sự sống.

Các chương trình du lịch bền vững được lập kế hoạch tốt sẽ cung cấp những cơ hội cho du khách tìm hiểu về các vùng tự nhiên, cộng đồng địa phương và tìm hiểu thêm về tầm quan trọng của công tác bảo tồn biển và văn hoá địa phương. Hơn thế nữa, các hoạt động du lịch bền vững có thể tạo ra những thu nhập cho các cộng đồng địa phương và các khu bảo tồn. DLBV có những hứa hẹn riêng như là một cơ chế cần thiết cho cộng đồng địa phương được hưởng lợi từ các nguồn lợi đa dạng

sinh học và môi trường trong khu bảo tồn. Vì thế họ có thể quan tâm hơn đến việc bảo tồn những nguồn lợi này. DLBV tạo cơ hội quan trọng để bảo vệ sự giàu có của tự nhiên và tăng cường sự hiểu biết về tầm quan trọng đa dạng của thiên nhiên trong cuộc sống hàng ngày.

1.2. Tình hình phát triển du lịch và du lịch sinh thái

1.2.1. Trên thế giới và khu vực Đông Nam Á

Trong xu thế toàn cầu hoá hiện nay, du lịch đang nhanh chóng trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn của nhiều quốc gia trên thế giới, bao gồm cả nước phát triển và đang phát triển. Ngày nay, hoạt động kinh doanh du lịch đang ngày càng phát triển mạnh, chiếm tỷ trọng lớn hơn trong thu nhập quốc dân của nhiều quốc gia trên thế giới. Du lịch là chìa khoá mang lại sự thịnh vượng cho cả nước giàu và nước nghèo, hiện chiếm tới 40 % thương mại dịch vụ toàn cầu [30].

Theo số liệu thống kê của WTO, trong năm 2007, số người đi du lịch trên thế giới là 889 triệu khách, đem lại nguồn thu tới 735 tỉ USD cho ngành du lịch và giải quyết công ăn việc làm cho gần 300 triệu người. Tuy nhiên, trong tương lai con số này sẽ không ngừng tăng lên. Dự tính đến năm 2020, số người hàng năm đi du lịch quốc tế trên thế giới sẽ là 1,6 tỷ người, gấp đôi so với năm 2005. Thu nhập xã hội ngày càng tăng cộng với sự gia tăng dân số thế giới khiến cho nhu cầu tiêu dùng, vui chơi, giải trí, du lịch của con người tăng theo và ngành du lịch hiện đang trở thành ngành kinh tế quan trọng bậc nhất trên thế giới (*Nguồn: <http://luanvan.net.vn/luan-van/kinh-nghiem-phat-trien-du-lich-tai-cac-nuoc-dong-nam-a-va-bai-hoc>*)

Các nước thuộc khu vực Đông Nam Á cũng không phải là một ngoại lệ khi ngành du lịch ở các nước này đang ngày càng đóng một vai trò quan trọng trong nền kinh tế đất nước. Tận dụng được những thế mạnh sẵn có về vị trí địa lý, cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp đã mang lại nhiều thành công phát triển du lịch cho các quốc gia Đông Nam Á trong thời gian qua. Những mẫu hình thành công ở những nơi khác trong khu vực để học hỏi kinh nghiệm của họ khi phát triển thành công một

trung tâm du lịch toàn cầu và cũng để hiểu những điểm mạnh và điểm yếu của họ nhằm xây dựng được một vị thế cho Quảng Ninh.

Tại Thái Lan, xứ sở “đất nước của nụ cười”, ngành du lịch đã đóng góp 6.7% vào tổng GDP cả nước, giải quyết công ăn việc làm cho 1,8 triệu người vào năm 2007. Ngành du lịch tại “Quốc đảo sư tử” Singapore cũng không kém phần quan trọng khi đóng góp tới hơn 5% tổng GDP cả nước, tạo ra khoảng hơn 150.000 việc làm mỗi năm (Nguồn: WTO). Thái Lan là thị trường du lịch trong khu vực Đông Nam Á với các điểm đến nổi tiếng thế giới như Phu Khet và Chiang Mai, có những kinh nghiệm tuyệt vời trong xây dựng một thương hiệu được quốc tế công nhận thông qua các chiến dịch tiếp thị hiệu quả, khả năng tiếp cận cao đối với khách du lịch và một loạt những hoạt động kéo dài thời gian nghỉ của khách. Doanh thu từ khách du lịch quốc tế cao ở Thái Lan là nhờ số lượt khách đến và mức chi tiêu cao tính theo lượt. Năm 2012, Thái Lan đã đón nhận gần 17 triệu lượt khách quốc tế, nhiều hơn gấp 3 lần số lượng khách quốc tế đến Việt Nam. Thái Lan có ưu thế vượt trội trong việc mang lại những trải nghiệm du lịch ở tất cả các chuỗi giá trị, trong đó có 3 khía cạnh cụ thể có liên quan mà Việt Nam có lấy làm chuẩn và học hỏi: chiến dịch thương hiệu đẳng cấp thế giới sử dụng phương tiện truyền thông xã hội, mạng lưới giao thông vận tải chất lượng cao và những điểm đến có các hoạt động phong phú. Khách du lịch quốc tế rất hứng thú với những hoạt động mang lại sự trải nghiệm chân thực như Chợ đêm Chiang Mai, với từng dãy hàng phục vụ các món ăn truyền thống của Thái, đồ thủ công mỹ nghệ và đồ trang sức mà những người bán hàng mặc trên mình những bộ trang phục truyền thống. Thị trường này đã lớn dần lên để trở thành một điểm tham quan lớn tại Chiang Mai với rất nhiều khách du lịch dành cả ngày để đi vòng quanh khu chợ. Du lịch sinh thái là một xu thế khác đã được Thái Lan nắm bắt rất tốt. Tổng cục du lịch Thái Lan (TCDLTL) đã thành lập một cơ quan chuyên về xúc tiến du lịch sinh thái ở Thái Lan với tên gọi là “Hiệp hội Du lịch sinh thái và Mạo hiểm Thái Lan” là một tổ chức phi lợi nhuận hoạt động dựa trên phí thành viên để đảm bảo các tổ chức thành viên trở nên bền vững về mặt môi trường, có hiệu quả kinh tế và có trách nhiệm về mặt văn hóa xã hội. TCDLTL

cũng đã phát triển những Sáng kiến xanh nhằm xúc tiến quảng bá điểm tham quan du lịch xanh. Cùng với sự xúc tiến quảng bá và hỗ trợ từ chính phủ, du lịch sinh thái xanh thu hút một lượng rất lớn khách du lịch, với 67% du khách đi du lịch để tham gia một hoạt động cụ thể nào đó (Nguồn: Quy hoạch du lịch tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030).

Trong các loại hình du lịch thì du lịch sinh thái đang là hiện tượng và xu thế phát triển ngày càng chiếm được sự quan tâm của nhiều người . Ngoài ý nghĩa về bảo tồn tự nhiên, sự phát triển của DLST trên cơ sở khai thác tiềm năng tự nhiên đã và đang mang lại những nguồn lợi kinh tế to lớn , góp phần tích cực vào sự phát triển ngành du lịch nói riêng và kinh tế - xã hội nói chung. Phần lớn các quốc gia đã thiết lập các hệ thống khu bảo tồn , vườn quốc gia với chức năng phát triển du lịch sinh thái mang lại những lợi ích về kinh tế, giáo dục và bảo tồn.

Mặc dù vậy, không phải các dự án DLST đều mang ý nghĩa trên , một số cộng đồng địa phương vẫn phải đối mặt với tác động tiêu cực . Nam Phi là một trong những quốc gia đang gặt hái lợi ích kinh tế đáng kể từ du lịch sinh thái , nhưng hiệu ứng tiêu cực buộc người dân phải rời bỏ nhà cửa của họ , môi trường suy giảm (Miller, 2007). Một lượng lớn tiền đang được chi tiêu và nguồn nhân lực tiếp tục được sử dụng cho du lịch sinh thái nhưng kết quả không thành công, và tiền bạc cần chi tiêu nhiều hơn vào các chiến dịch quan hệ công chúng để làm dịu sự chỉ trích [36].

1.2.2. Tình hình phát triển du lịch tại Việt Nam

Tại Việt Nam, du lịch đã và đang trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của quốc gia, phát triển nhanh chóng, trong đó có du lịch sinh thái. Việt Nam với lợi thế có chiều dài bờ biển, rừng núi hoang sơ với nhiều khu di sản thiên nhiên thế giới, khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia và nhiều rừng cấm, đó là những di sản thiên nhiên của quốc gia, chứa đầy tiềm năng cho phát triển DLST. Hiện Việt Nam đã thành lập được 30 vườn quốc gia, 54 khu bảo tồn thiên nhiên, 11 khu bảo tồn loài, 45 khu bảo vệ cảnh quan và 20 khu rừng nghiên cứu khoa học [14].

Việt Nam là quốc gia có bờ biển dài đứng thứ 27 trong tổng số 156 quốc gia có biển và là nước ven biển lớn ở khu vực Đông Nam Á. Đường bờ biển dài 3.620km, với 125 bãi biển tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động du lịch, nghỉ dưỡng, giải trí, trong đó có nhiều bãi biển nổi tiếng như: Trà Cổ, Sầm Sơn, Cửa Lò, Lăng Cô, Non Nước, Phan Thiết, Vũng Tàu... Địa hình vùng ven biển tạo nên các vịnh đẹp và nổi tiếng như vịnh Hạ Long, vịnh Cam Ranh, Vãn Phong. Một số đảo nhỏ với các hệ sinh thái phong phú và cảnh đẹp như: Tuần Châu, Cát Bà, Cù Lao Chàm, Phú Quốc.. Việt Nam được đánh giá là nước giàu tiềm năng về du lịch sinh thái, nhiều tài nguyên du lịch tự nhiên như các bãi biển, vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên... Đa dạng hệ sinh thái, trong đó có những hệ sinh thái có độ nhạy cảm cao như hệ sinh thái san hô, đất ngập nước...

Trong nửa thập kỷ qua, ngành công nghiệp du lịch Việt Nam đã phát triển cực kỳ mạnh mẽ với những sự tăng trưởng lớn cả về số lượng khách du lịch nói chung và số lượng khách du lịch quốc tế tới Việt Nam nói riêng. Tổng thu nhập từ khách du lịch quốc tế tới Việt Nam đã đạt mức tăng trưởng 8%/ năm, từ mức 43 nghìn tỷ VND năm 2006 lên đến 72 nghìn tỷ VND năm 2012. Số lượng khách du lịch tăng gấp đôi từ 3,5 triệu lên đến 6,8 triệu khách trong cùng thời kỳ [12].

Các khu DLST biển nổi tiếng như Hòn Mun, Côn Đảo, Phú Quốc đã và đang có kế hoạch sử dụng tài nguyên sinh vật biển để phát triển nhiều dịch vụ du lịch hấp dẫn như xem rùa đẻ, khám phá các rạn san hô, và cỏ biển.....[31].

Một số mô hình DLST cộng đồng đã hình thành như ở Bản Khanh (VQG Cúc Phương), Bản Pác Ngòi (VQG Ba Bể), thôn Chày Lập (VQG Phong Nha Kẻ Bàng), bản A Đon (VQG Bạch Mã),...Do khó khăn trong khâu tiếp thị nên chưa thu hút được nhiều khách du lịch, lợi ích mang lại cho người dân còn rất khiêm tốn.

Cơ sở hạ tầng kỹ thuật hỗ trợ cho phát triển DLST đã được xây dựng nhưng chất lượng và số lượng còn rất hạn chế. Nhiều khu DLST như VQG Cúc Phương, Bái Tử Long, Bạch Mã, Cát Tiên đã xây dựng trung tâm du khách/Trung tâm thông tin và các đường mòn thiên nhiên có các biển diễn giải. Qua các hiện vật trưng bày là các tiêu bản động thực vật, các mô hình mô tả hệ sinh thái và nhiều thông tin, tài

liệu trưng bày trong Trung tâm làm cho du khách đã thấy được sự ĐDSH và ý nghĩa của việc thành lập VQG. Đây còn là nơi triển khai các hoạt động giáo dục môi trường cho khách tham quan và sinh viên, học sinh.

Phát triển DLBV gắn kết với bảo tồn đa dạng sinh học ngày càng được quan tâm, phối hợp chặt chẽ với chương trình quản lý và bảo tồn tổng hợp, bước đầu đã tạo việc làm cho cộng đồng địa phương, tăng thu nhập (thu nhập thay thế), giảm áp lực lên tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học, nâng cao nhận thức cho cộng đồng và du khách.

Tuy nhiên, việc khai thác các tiềm năng DLST của Việt Nam còn đang ở thời kỳ đầu của sự hình thành và phát triển . Các hoạt động du lịch hiện nay vẫn chủ yếu dựa vào khai thác tài nguyên du lịch tự nhiên như: tham quan các khu bảo tồn, vườn quốc gia, leo núi, miệt vườn...v.v. Vì vậy, bên cạnh những mặt tích cực do khai thác du lịch đem lại thì hậu quả do khai thác quá mức tài nguyên du lịch đã và đang báo động ở hầu hết các điểm du lịch trên cả nước. Tại http://www.thanhnien.com.vn/Du_lich_huy_diet_canh_quan ngày 13-16/3/2013 đã đánh giá: Nhiều thắng cảnh bị xóa sổ trên bản đồ du lịch nước nhà, trong khi không ít thắng cảnh khác đang có nguy cơ biến mất bởi sự can thiệp thô bạo của con người. Nhiều điểm đến đẹp ở Việt Nam đã bị hủy hoại bởi tình trạng bê tông hóa khiến những người làm du lịch lâu năm cũng không thể nào nhận ra vẻ đẹp hoang sơ của nhiều điểm tham quan nổi tiếng. Thắng cảnh nào cũng quảng cáo là thiên đường nghỉ dưỡng, tham quan, thư giãn cho du khách nhưng hầu hết đều có chung một vấn đề, đó là ô nhiễm trầm trọng. Và hậu quả là chính ngành du lịch sẽ gặp khó, đầu tiên về tình trạng phát triển du lịch coi nhẹ tác động tiêu cực lên môi trường tự nhiên và cảnh quan.

1.2.3. Tình hình phát triển du lịch tại khu vực nghiên cứu.

Với việc được UNESCO 2 lần công nhận là DSTNTG và năm 2012 đã được công nhận là một trong bảy kỳ quan thiên nhiên mới của thế giới đã khẳng định được tiềm năng vị thế của vịnh Hạ Long. Các giá trị cảnh quan, địa chất, địa mạo và đa dạng sinh học ngày càng thu hút khách du lịch đến với khu DSTNTG vịnh Hạ

Long, với trên 5 triệu lượt khách trong tổng số 7 triệu lượt khách đến Quảng Ninh năm 2012 [10]. Một số loại hình du lịch hiện đang được nhiều du khách trong và ngoài nước ưa thích tham gia khi khám phá Vịnh Hạ Long: Du lịch tham quan các hang động và vui chơi giải trí, tắm biển tại các bãi đảo trên vịnh; Du lịch chèo thuyền phao (Kayaking) để du khách tự chèo thuyền thám hiểm, khám phá những điều mới mẻ trên vịnh; Du lịch văn hoá cho du khách ham mê văn hoá, có nhiều thời gian để tham quan, tìm hiểu những di chỉ khảo cổ, giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể trên Vịnh Hạ Long; Du lịch nghỉ dưỡng trên Vịnh Hạ Long với không khí trong lành, khí hậu dễ chịu và phong cảnh ngoạn mục sẽ làm cho du khách cảm thấy thoải mái, thư giãn và phục hồi sức khoẻ sau một thời gian làm việc căng thẳng...

Tuy nhiên, việc phát triển du lịch dựa trên khai thác tài nguyên trong thời gian qua vẫn mang tính rời rạc, chưa có sự kết nối đa ngành và liên ngành, đôi khi mang tính hủy hoại tài nguyên. Bên cạnh đó, tác động mạnh nhất đối với các HST khu vực là hoạt động lấn biển, khai thác khoáng sản than, giao thông thủy... Hậu quả là hệ sinh thái cỏ biển, RNM tại ven bờ hầu như bị biến mất, khai thác quá mức các nguồn lợi hải sản phục nhu cầu ẩm thực của du khách, “có nhiều ánh đèn và hoạt động xây dựng ở hang động , dù nhỏ thôi, cũng sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến sự phát triển của môi trường bên trong hang” [10].

Du lịch Hạ Long hiện nay so với tiềm năng giá trị của Vịnh Hạ Long còn hạn chế nhiều về sản phẩm du lịch, không gian du lịch và tính hấp dẫn đối với du khách, đồng thời gây sức ép không nhỏ cho công tác quản lý bảo tồn và phát huy giá trị tại vùng bảo vệ tuyệt đối trên Vịnh Hạ Long. Vì vậy, trong khuôn khổ đề tài sẽ đề cập đến những nội dung trên và đưa ra các giải pháp nhằm góp phần khai thác một cách bền vững các nguồn tài nguyên, trong đó đặc biệt quan tâm là tài nguyên sinh học và du lịch tại khu DSTNTG vịnh Hạ Long.

CHƯƠNG 2: ĐỊA ĐIỂM, THỜI GIAN, PHƯƠNG PHÁP LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Địa điểm nghiên cứu

Địa điểm nghiên cứu là Khu vực Di sản Thiên nhiên Thế giới Vịnh Hạ Long , thuộc thành phố Hạ Long , tỉnh Quảng Ninh. Đặc điểm của khu vực nghiên cứu như sau.

Vị trí địa lý:

Vịnh Hạ Long là vùng biển đảo nằm ở phía Đông Bắc Việt Nam, thuộc địa phận tỉnh Quảng Ninh có tọa độ từ 106⁰56' đến 107⁰37' kinh độ đông và 20⁰43' đến 21⁰09' vĩ độ Bắc.

Khu Di sản Thiên nhiên Thế giới Vịnh Hạ Long thuộc thành phố Hạ Long - tỉnh Quảng Ninh , ở phía Đông Bắc Việt Nam. Khu Di sản có diện tích 1.553km² bao gồm 1.969 hòn đảo, trong đó trên 90% là đảo đá vôi. Phía Bắc và Tây Bắc kéo dài từ huyện Yên Hưng, qua thành phố Hạ Long, thị xã Cẩm Phả, đến hết phần biển đảo huyện Vân Đồn; phía Đông Nam và phía Nam giáp bờ Tây vịnh Bắc Bộ, phía Tây Nam giáp đảo Cát Bà (Hải Phòng).

Khu vực bảo vệ tuyệt đối được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên thế giới có diện tích 434km², gồm 775 hòn đảo trong đó 411 đảo có tên được giới hạn bởi 3 điểm: Đảo Đầu Gỗ (phía Tây), đảo Đầu Bê (phía Nam) và đảo Cống Tây



(phía Đông). Bao quanh khu vực bảo vệ tuyệt đối là vùng đệm , có chiều rộng từ 5 - 7 km, phạm vi dao động từ 1 - 2 km.

Đặc điểm địa hình:

Vịnh Hạ Long được hình thành bởi các đảo đá vôi và đá phiến, phía lục địa là các đồi và núi đá. Vịnh Hạ Long được nối với biển mở phía ngoài qua các luồng lạch có độ sâu khá lớn. Nền đáy Vịnh được bao phủ bởi lớp trầm tích hạt mịn, khu vực ven bờ đặc trưng bởi các bãi triều lầy, các đồi và núi đá tuổi Mesozoic sớm. Các bãi triều thường lớn, được che phủ bởi rừng ngập mặn và đặc trưng bởi hệ thống các kênh và lạch triều. Bên cạnh các bãi triều và đồi núi đá còn có một số các bãi cát dọc ven bờ Vịnh. Vịnh Hạ Long có độ sâu không lớn, phổ biến từ 5 - 7 m, những nơi có luồng lạch có độ sâu 10 - 15 m, nơi sâu nhất 25 - 30 m và sâu dần về phía biển. Tuy nhiên cũng có một số nơi do ảnh hưởng của các đảo nên độ sâu thay đổi bất thường. Đáy biển tương đối bằng phẳng, có khuynh hướng hơi dốc theo hướng Bắc Nam và từ Tây sang Đông.

Đặc điểm khí tượng, thủy văn

Vịnh Hạ Long nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, chia làm 2 mùa chính và 2 mùa chuyển tiếp: Mùa đông từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau, nhiệt độ từ 15°C - 20°C. Mùa hè từ tháng 5 đến tháng 9, nhiệt độ từ 26°C - 27°C. Hai mùa chuyển tiếp: Mùa xuân và mùa thu có khí hậu mát mẻ, ôn hoà. Nhiệt độ trung bình năm 18°C - 19°C.

Khu vực vịnh Hạ Long có lượng mưa trung bình năm từ 2.000mm - 2.200mm. Độ mặn của nước biển chia làm 2 mùa tương ứng: Mùa mưa đạt 21 - 22‰, mùa khô đạt 32‰ - 33‰.

Vịnh Hạ Long có chế độ nhật triều thuần nhất với độ lớn từ 3,5 - 4,5m, triều thấp vào các tháng 3, 4, 8 và 9, triều cao vào các tháng 1, 6, 7 và 12 [42].

2.2. Thời gian nghiên cứu

Đề tài được tiến hành nghiên cứu bao gồm:

- Xây dựng đề cương và phê duyệt: Tháng 3-4/2013.
- Tổ chức nghiên cứu tài liệu và đi thực địa: Tháng 4/2013.
- Khảo sát thu thập thông tin , số liệu, dữ liệu: Từ tháng 4/2013 đến tháng 10/2013.
- Tổng hợp số liệu , phân tích, đánh giá, viết báo cáo sơ bộ : Từ tháng 8 đến tháng 11/2013.
- Hoàn thiện đề tài: Tháng 11/2013- 12/2013.

Các số liệu về đa dạng sinh học , du lịch được thu thập từ năm 2009 đến nay dùng để phục vụ cho đề tài.

2.3. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

2.3.1. Phương pháp luận

Cách tiếp cận hệ sinh thái:

Tiếp cận HST là cách tiếp cận mới, mang tính đa ngành và tổng thể, ban đầu được xây dựng và phát triển chủ yếu nhằm vào mục tiêu giải quyết các vấn đề môi trường và quản lý tài nguyên để thay thế cho cách tiếp cận cổ điển theo ngành và lĩnh vực

Tiếp cận hệ sinh thái là một chiến lược quản lý tổng hợp đất, nước và các tài nguyên sống nhằm tăng cường việc bảo vệ và khai thác, sử dụng bền vững theo hướng cân bằng. Nó được dựa trên việc áp dụng các phương pháp khoa học thích hợp tập trung vào mức độ tổ chức sinh học trong đó bao gồm các quy trình cần thiết, chức năng và tương tác giữa các sinh vật và môi trường của nó . Phương pháp này chỉ ra rằng : con người với sự đa dạng văn hóa của họ, là một phần không thể thiếu của hệ sinh thái [31].

Đây là phương thức quản lý mới, tiên tiến thích hợp với bản chất tự nhiên của một đối tượng tác được bắt đầu nghiên cứu tại Việt Nam từ năm 1996 và triển

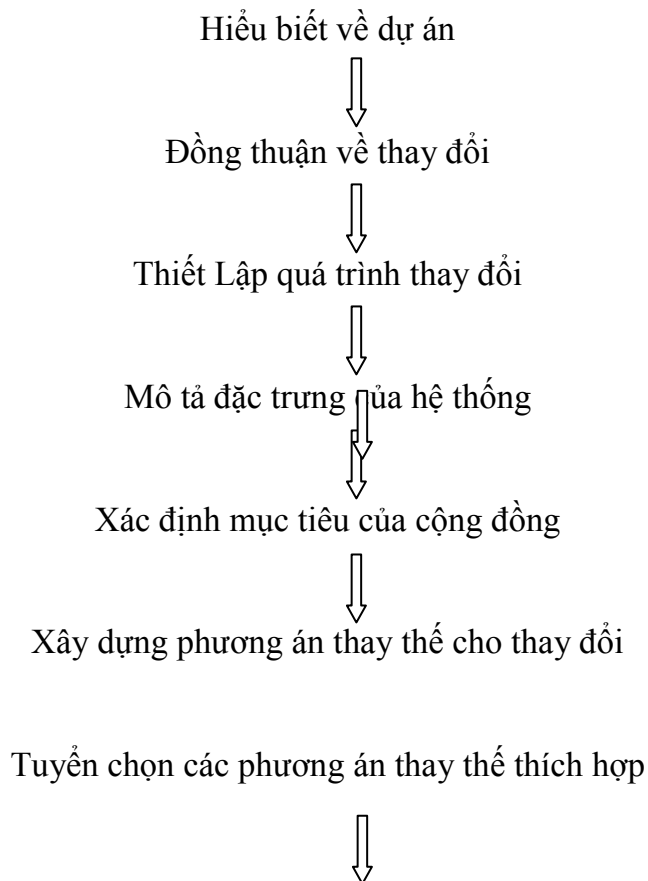
khai tại vùng bờ biển 2 tỉnh Quảng Ninh và Hải Phòng từ năm 2003 với sự giúp đỡ của Cơ quan Quản lý khí quyển và đại dương Hoa Kỳ (NOAA) và IUCN [13].

Đây là phương pháp cốt lõi, định hướng cho các giải pháp thực hiện của đề tài nghiên cứu.

Cách tiếp cận quản lý bảo tồn dựa vào cộng đồng (CBCM):

Theo Lê Diên Dực, bảo tồn dựa vào cộng đồng bao gồm việc bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học do, vì và với cộng đồng địa phương. Đối với những nhà bảo tồn thì việc phải làm trong bảo tồn dựa vào cộng đồng là làm thế nào để các sản phẩm thiên nhiên có ý nghĩa đối với cộng đồng địa phương. Một khi cộng đồng địa phương được quan tâm thì việc cần làm là kiểm soát tài nguyên thiên nhiên và thông qua các hoạt động bảo tồn đời sống kinh tế của cộng đồng địa phương sẽ tăng lên.

CÁC BƯỚC CHÍNH CỦA CỘNG ĐỒNG THAM GIA VÀO DỰ ÁN BẢO TỒN:



Ổn định các thay đổi



Duy trì và giám sát

(Nguồn: Theo Isobel w.Heathcote, 1998)

Cách tiếp cận tiếp cận hệ thống:

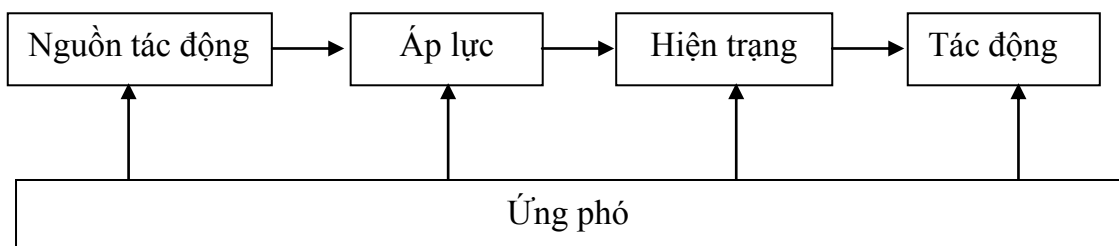
Là cách tiếp cận sự vật, hiện tượng qua cấu trúc hệ thống, thứ bậc và động lực của chúng. Đây là cách tiếp cận toàn diện và động. Cách tiếp cận này là cách xử lý biện chứng nhất đối với các vấn đề môi trường và phát triển [22].

2.3.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp DPSIR:

Phương pháp này được cơ quan môi trường Châu Âu (EEA) kế thừa và nâng cấp từ phương pháp phân tích PSR (Presures - States - Responses) của tổ chức hợp tác phát triển kinh tế OECD từ năm 1994.

Phương pháp DPSIR mô tả mối quan hệ tương hỗ giữa Động lực - D (phát triển kinh tế - xã hội, nguyên nhân sâu xa của các biến đổi tài nguyên sinh học và môi trường), Áp lực - P (các nguồn thải trực tiếp gây ô nhiễm và suy thoái tài nguyên sinh học, môi trường), Hiện trạng - S (Hiện trạng đa dạng sinh học), Tác động - I (tác động của suy thoái tài nguyên sinh học đối với hoạt động phát triển kinh tế - xã hội và môi trường), Đáp ứng - R (các giải pháp bảo vệ tài nguyên sinh học và môi trường).



Phương pháp tham vấn:

- Tham vấn chuyên gia và các nhà quản lý : Thu thập thông tin, nhận định, đánh giá tiềm năng đa dạng sinh học, phát triển du lịch sinh thái của khu vực.

- Tham vấn cán bộ Ban Quản lý vịnh Hạ Long, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, Sở Tài nguyên và Môi trường , Viện Tài nguyên và Môi trường biển , một số doanh nghiệp kinh doanh du lịch...

- Người dân địa phương: Tham vấn một số người dân làng chài và đang tham gia làm du lịch trên Vịnh Hạ Long.

Phương pháp thu thập số liệu:

Các tài liệu, báo cáo thống kê, các văn bản pháp luật liên quan đến điều kiện kinh tế, xã hội, môi trường nơi nghiên cứu.

Các tài liệu được thu thập từ Ban Quản lý vịnh Hạ Long, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, Sở Tài nguyên và Môi trường Viện Tài nguyên và Môi trường biển, Internet các đề tài, dự án điều tra đa dạng sinh học và phát triển du lịch sinh thái quy hoạch du lịch...

Phương pháp đánh giá nhanh nông thôn (RRA – Rural Rapid Appraisal)

Đầu thập niên 1970, RRA được phát triển nhằm đáp ứng nhu cầu cho các phương pháp thu thập và phân tích thông tin → RRA mang tính liên ngành và ít tốn thời gian hơn.

RRA có thể định nghĩa tóm tắt là: “Một phương pháp tìm hiểu về địa phương được thực hiện bởi một nhóm liên ngành trong một thời gian ngắn (ít nhất 4 ngày, nhưng không quá 3 tuần) và dựa trên các thông tin thu thập từ trước, quan sát trực tiếp và phỏng vấn khi cần thiết trong trường hợp có những câu hỏi không thể xác định được trước đó”.

Nhược điểm: Còn nhiều sai số do mùa vụ, do nhân khẩu học (gặp nam nhiều hơn nữ, giàu nhiều hơn nghèo), do vị trí khảo sát (thường bỏ qua vùng sâu vùng xa)...[11].

Phương pháp nghiên cứu hiện trường, điều tra khảo sát:

Khảo sát thực địa: Tìm hiểu các tuyến, điểm du lịch hiện tại trong khu vực nghiên cứu. Một số điểm du lịch sinh thái, hệ sinh thái RNM, núi đá vôi, hang động, tảng áng...

Công cụ phân tích SWOT:

Theo Vũ Hồng Phương, 2013, Công cụ phân tích SWOT xuất hiện vào 1960 - 1970, là tập hợp viết tắt những chữ cái đầu tiên của các từ tiếng Anh: *Strengths* (Điểm mạnh) - Lợi thế tài nguyên sinh học và du lịch của vịnh Hạ Long là gì? Việc phát huy lợi thế ra sao? *Weaknesses* (Điểm yếu) - Những hạn chế trong khai thác giá trị các tài nguyên sinh học và du lịch sinh thái của vịnh Hạ Long trên cơ sở bên trong và cả bên ngoài là gì? *Opportunities* (Cơ hội) - Cơ hội phát triển đối với ngành du lịch, bảo vệ tài nguyên đa dạng sinh học vịnh Hạ Long trong tương lai là gì? Cần phải làm gì để có được các cơ hội đó? *Threats* (Thách thức) - Những trở ngại, nguy cơ đang đối mặt là gì? Các phân tích này thường giúp tìm ra những việc cần phải làm và biến yếu điểm thành triển vọng.

Từ việc phân tích từng thành phần sẽ đưa ra 4 chiến lược phát triển: chiến lược điểm mạnh - cơ hội (S-O), chiến lược điểm mạnh - thách thức (S-T), chiến lược điểm yếu - cơ hội (W-O), chiến lược điểm yếu - thách thức (W-T). Phân tích SWOT được sử dụng nhằm để đạt được tới mục tiêu chiến lược dài hạn hay cụ thể trong đề tài này là tầm nhìn định hướng phát triển du lịch bền vững tại khu Di sản Thiên nhiên Thế giới vịnh Hạ Long.

CHƯƠNG 3: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

Trên cơ sở khảo sát thực địa và thu thập các tài liệu hiện có tại khu vực , đề tài khái quát một số lĩnh vực liên quan đến tài nguyên du lịch và đa dạng sinh học , từ đó đề xuất các giải pháp nhằm khai thác các lợi thế về tài nguyên sinh học để phát triển bền vững ngành du lịch Vịnh Hạ Long.

3.1. Tình hình khai thác các giá trị tài nguyên đa dạng sinh học

3.1.1. *Tiềm năng và hiện trạng đa dạng sinh học vịnh Hạ Long*

Vịnh Hạ Long nổi tiếng với các giá trị thiên nhiên và giá trị địa chất ngoại hạng và đều được tạo nên bởi tính đa dạng sinh học cao của khu vực . Đa dạng sinh học của Vịnh Hạ Long không chỉ thể hiện ở cấp độ nguồn gen , cấp độ loài mà còn cả ở cấp hệ sinh thái đặc trưng của một vùng biển ven bờ nhiệt đới.

Trong vùng Vịnh Hạ Long tồn tại 10 kiểu HST rất đặc thù của quần đảo đá vôi vùng nhiệt đới: Rừng ngập mặn, cỏ biển, vùng triều đáy mềm, vùng triều đáy cứng, bãi triều cát, rạn san hô, tùng-áng, các thảm thực vật trên đảo, hang động, rạn đá quanh đảo. Giá trị các hệ sinh thái Vịnh Hạ Long ít nơi sánh kịp , đặc biệt các giá trị bảo tồn của hang động và tùng áng là giá trị nổi bật của HST vịnh Hạ Long [42]. Số liệu chi tiết về các HST trên vịnh Hạ Long như sau:

1. Các thảm thực vật trên các đảo

Trong tháng 12/2007, Viện Tài nguyên và Môi trường biển đã khảo sát tại 20 các đảo lớn nhỏ (Vạn Gió, Cống Dầm, Cống Đỏ, Hòn Cạp La, Vạn Bội, Đầu Gỗ, Hang Luồn, Hòn Vều, Dầm Nam, Bồ Hòn, Lờm Bò, Bù Xám, Cỏ Ngựa, Đầu Bê, Cống Đỏ, Hòn Cạp La, Mây Đền, Tam Cung, Hang Trai, Bồ Nâu...). Kết quả đã xác định các thảm thực vật trên đảo vẫn phát triển xanh tốt. Độ phủ đạt từ 80 – 100 % ở hầu hết các đảo. Các nhóm đảo có thảm rừng bao phủ xanh tốt gồm 6 nhóm đảo: 1- Nhóm đảo Hang Trai, 2- Nhóm đảo Đầu Bê, 3- Nhóm đảo Cống đỏ, 4- Nhóm đảo Vạn Gió, 4- Nhóm đảo Cỏ Ngựa, 5- Nhóm đảo Hòn Vều, 6- Nhóm đảo Mây Đền.

Kết quả đã xác định được 2 dạng các thảm thực vật trên các đảo thuộc Vịnh Hạ Long, gồm rừng trên các sườn và vách núi đá ở các đảo và rừng ở các thung lũng núi đá.

Rừng trên các sườn và vách núi đá ở các đảo

Giữa hai sườn đông và tây các đảo, hệ thực vật sinh trưởng khác nhau. Sườn đông thường ẩm, nên hệ thực vật thường sinh trưởng tốt hơn. Sườn tây khô hơn nên hệ thực vật kém phát triển hơn. Trên các sườn dốc một số loài thường rụng lá vào mùa khô. Ở đây tồn tại kiểu rừng thấp, bao gồm các loài thực vật thường rất thấp, khoảng 1-2 m, tạo nên thảm thực vật bao phủ các sườn và vách đảo. ở đây gặp phổ biến các loài Huyết giác - *Dracaena cambodiana* (Dracaenaceae), Mang - *Pterospermum truncatolobatum*, Trôm - *Sterculia lanceolata* (Sterculiaceae), Ngũ gia bì Hạ Long - *Schefflera alongensis* (Araliaceae), Tuế Hạ Long - *Cycas tropophylla* (Cycadaceae), Móng bò thom - *Bauhinia ornata* (Caesalpiniaceae), *Ficus microcarpa*, *Ficus benjamina* (Moraceae), *Rhamnus crenatus* (Rhamnaceae), *Breynia fruticosa* (Euphorbiaceae), *Cratoxylon formosum* (Hypericaceae)... Thường ở mỗi đảo và từng cụm đảo, thành phần hệ thực vật có những nét đặc trưng. Ví dụ: Cọ Hạ Long - *Livistona halongensis* gặp ở các đồng cao hoặc các đỉnh dọc các đảo giáp với Cát Bà (Bồ Hòn, Lờm Bò, Tùng Lâm, Chân Voi, Cát Lan, Mây Đền). Lan hài đốm - *Paphiopedilum concolor* (Orchidaceae) ở Hòn Cống La Đông, Hòn Đình Gâm, Hòn Mắc Hen, Mây Đền.

Rừng ở trong các thung lũng núi đá

Ở một số đảo là rừng thường xanh. Trong các thung lũng ít chịu ảnh hưởng của khí hậu khắc nghiệt, trên nền đá vôi có đất mùn, nên các loài thực vật ở đây phát triển xanh tốt, có những loài cao 15-20 m, đường kính 50-60 cm. Các thung lũng còn có rừng tốt gặp ở các đảo: Bồ Hòn, Lờm Bò, Tùng Lâm, Chân Voi, Cát Lan. ở kiểu rừng này còn gặp các loài gỗ quý như Táu - *Vatica odorata* (Dipterocarpaceae), Sến - *Madhuca pasquieri* (Sapotaceae), các loài dẻ thuộc các chi *Castanopsis*, *Lithocarpus*, *Quercus* (Fagaceae), Chẹo thui - *Helicia*

cochinchinensis (Proteaceae), Vải guốc *Xerospermum noronhianum* (Sapindaceae), Mang cụt - *Pterospermum truncalobatum* (Sterculiaceae), Ngát - *Gironiera subequalis* (Ulmaceae), một vài loài sung như *Ficus lacor*, *Ficus benjamina* (Moraceae)... đặc biệt loài Chè đắng - *Ilex kaushue* (Aquifoliaceae), trước đây chỉ mới gặp ở các vùng núi đá các tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn, Thái Nguyên gần đây có gặp ở Quảng Ninh. Đặc biệt trong ở đảo Bờ Hòn một quần thể có những cá thể chè đắng có đường kính thân tới 30 cm. Đây là loài cây thuốc quý, cần được bảo vệ.



Hình 1.1 Khỉ vàng trên núi đá vôi vịnh Hạ Long

(Nguồn: Viện Tài nguyên và Môi trường biển, 2009)

Thành phần loài sinh vật trong thảm thực vật trên đảo

Kết quả khảo sát của Viện Tài nguyên và Môi trường biển , cho đến nay hệ thực vật một số đảo Vịnh Hạ Long được biết gồm : 508 loài, 351 chi thuộc 110 họ thực vật bậc cao có mạch. Trong đó gồm: Ngành Lá thông - Psilophyta: 1 họ, 1 chi, 1 loài; Ngành thông đất - Lycopodiophyta: 1 họ, 1 chi, 2 loài; Ngành Dương xỉ - Polypodiophyta: 2 họ, 9 chi, 17 loài; Ngành Thông - Pinophyta: 2 họ, 2 chi, 2 loài; Ngành Mộc lan - Magnoliophyta: 101 họ, 339 chi, 486 loài. Trong đó có 21 loài được ghi nhận là quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng và ghi trong Sách đỏ Việt Nam phân thực vật xuất bản năm 2007.

Trong hệ thực vật đã thống kê được 17 loài thuộc loài đặc hữu của Vịnh Hạ Long như sau:

Bảng 1. 1. Các loài đặc hữu của Vịnh Hạ Long

Stt	Tên khoa học	Tên Việt Nam
1	<i>Schefflera alongensis</i>	Ngũ gia bì hạ long
2	<i>Livistona halongensis</i>	Cọ hạ long
3	<i>Cycas tropophylla</i>	Tuế hạ long
4	<i>Impatiens halongensis</i>	Bóng nước hạ long
5	<i>Chirita gemella</i>	Cây ri một cặp
6	<i>Chirita halongensis</i>	Cây ri hạ long
7	<i>Chirita hiepii</i>	Cây ri hiệp
8	<i>Chirita modesta</i>	Cây ri ôn hoà
9	<i>Paraboea halongensis</i>	Song bẻ hạ long
10	<i>Neolitsea alongensis</i>	Nô hạ long
11	<i>Ficus superba var. alongensis</i>	Sung hạ long
12	<i>Ardisia pedalis</i>	Cơm nguội chân
13	<i>Jasminum alongensis</i>	Nhài hạ long
14	<i>Hedyotis lecomtei</i>	An điền hạ long
15	<i>Allophylus leviscens</i>	Ngoại mộc tai
16	<i>Pilea alongensis</i>	Nan ông hạ long
17	<i>Alpinia calcicola</i>	Riềng núi đá

(Nguồn: Điều tra nghiên cứu đa dạng sinh học vịnh Hạ Long nhằm phát huy giá trị của di sản, Viện Tài nguyên và Môi trường biển, 2009).

2. Các hệ sinh thái biển

a. Hệ sinh thái cỏ biển

Phân bố của cỏ biển: Trước năm 1985, cỏ biển khá phổ biến ở vịnh Hạ Long, đặc biệt là vùng Cao Xanh, Hồng Hải, Hùng Thắng, Tuần Châu và Gia Luận (Cát Bà). Hiện nay diện tích các thảm cỏ biển đã bị thu hẹp nhiều do các công trình lấn biển, vùng ven bờ hầu như không còn các bãi cỏ biển. Các bãi cỏ biển quanh các đảo trong vịnh có diện tích nhỏ nên hầu như không phát huy được giá trị của kiểu hệ sinh thái này. Trước năm 2000, các bãi cỏ biển nhóm đảo Đầu Mối (20 ha) và trước cửa hang Đầu Gỗ (5 ha) là những điểm có diện tích lớn hơn cả. Nhưng hiện nay, ngay tại Đầu Gỗ cũng không thấy cỏ biển. Như vậy có thể thấy, thảm cỏ biển hoàn toàn không còn tồn tại ở Vịnh Hạ Long [22].

Thành phần loài: Các kết quả điều tra của của Dự án “Nghiên cứu quản lý môi trường vịnh Hạ Long” (1998) và Dự án “Ngăn chặn suy thoái môi trường biển Đông và vịnh Thái Lan” (2000 - 2008) đã phát hiện được 5 loài cỏ biển trong khu vực vịnh Hạ Long và phía Bắc đảo Cát Bà, bao gồm: *Halophila beccari*, *H. ovalis*, *H. decipiens* (Họ Hydrocharitaceae), *Ruppia maritima* (họ Cymodoceaceae) và *Zostera japonica* (họ Zosteraceae) (Nguyễn Văn Tiến và nkk, 2002). Ngoài các loài cỏ biển, còn ghi nhận được một số loài sinh vật khác sống định cư trên thảm cỏ biển, bao gồm 17 loài rong biển, 14 loài động vật đáy lớn. Phần lớn các loài động vật đáy lớn thuộc nhóm Giáp xác và Thân mềm đều có kích thước nhỏ thuộc nhóm ấu trùng hoặc con non. Qua đây ta thấy, các thảm cỏ biển là nơi ương nuôi ấu trùng cho vùng nước xung quanh (Nguyễn Chu Hồi và nkk, 1998).

b. Hệ sinh thái rừng ngập mặn

Phân bố: Trước đây rừng ngập mặn (RNM) phân bố chủ yếu trong vùng vịnh Cửa Lục, dọc ven bờ thành phố Hạ Long. Tuy nhiên, do hoạt động lấn biển, các khu rừng ngập mặn quanh Hạ Long dần dần biến mất, thay vào đó là các con đường dọc ven biển, các khu đô thị, xí nghiệp, nhà máy, công viên mọc lên. Hiện nay, RNM chỉ còn là những thảm nhỏ trong vịnh Cửa Lục, Đại Yên, Hoàng Tân và quanh một số đảo có bãi lầy hẹp như trước cửa hang Đầu Gỗ. Diện tích của RNM quanh vịnh Hạ Long bị giảm đi với tốc độ 5,35 %/năm trong giai đoạn 1989 – 2001 (Phan

Hùng Dũng, 2003) cho đến nay (2008) có thể lên tới 80 % trong tổng số 25.000 ha trước đây. Diện tích RNM tại ven bờ Bãi Cháy và Hòn Gai đã bị phá hoàn toàn để biến thành các khu đô thị và khu du lịch, văn hoá.

Thành phần loài: Theo các kết quả điều tổng hợp tài liệu, thành phần loài thực vật ngập mặn (TVNM) quanh vịnh Hạ Long, bao gồm cả phía bắc của đảo Cát Bà bao gồm 30 loài thuộc 23 họ. Phong phú hơn cả là họ Đước và họ Hoà thảo, mỗi họ có 3 loài, tiếp đến là các họ Cúc, Cói và Bông, mỗi họ có 2 loài, các họ còn lại đều chỉ có một loài. Qua đây thấy rằng thành phần loài của quần xã thực vật ngập mặn vịnh Hạ Long chiếm khoảng 32% thành phần loài của TVNM Việt Nam. Những loài ưu thế như Mắm quăn (*Avicennia lanata*), Sú (*Aegiceras corniculatum*), Vẹt dù (*Bruguiera gymnorhiza*), Trang (*Kaldelia ovata*), Đước vôi (*Rhizophora stylosa*), Vạng hôi (*Clerodendron inerma*),... (Lăng Văn Kên và nnk, 2002).

Ngoài cây ngập mặn, đã thống kê được gần 500 loài sinh vật khác nhau trong RNM, trong đó: Rong biển - 16 loài; Cỏ biển - 4 loài; Động vật đáy - 306 loài; Cá biển - 90 loài; Bò sát - 5 loài; Chim - 37 loài; Động vật có vú - 12 loài (Nguyễn Chu Hồi và nnk, 1998). Bên cạnh đó, Rừng ngập mặn còn là nơi sinh sống của nhiều loài bị đe dọa. Thống kê sơ bộ theo Danh mục đỏ Việt Nam (2007) đã thống kê được 3 loài ốc, 3 loài bò sát (rắn), 3 loài chim (thuộc nhóm chim nước) và một loài thú (Rái cá thường). Đặc biệt, trong RNM có nhiều loài là đối tượng hải sản có giá trị kinh tế cao như Ngán, Sá sùng, Bạch tuộc,...

c. Hệ sinh thái bãi triều rạn đá quanh các đảo trong vịnh Hạ Long:

Phân bố: Các bãi triều rạn đá viền quanh các chân đảo trong vùng vịnh Hạ Long có nền đáy chủ yếu là các vách đá, các ngấn biển, đôi chỗ là những nơi đá cuội, đá tảng trượt từ trên núi xuống trải rộng 5 - 10 m. Diện tích của các bãi triều rạn đá trong vịnh Hạ Long và Cửa Lục có diện tích chỉ khoảng 30 ha (Nguyễn Đức Cự, 1998). Nhiều hang, hốc làm nơi trú ngụ và trốn tránh kẻ thù nên thành phần loài của HST thái này rất phong phú và đa dạng. Sự phân bố của sinh vật trên vùng triều phân đới rất rõ ràng bởi các nhóm sinh vật bám đáy đặc trưng như các loài thân

mềm thuộc lớp Hai mảnh vỏ (hàu, vênh). Lẩn trốn trong các vĩa đá, thân mềm trên là các loài giun nhiều tơ, giáp xác, da gai nhỏ.

Thành phần loài : Trong thành phần của quần xã vùng triều đáy đá đã phát hiện được 129 loài Rong biển, khoảng 10 loài san hô khối thuộc các họ Poritidae và Faviidae, 51 loài Giun nhiều tơ, 60 loài ốc, 75 loài hai mảnh vỏ, 70 loài Giáp xác, 12 loài Da gai và 2 loài Hải miên. Tham gia vào quần xã sinh vật này còn có 2 loài Bò sát (rắn nước, Kỳ đà), 21 loài Chim nước (*Trần Đình Lân và nnk, 2003*), 3 loài rái cá (*Phạm Trọng ảnh và nnk, 2001*). Như vậy tổng số loài phát hiện được khoảng 423 loài.

d. Hệ sinh thái vùng triều thấp đáy mềm:

Phân bố: Các bãi triều thấp đáy mềm phân bố chủ yếu phía trong vịnh Cửa Lục (bắc vịnh), phía tây vịnh quanh các đảo Tuần Châu, Hoàng Tân. Diện tích của HST này khoảng 5.781 ha (*Nguyễn Đức Cự, 1998*), tuy nhiên hiện nay chỉ còn khoảng trên 3.000 ha.

Thành phần loài: Quần xã sinh vật ở đây được chia thành 2 nhóm khác nhau: Nhóm sống định cư trên bãi triều bao gồm các loài động vật đáy - khoảng 150 loài, rong biển - 58 loài (*Nguyễn Văn Tiến và Lê Thị Thanh, 1994*), cỏ biển - 5 loài, cá biển - 5 loài; và nhóm sống trong tầng nước di cư theo thủy triều bao gồm: Thực vật phù du - 145 loài (*Chu Văn Thuộc, 1996*), Động vật phù du - 54 loài (*Nguyễn Thị Thu, 1996*), Cá biển - 74 loài. Ngoài ra một số loài động vật có xương sống cũng sinh sống, kiếm ăn trên vùng bãi triều cửa sông khi triều rút như rắn nước, chim nước,



Hình 1.2. Hệ sinh thái đáy mềm trên vịnh Hạ Long

(Nguồn: Viện Tài nguyên và Môi trường, 2008)

e. Hệ sinh thái rạn san hô

Phân bố: San hô và hệ sinh thái rạn san hô phân bố chủ yếu các đảo phía Nam vịnh Hạ Long trên các nền đáy cứng xung quanh các đảo, các tùng, áng hay các bãi có nền đáy là đá gốc hoặc san hô chết. Tại một số nơi san hô hình thành nên các rạn nhưng do hạn chế về độ sâu, chất đáy nên có độ trải dài ngắn, cấu trúc rạn không điển hình nhưng vẫn thể hiện sự phân bố điển hình của các quần xã sinh vật sống trên rạn san hô. Từ những năm 1997 trở về trước san hô phân bố hầu hết quanh các đảo đá vôi trong vịnh Hạ Long, kể cả các đảo gần bờ như Đầu Gỗ, Hòn Vẽ, Dầm Nam... nhiều rạn trải dài và rộng đến hàng trăm mét. Vài năm trở lại đây do môi trường bị ô nhiễm, sự tàn phá của con người cùng với nhiệt độ nước biển tăng cao đã làm cho san hô ở vịnh Hạ Long thay đổi đáng kể về diện tích và phạm vi phân bố. Hiện nay, các rạn san hô còn sót lại chỉ là một dải hẹp ven các đảo phía ngoài như khu vực Cống Đỏ, Vạn Gió, Bọ Hung, Hang Trai, Đầu Bê. Các rạn san hô ở ven đảo phía bên trong đã bị chết toàn bộ hoặc số còn sót lại không đáng kể (Xem phần Phụ lục 2).

Phân bố số lượng loài tại các rạn cũng có sự khác nhau đáng kể và nhìn chung là thấp hơn so với các kết quả trước rất nhiều. Một số rạn có số loài cao là Cọc Chèo, Cống Đò, áng Dù, Cống đằm, Lưỡi Liềm, Vung Viêng (31 - 37 loài), các rạn có số loài ít là Cặp La, Giã Gạo, Soi Ván, Vung Hà, Trà Giới có 5 - 11 loài. Trong khi đó các kết quả khảo sát năm 1998 số loài tại các rạn là khá cao như Hang Trai 75 loài, Cống Lá 73 loài, Cống Đò 69 loài. Như vậy có thể thấy sự suy giảm của san hô Vịnh Hạ Long đã đến mức báo động.

Thành phần loài: Kết quả khảo sát tại trên toàn khu vực Hạ Long trong năm 2007 – 2008 đã xác định được 102 loài, 32 giống thuộc 11 họ của bộ san hô cứng Scleractinia. Như vậy đã giảm 9 giống, 20 loài so với kết quả JICA 1998 và 16 giống, 48 loài so với các kết quả nghiên cứu trước đó.



Hình 1.3. Cá Mao Tiên trong rạn san hô vịnh Hạ Long

(Nguồn: Viện Tài nguyên và Môi trường Biển, 2009)

Cho đến nay đã phát hiện được trong quần xã rạn san hô có 180 loài Thực vật phù du, 104 loài Động vật phù du, 129 loài Rong biển, 231 loài San hô, 118 loài Giun đốt, 11 loài Bọt biển, 230 loài Thân mềm, 77 loài Giáp xác, 15 loài Da gai, 155 loài cá biển. Tổng cộng đã thống kê được 1315 loài sinh vật. Đáng chú ý trong số này có nhiều loài Giáp xác có khả năng di động cao. Qua số liệu trên cho thấy, đa

dạng loài và đa dạng nguồn gen của HST rạn san hô rất phong phú và đa dạng, có thể là đa dạng nhất trong các hệ sinh thái biển [26] [27], .

f. Hệ sinh thái tùng, áng

Phân bố: Hệ sinh thái tùng, áng là một kiểu HST đặc thù của vịnh Hạ Long . Theo số liệu của Đỗ Công Thung, Massimo Sarti (2004), vùng này có đến 57 tùng và 62 áng, độ sâu thường 1-3 m. Trong đó, lớn nhất là tùng Gấu (220 ha) và áng Vẹm (28,8 ha), nhỏ nhất là tùng Mây Đền (1,5 ha) và áng Trề Mồi (0,7 ha). Chúng phân bố rải rác khắp trong vùng nghiên cứu.



Hình 1.4. Hệ sinh thái tùng áng trên vịnh Hạ Long

(Nguồn: Viện Tài nguyên và Môi trường Biển, 2009)

Thành phần loài: Thành phần loài của quần xã sinh vật HST tùng, áng khá đa dạng, trên vùng triều thường có cấu trúc xen kẽ giữa nhóm sinh vật bám với nhóm sinh vật đáy trên nền cát - sỏi. Phần ngập nước của áng có san hô và rong biển phát triển, nhiều chỗ khá dày đặc nên rất hấp dẫn du khách. Cho đến nay đã phát hiện được trên 72 loài động, thực vật sống trong các áng. Trong đó có 21 loài rong, 37 loài thân mềm (19 loài thuộc lớp 1 mảnh vỏ và 18 loài thuộc lớp 2 mảnh vỏ), 8 loài giáp xác, 6 loài da gai và một số loài san hô thuộc giống *acropora*, *Porites*, *Favia*. Các loài điển hình gồm *Anomalodiscus squamosa*, *Paphia malabarica*, *Annadara subcrenata*, *Isognomum legumen*, *Pteria martensii*,.... Các

số liệu trên vẫn chưa thể hiện hết được sự đa dạng về loài của hệ sinh thái rừng - áng do mức độ điều tra còn hạn chế, các nhóm Đa gai, Cá biển còn ít được điều tra.

g. Hệ sinh thái vùng ngập nước thường xuyên ven bờ

Phân bố: Hệ sinh thái vùng ngập nước thường xuyên ven bờ bao gồm phần mặt nước khắp trong vùng có độ sâu 0 - 20 m nước dưới 0mHĐ. Diện tích vùng ngập nước này khoảng 139.770 ha trong vùng nghiên cứu.

Thành phần loài: Do đây là một khối nước tương đối đồng nhất , nên khu hệ sinh vật bao gồm nhiều nhóm loài khác nhau : Thực vật phù du (TVPD), động vật phù du (ĐVPD), động vật đáy (ĐVD), Cá biển, Bò sát thường được thống kê chung cho cả vùng biển từ vùng gần bờ đến vùng xa bờ. Trong đó: TVPD có 302 loài thuộc 37 họ của 4 ngành tảo; ĐVPD có 142 loài và nhóm loài thuộc 6 ngành; Giun tròn : 55 loài thuộc 19 họ; Thân mềm: khoảng 120 loài; Giáp xác: 123 loài; Đa gai: 24 loài; Cá biển: 196 loài; Thú biển: 3 loài cá heo, chỉ đôi khi xuất hiện ở vùng phía ngoài. Trong đó rất nhiều loài có giá trị kinh tế như cua biển, tôm he, cá vược, ...

h. Hệ sinh thái hang động

Phân bố: Theo kết quả nghiên cứu, cho đến nay đã phát hiện tại Vịnh Hạ Long có 14 hang động và phân bố tập trung ở trung tâm khu Di sản . Các Hang phân bố lần lượt từ Bắc xuống Nam như sau : Thiên Cung, Đầu Gỗ, Thiên Long, Kim Quy, Tam Cung, Bò Lâu, Hang Luồn, Lâu Đài, Sừng Sốt, Hồ Động Tiên, Mê Cung, Hang Trống, Hang Trinh Nữ

Thành phần: Do môi trường không đa dạng và tương đối nghèo dinh dưỡng , nên cấu trúc quần xã sinh vật nghèo hơn hẳn các hệ sinh thái khác ở Vịnh Hạ Long. Đến nay, mới chỉ xác định được có khoảng trên 20 loài động vật. Động vật có vú là 2 loài (1 loài dơi và 1 loài chuột núi). Các loài ĐVKXS thuộc Giáp xác (Crustacea) và Thân mềm (Mollusca) gồm khoảng 5 loài thuộc nhóm Isopoda sống trong các vũng nước hoặc các khe đá và có khoảng 2 loài ốc (Gastropoda) thuộc họ ốc (Vermetidae và Vertiginidae).. Các loài di động nhanh như dán (Blattaria), nhện

(Arachinidae), Dế hang (Salattoria). Theo B. Sket thì có tới 8 loài trong đó 2 loài cá và 6 loài giáp xác được coi là các loài đặc hữu của hang động Vịnh Hạ Long [42].

Phân vùng đa dạng sinh học:

Để bảo vệ đa dạng sinh học có kết quả thì phải phân khu vực nghiên cứu thành các vùng ứng với mức độ đa dạng sinh học khác nhau. Căn cứ vào các tiêu chí về hệ sinh thái, đa dạng loài, các loài quý hiếm đã được nghiên cứu trong năm 2007-2008 và kết hợp với các kết quả nghiên cứu trước đây, Viện Tài nguyên và Môi trường Biển đã đề xuất phân vùng đa dạng sinh học khu Di sản thiên nhiên thế giới thành 3 tiểu vùng đa dạng khác nhau:

Tiểu vùng đa dạng sinh học thấp: bao gồm toàn bộ vùng ven bờ Bãi Cháy, ven bờ Hồng Gai và Vịnh Cửa Lục. Trong khu vực này hệ sinh thái chủ đạo là rừng ngập mặn và các bãi triều cát. Rừng ngập mặn, hiện nay đã bị phá hủy khoảng trên 50 % diện tích so với trước đây. Các bãi cát, bãi đá đã được tôn tạo thành các khu đô thị và du lịch và các bãi cát nhân tạo đang được hình thành. Đây là khu mà các sinh cảnh bị xáo trộn mạnh mẽ. Vì vậy hầu hết các nhóm sinh vật tại đây hoặc đã bị tuyệt diệt hoặc đã giảm về số lượng. Các loài đặc sản như ngao, ngó, ngán, sá sùng, sò huyết ở ven đảo Tuần Châu, trước đây tập trung thành bãi, nay không còn nữa. Tương tự như vậy các bãi đặc sản (Sò, Ngán) ở Bắc Cửa Lục cũng có nguy cơ bị mất hẳn.

Tiểu vùng đa dạng sinh học trung bình. Ranh giới phía Bắc của tiểu vùng, từ động Thiên Cung đến hòn Cu Đền và phía Nam từ Hòn Bù Xám đến hòn Xoi Cóc. Tiêu biểu nhất cho khu vực này là sự tập trung cao của các hang động Kaster với các di chỉ khảo cổ quan trọng. Các rạn san hô đã từng có trước năm 1997 ở khu vực này, hiện mức độ khá tốt nay chỉ còn sót lại một vạt nhỏ rộng khoảng 10 m ở khu vực đảo Bù Xám. Trên các đảo, thảm thực vật vẫn phát triển tốt. Chỉ số đa dạng sinh học của nhóm động vật đáy nằm trong khoảng 2,1 - 2,5. Các nhóm sinh vật khác như phù du, rong biển phát triển ở mức độ bình thường. Hệ sinh thái hồ nước mặn như Bù Xám, Sừng Sốt vẫn giữ được vẻ tương đối hoang sơ.

Tiểu vùng đa dạng sinh học cao: Khoảng 2/3 diện tích còn lại của khu Di Sản đã được bảo vệ khá tốt. Trên các đảo, thảm thực vật xanh tốt, độ phủ ước khoảng 80 - 100 %. Phần dưới nước có tới 14 điểm có san hô tạo thành các rạn. Các bãi đặc sản như Tu hài (khu vực Đầu Bê), hải sâm, trai ngọc vẫn phát triển tốt. Chỉ

số đa dạng sinh học của nhóm động vật đáy mềm cao từ 2,5 - 3,8. Mật độ động vật phù du và rong biển đều đạt ở mức độ cao. Các loài thú trên đảo như khỉ (khu vực Cống Đỏ, Áng Dù, Hồ Ba Hàm) vẫn quan sát thấy từng bầy khỉ.

3.1.2. Tình hình khai thác các giá trị tài nguyên đa dạng sinh học

Tài nguyên sinh học đa dạng, phong phú với trên 400 loài hải sản kinh tế đặc trưng của vịnh Bắc Bộ gồm nhiều loại hải sản quý như hải sâm, bào ngư, ngọc trai, tôm, cua, cá, mực, tu hài, sá sùng, sò, ngán, hàu, hà... Đây vừa là nguồn tài nguyên quý cho ngành công nghiệp chế biến xuất khẩu thủy sản của Quảng Ninh vừa là nguồn thực phẩm đặc trưng hấp dẫn, thường xuyên phục vụ các đối tượng khách du lịch và người dân địa phương.

Các rừng ngập mặn tại khu vực là nơi nuôi dưỡng và sinh trưởng của nhiều loài động thực vật trong cả vòng đời hay một giai đoạn nào đó trong vòng đời của chúng, trong đó rất nhiều loài có giá trị thực phẩm cao như tôm, cua, sò, ngán, bạch tuộc, cá... Tuy nhiên, do diện tích RNM bị suy giảm nghiêm trọng nên hiện nay Hạ Long phải nhập nhiều loài đặc sản trên từ các vùng khác về để cung cấp cho các nhà hàng hải đặc sản cũng như cuộc sống hàng ngày của nhân dân địa phương. Các thảm rừng ngập mặn không còn là các nhà máy của tự nhiên tham gia vào quá trình xử lý các chất thải lỏng từ các khu dân cư do dọc ven biển thành phố Hạ Long không còn dải RNM nên nước thải đã đổ thẳng ra biển. Vì vậy mà giảm quá trình lắng đọng bồi tích, giảm tác động của sóng, bão của RNM cũng không còn nữa.

Cũng như thảm RNM, các thảm cỏ biển có vai trò và giá trị kinh tế tương tự cũng bị mất đi. Điều này đồng nghĩa với việc mất đi nơi nuôi dưỡng và sinh trưởng của nhiều loài tôm, cua, cá và nguồn giống của chúng. Vai trò trong việc ổn định nền đáy, xử lý nước thải do đó cũng bị suy giảm.

Tuy thành phần loài của quần xã sinh vật trên vùng thấp triều đáy mềm nghèo nàn hơn vùng đảo xa bờ nhưng trên vùng này lại hình thành nhiều bãi hải đặc sản quan trọng và trữ lượng cao, sản lượng khai thác lớn. Đáng chú ý là các bãi đặc

sản: Sò huyết, Sò lông ở Tuần Châu; Ngao, ngán, ngó tại Cửa Lục; Giá biển, Sâu đất, Bông thùa tại Tuần Châu...

Hệ sinh thái rạn san hô có giá trị to lớn trong việc lưu trữ nguồn gen và nguồn lợi sinh vật của vùng biển. Những loài có giá trị kinh tế quan trọng của HST rạn san hô như Tu hài (*Lutralia philipinarum*) - khoảng 4,5 tấn/năm, Sò lông (*Annadara subcrenata*) - khoảng 3.000 tấn/năm, cá Song, cá Mú (*Epinephelus*) - khoảng 3-5 tấn/năm, Trai ngọc, Tôm hùm,... Đây là những loài có giá trị kinh tế cao trên thị trường và xuất khẩu. Tiếc rằng việc thống kê sản lượng khai thác hàng năm chưa được thực hiện do quá trình khai thác và buôn bán nhiều khi được thực hiện ngay trên biển.

San hô và các rạn san hô là HST nhạy cảm và độc đáo, là nơi sinh cư của rất nhiều loài sinh vật. Các rạn san hô ở vùng Hạ Long còn là những điểm đến lý tưởng của du khách. Tại những vùng san hô bị tàn phá, nền đáy trở nên trống vắng, các loài sinh vật khác hầu như mất hẳn. Điều này sẽ tạo nên áp lực khai thác lên những hệ sinh thái khác trong khu vực. Ngoài các loài có giá trị kinh tế, trên rạn san hô còn phân bố nhiều loài bị đe dọa tuyệt chủng nên trở thành là những loài quý hiếm như Rong chân vịt nhẵn (*Cryptonemia undulata*), cá Ngựa gai (*Hipopocampus histrix*), cá ngựa Nhật (*H. japonicus*), cá Ngựa đen (*H. kuda*), San hô sừng cảnh đẹp (*Junceella gemmacea*), San hô lỗ đỉnh xù xì (*Acropora aspera*), San hô lỗ đỉnhaute (*A. austera*), San hô lỗ đỉnh hạt (*A. cerealis*), San hô lỗ đỉnh hoa (*A. florida*), San hô lỗ đỉnh Đài loan (*A. formosa*), San hô lỗ đỉnh nobi (*A. nobilis*), San hô cảnh đầu nhụy (*Stylophora pistilata*), San hô khối đầu thùy (*Porites lobata*) Bào ngư chín lỗ (*Halotis diversicolor*), Sam ba gai đuôi (*Tachypleurus tridentatus*), ốc đụn đực (*Trochus pyramis*), ốc đụn cái (*Trochus niloticus*), ốc xoắn vách (*Epitonium scalare*), Trai ngọc môi đen (*Pictada margaritifera*), Trai ngọc nữ (*P. pinguin*), Bàn mai (*Pinna vexillum*), Tu hài (*Lutralia philippinarum*), Mực thước (*Photologia chinensis*), Mực nang vân hổ (*Sepia pharaonis*) (Danh lục đỏ Việt Nam, 2007).

3.2.3. Hiện trạng và các áp lực đối với đa dạng sinh học vịnh Hạ Long

a. Áp lực và hiện trạng môi trường và đa dạng sinh học.

Ngày nay, do sự phát triển kinh tế - xã hội, nhất là các hoạt động khai thác khoáng sản, vận tải, dịch vụ, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản, du lịch, mở rộng đô thị... diễn ra ngày càng gia tăng trên và ven bờ Vịnh Hạ Long đã gây nên những sức ép không nhỏ đối với việc bảo tồn đa dạng sinh học của Vịnh. Các tác động từ sự suy giảm rừng ngập mặn, nước thải, rác thải mang theo các khoáng chất độc hại từ các khu dân cư ven bờ, dầu thải từ máy tàu thuyền... là các nguyên nhân gây bồi lắng đáy vịnh, ô nhiễm nguồn nước, ảnh hưởng trực tiếp đến sự sinh trưởng của các loài động thực vật ở hệ sinh vật đáy và nhiều loài động thực vật khác.

Việc khai thác quá mức các bãi đặc sản xảy ra thường xuyên và liên tục đã làm giảm lượng cá thể bố mẹ đạt kích thước thành thục và sinh sản, dẫn đến giảm nguồn giống tự nhiên cung cấp cho các bãi đặc cho vụ sau, từ đó làm giảm khả năng tái tạo và phục hồi nguồn lợi.

Phong trào lấn biển lấy đất làm công trình, đặc biệt là các khu đô thị dọc ven biển, chặt phá RNM để làm đầm nuôi hải sản như tôm, cua, cá, rong câu từ năm 2000 trở về trước đã làm mất đi nơi ương nuôi nguồn giống tự nhiên cũng như lượng mùn bã hữu cơ làm thức ăn cần thiết cho các loài sống trên bãi triều.

Theo số liệu thống kê của BQLV HL, năm 2012 có 2.568.204 lượt khách tham quan vịnh Hạ Long, trong đó khách nội địa là 1.074.737 lượt và khách quốc tế là 1.493.467. Điều này đã gây áp lực lên các HST do đáp ứng nhu cầu về thực phẩm, các món ăn hải sản, tàu thuyền phục vụ du lịch. Du lịch đến các khu hang động làm ảnh hưởng đến các loài tự nhiên. Bên cạnh đó, một số cảnh quan tự nhiên còn bị thay đổi hoặc bị tàn phá.

Hơn 3.000 tàu thuyền đánh bắt thủy, hải sản các loại thường xuyên hoạt động trên biển Hạ Long cùng với hàng chục ngàn ngư dân sinh sống trên các phương tiện này đang là một tác nhân tiêu cực rất khó kiểm soát đối với hoạt động bảo vệ môi trường du lịch biển. Hình thức khai thác hải sản bằng te điện, bằng các

loại lưới mắt nhỏ quây trên bãi triều để tận thu cả những cá thể tôm cá nhỏ vẫn diễn ra đã có tác hại to lớn đến nguồn giống tự nhiên của sinh vật cho vùng biển Hạ Long và cửa sông [4].

(Nguồn: Ban Quản lý Vịnh Hạ Long, 2012)

b. Mức độ tác động tới đa dạng sinh học

Viện Tài nguyên và Môi trường Biển , năm 2008, đã chia mức độ đe dọa ĐDSH Vịnh Hạ Long tương ứng với mức độ bị suy giảm của các hệ sinh thái và thành 3 cấp: Cao, trung bình và mức độ đe dọa thấp:

- *Mức độ đe dọa cao:*

Khi các hệ sinh thái đã từng có ở khu vực, nhưng vì nhiều nguyên nhân khác nhau đã bị hủy diệt hoặc đang có nguy cơ bị hủy diệt. Tương ứng với quan điểm này, toàn bộ khu vực nước ven bờ Vịnh Hạ Long và khu vực phía Bắc từ động Thiên Cung đến hòn Cu Đền và phía Nam từ Hòn Bù Xám đến hòn Xoi Cóc được coi là khu vực có mức độ đe dọa cao. Ở đây hệ sinh thái rừng ngập mặn có nguy cơ bị biến mất hoàn toàn. Các rạn san hô đã từng bao quanh các đảo hiện nay đã biến mất. Sự di cư của các sinh vật thủy sinh ra khỏi khu vực bị đe dọa cũng thể hiện rõ (mất đi các bãi đặc sản)

- *Mức độ đe dọa trung bình:*

Các hệ sinh thái đã tồn tại ở khu vực đã có dấu hiệu suy giảm nhưng chưa ở mức độ nghiêm trọng. Tương ứng với mức độ này, là phần lớn diện tích còn lại của Vịnh Hạ Long (trừ khu vực Hang Trai - Đầu Bê). Tại đây về cả độ phủ và thành phần loài của san hô cũng đang bị suy giảm. So sánh kết quả nghiên cứu về rạn san hô năm 2007, 2008 với năm 1997 thì độ phủ đã giảm khoảng 20 - 30 %. Nhưng các hệ sinh thái khác như rừng trên đảo, đáy mềm, vùng triều vẫn còn gần như nguyên trạng.

- *Mức độ đe dọa thấp:*

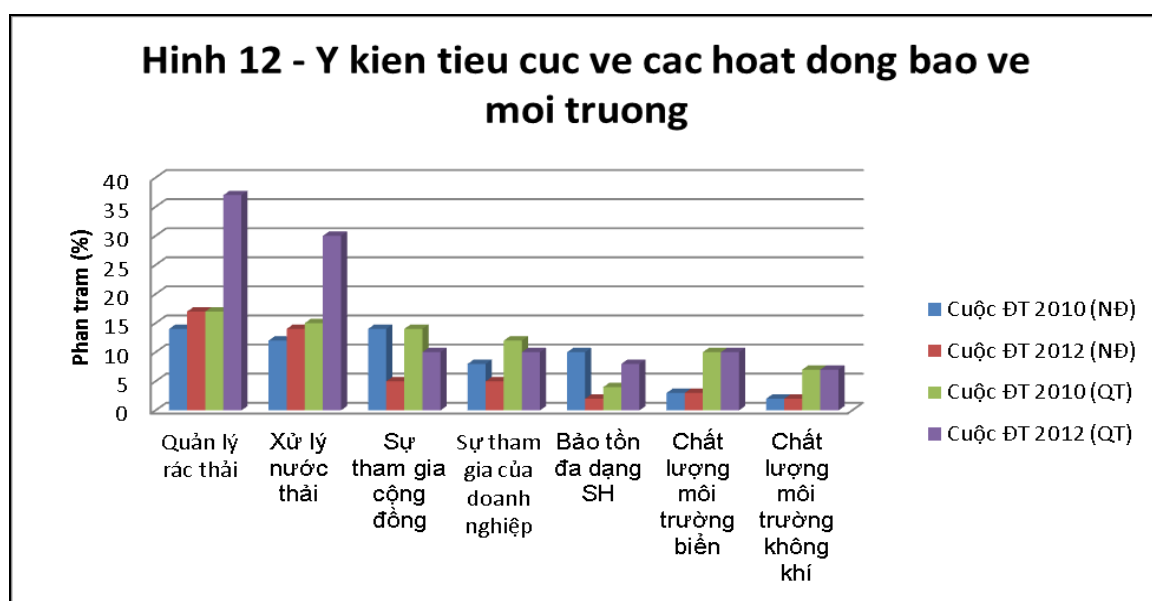
Mức độ đe dọa thấp ứng với gần như nguyên trạng của các hệ sinh thái trên đảo và dưới nước. Tương tự, toàn bộ khu vực Hang Trai - Đầu Bê là khu vực ít bị đe dọa nhất do ách xa bờ, sóng, gió nguy hiểm, nên sự tàn phá của con người thông qua các

hoạt động du lịch là không đáng kể. Các hệ sinh thái san hô, vùng triều, rừng mưa nhiệt đới, hệ sinh thái đáy mềm vẫn gần như nguyên trạng

c. Kết quả đánh giá về công tác bảo vệ môi trường và hoạt động du lịch tại Vịnh Hạ Long

o *Đánh giá công tác bảo vệ môi trường:*

So sánh kết quả điều tra khách du lịch của Viện Nghiên cứu và Phát triển Du lịch năm 2010 và năm 2012 [3] về công tác bảo vệ môi trường, điều tra tổng số 205 khách (quốc tế là 105 người và nội địa là 100 người), kết quả như sau:



Đồ thị 1.1. Kết quả đánh giá hoạt động bảo vệ môi trường

Ghi chú: NĐ: Nội địa QT: Quốc tế

- Khách quốc tế được phỏng vấn đánh giá kém các vấn đề : việc quản lý và thu gom rác thải (chiếm 37%, tăng 20% so với cuộc điều tra năm 2010), việc xử lý nước thải (chiếm 30%, tăng 15%), chất lượng môi trường biển (chiếm 10%, không đổi), các hoạt động bảo tồn môi trường của cộng đồng (chiếm 10%, giảm 4%), các hoạt động bảo vệ môi trường của doanh nghiệp (chiếm 10%, giảm 2%), việc bảo tồn đa dạng sinh học (chiếm 8%, tăng 4%), chất lượng môi trường không khí ở Hạ Long (chiếm 7%, không đổi).

- Chỉ có ít số khách nội địa được phỏng vấn đánh giá kém về các vấn đề bảo vệ môi trường, bao gồm: việc quản lý và thu gom rác thải (17%, tăng 3% so với cuộc điều tra năm 2010), việc xử lý nước thải (14%, tăng 2%), các hoạt động bảo tồn môi trường của cộng đồng (5%, giảm 9%), các hoạt động bảo vệ môi trường của doanh nghiệp (5%, giảm 3%), chất lượng môi trường biển (3%, giảm 3%), việc bảo tồn đa dạng sinh học (2%, giảm 8%), chất lượng môi trường không khí ở Hạ Long (2%, không đổi).

Như vậy vấn đề môi trường cả khách quốc tế và nội địa đều dễ dàng nhận thấy và việc xử lý chất thải tại Hạ Long được đánh giá là kém.

○ *Đánh giá mức độ hài lòng của du khách::*

- Cả khách quốc tế và nội địa thể hiện sự hài lòng cao nhất (với điểm đánh giá rất tốt) về tiêu chí: cảnh quan thiên nhiên (khoảng 60% - 65%), tương đồng với kết quả cuộc điều tra năm 2010.

- Sự không hài lòng của khách quốc tế được phỏng vấn chủ yếu rơi vào các tiêu chí sau: Môi trường (20%, không đổi so với kết quả cuộc điều tra năm 2010), Giao thông đường bộ (13%, tăng 1%), An ninh an toàn (11%, tăng 6%), Mua sắm (10%, tăng 1%), Thông tin du lịch và chỉ dẫn (10%, tăng 2%), Các hoạt động vui chơi giải trí (10%, tăng 5%). Như vậy so với kết quả điều tra năm 2010 các lĩnh vực mà khách chưa hài lòng không thay đổi nhưng tỷ lệ khách trả lời không hài lòng đã tăng thêm vài %.

- Khách nội địa không thể hiện rõ quan điểm của mình khi chỉ có rất ít (một vài %) số người được hỏi trả lời không hài lòng đối với tất cả các tiêu chí điều tra, ngoại trừ vấn đề xử lý nước thải (15%).

c. Biến đổi khí hậu

Theo tài liệu hướng dẫn đánh giá tác động của BĐKH và xác định các giải pháp thích ứng của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Quảng Ninh thuộc phía Đông Bắc Bộ do đó kịch bản BĐKH của Quảng Ninh sẽ áp dụng kịch bản BĐKH đối với

khu vực Đông Bắc Bộ. Theo kịch bản phát thải trung bình (B2), vào cuối thế kỷ 21: Nhiệt độ trung bình năm ở Đông Bắc Bộ có thể tăng lên 2,5⁰C so với trung bình thời kỳ 1980 - 1999. Lượng mưa năm ở khu vực Đông Bắc Bộ có thể tăng từ 7 - 8% so với trung bình thời kỳ 1980 - 1999, do đó lượng mưa trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh có thể tăng từ 7 - 8% so với trung bình thời kỳ 1980 - 1999. Mực nước biển dâng so với thời kỳ 1980-1999 đến năm 2020 là 11,7cm, đến năm 2030 là 17,1cm và đến năm 2050 là 30,1cm.

BĐKH sẽ tác động trực tiếp đến tài nguyên nước, năng lượng, sức khỏe con người, nông nghiệp, an ninh lương thực, đa dạng sinh học, cơ sở hạ tầng, cộng đồng dân cư và các lĩnh vực khác. Hệ quả của nước biển dâng tại khu vực Hạ Long có thể làm ngập hoặc nhiễm mặn nhiều diện tích ruộng đất, làm mất dần rừng ngập mặn, gia tăng chi phí cho việc tu bổ các công trình cầu cảng, ngập lụt đô thị ven biển. Tác động không nhỏ đến tài nguyên du lịch, đặc biệt là các hang động và đảo đá tự nhiên đã hình thành, tồn tại hàng triệu năm qua. Nguy cơ tuyệt chủng các loài động thực vật gia tăng, nguồn thủy, hải sản bị suy giảm và phân tán.

Có nhiều giải pháp đã và đang được đề xuất, áp dụng để ứng phó với BĐKH, trong đó, bảo tồn và quản lý hiệu quả ĐDSH có ý nghĩa rất lớn trong ứng phó với biến đổi khí hậu, đó cũng là chiến lược thích nghi then chốt nhằm giúp những cộng đồng người dân dễ bị tổn thương đương đầu với biến đổi khí hậu. Dựa vào hệ sinh thái để thích ứng với biến đổi khí hậu là một cách tiếp cận lồng ghép, gắn kết việc sử dụng ĐDSH và dịch vụ hệ sinh thái trong chiến lược thích ứng chung với biến đổi khí hậu [40].

3.2. Tình hình phát triển du lịch tại vịnh Hạ Long

3.2.1. Tiềm năng du lịch trên vịnh Hạ Long

Tài nguyên du lịch tự nhiên:

Các giá trị nổi bật của Vịnh Hạ Long là các tài nguyên du lịch tự nhiên vô giá của Di sản này, bao gồm các giá trị thẩm mỹ, giá trị địa chất và giá trị đa dạng

sinh học. Có thể coi thương hiệu Vịnh Hạ Long chính là một trong những lợi thế phát triển du lịch lớn nhất của Quảng Ninh [1].

Với hệ thống gồm 1956 hòn đảo lớn nhỏ, mỗi đảo mang một hình dáng khác nhau hết sức sinh động: hòn Đầu Người, hòn Rồng, hòn Lã Vọng, hòn Cánh Buồm, hòn Trống Mái, hòn Lư Hương... Trong các đảo đá có những hang động tuyệt đẹp gắn với nhiều truyền thuyết thần kỳ như động Thiên Cung, hang Đầu Gỗ, động Sừng Sốt, hang Trinh Nữ, động Tam Cung... Các hang động và đảo núi trên Vịnh Hạ Long là các điểm tham quan hấp dẫn.



Hình 1. 5. Giá trị thẩm mỹ biển đảo Hạ Long [1]

Vịnh Hạ Long còn chứa đựng những giá trị về đa dạng sinh học với các hệ sinh thái của vùng biển nhiệt đới như: Hệ sinh thái rừng ngập mặn, hệ sinh thái rạn san hô, hệ sinh thái cỏ biển, hệ sinh thái rừng cây nhiệt đới. Ngoài ra, vịnh Hạ Long còn có hệ sinh thái tùng áng đặc thù, không nơi nào có được. Đây là tiềm năng cho phát triển du lịch sinh thái tại khu vực này.

Một số điểm du lịch hấp dẫn khách du lịch tại vịnh Hạ Long:

- Động Thiên Cung: Nằm phía Bắc của dãy đảo Đầu Gỗ, cách cảng tàu du lịch Bãi Cháy 4km, được phát hiện năm 1993. Động rộng và đẹp vào loại nhất của Vịnh Hạ Long, chia làm nhiều ngăn với vô vàn nhũ đá tạo thành các hình thù kỳ dị và hấp dẫn.

- Hang Đầu Gỗ: Cùng nằm trên dãy đảo Đầu Gỗ, cách động Thiên Cung khoảng 300m, mang nét cổ kính rêu phong, người Pháp gọi là “Động các kỳ quan”.

- Hang Sừng Sốt: Là một trong những hang động đẹp và hoành tráng, được ví như một nhà hát Opera trên Vịnh Hạ Long. Hang gồm 3 ngăn với tổng diện tích trên 10.000m². Mỗi cảnh trí trong hang mang lại cho du khách một cảm giác mới lạ, ngạc nhiên. Sừng Sốt là một trong những hang động Karst điển hình.

- Động Mê Cung: Cách cảng tàu du lịch Bãi Cháy 15km về phía Đông Nam, có di chỉ khảo cổ quan trọng thuộc văn hoá Soi Nhụ, có niên đại khoảng 18.000 - 7.000 năm cách ngày nay.

- Hang Trinh Nữ: Cách cảng tàu du lịch Bãi Cháy khoảng 14km về phía Đông Nam. Hang gắn liền với huyền thoại về tình yêu của một đôi trai gái dân vạn chài, vì giữ lòng chung thủy với người yêu, người con gái đã bị tên địa chủ đày ra đảo xa và hoá đá tại nơi này.

- Hang Trống: Đối diện với hang Trinh Nữ, là nơi gắn liền với câu chuyện truyền thuyết về hang Trinh Nữ. Chàng trai biết tin người yêu bị đày trên một đảo đá, chàng liền đi tìm và đạt đến nơi này. Nhìn thấy người yêu mà chàng không thể tới được, đành dùng hòn đá gõ vào vách hang báo cho cô gái biết chàng đã đến. Chàng gõ mãi cho đến khi kiệt sức và chết tại đó.

- Đảo Titóp: Ngày 22-1- 1962, Bác Hồ cùng Giéc Man Ti Tốp (anh hùng lao động Việt Nam, anh hùng phi công vũ trụ Liên Xô - nay là Cộng hoà Liên bang Nga) tới thăm Vịnh Hạ Long và dừng chân tại bãi cát của đảo. Để kỷ niệm chuyến đi, Bác Hồ đã đặt tên cho đảo là Ti Tốp.

- Đảo Soi Sim: Nằm ở phía Tây Nam khu di sản thế giới Vịnh Hạ Long cách bến tàu du lịch Bãi Cháy khoảng 11km. Với diện tích 8.7 ha, đảo có cấu tạo địa chất đặc biệt với hai phần ba bao phủ bởi đất feralit và đất phong hóa đá vôi . Đảo có 2 bãi tắm đẹp và điểm ngắm cảnh bao quát khu di sản thế giới ở phía Đông Nam và Tây Bắc.

Trong tương lai đảo Soi Sim sẽ được phát triển thành một trong những trung tâm du lịch sinh thái với hệ thống các nhà nghỉ nhỏ bằng gỗ, vườn bảo tồn động thực vật, hệ thống lầu ngắm cảnh, nghỉ dưỡng hấp dẫn trong khu vực trung tâm di sản.

Tài nguyên du lịch văn hoá: *Vịnh Hạ Long, một trong những cái nôi của người Việt cổ* với ba nền văn hoá tiền sử kế tiếp nhau, cách ngày nay từ 18.000 đến 3.500 năm, đó là: Văn hóa Soi Nhụ, văn hóa Cái Bèo và văn hóa Hạ Long. *Bên cạnh đó Vịnh Hạ Long - nơi ghi dấu lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc.* Hiện nay, trong khu vực Vịnh Hạ Long còn có nhiều di tích lịch sử - văn hoá quan trọng, đặc biệt cộng đồng ngư dân các làng chài trên Vịnh vẫn còn lưu những nét văn hoá, truyền thống độc đáo của người vùng biển Hạ Long .Bên cạnh đó , những năm gần đây, ngành du lịch Quảng Ninh đã kết hợp tổ chức lễ hội với hoạt động quảng bá du lịch dưới các tên gọi “Lễ hội du lịch Quảng Ninh”, “Lễ hội Carnival Hạ Long” thu hút được sự quan tâm của nhiều du khách trong nước và quốc tế.

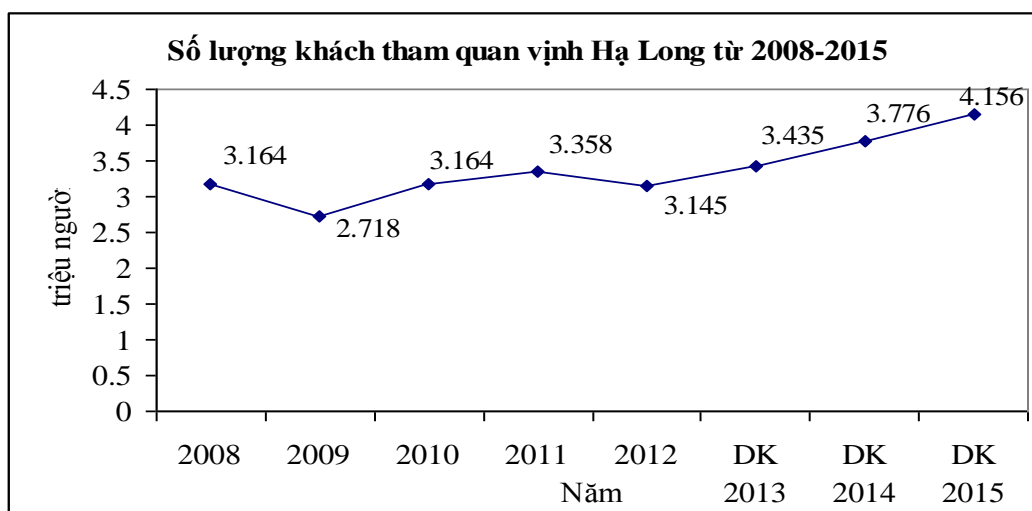
3.2.2. Thực trạng phát triển hoạt động du lịch trên vịnh Hạ Long

Từ sau khi được công nhận lần đầu tiên là Di sản thiên nhiên thế giới năm 1995, du lịch vịnh Hạ Long đã phát triển mạnh mẽ và liên tục. Năm 2012 tỉnh Quảng Ninh đã đón được hơn 7,005 triệu lượt khách, trong đó lượng khách đến tham vịnh Hạ Long là 3,145 triệu lượt, chiếm 44% lượng khách tham quan toàn tỉnh [1].

Hoạt động đầu tư du lịch cho vịnh Hạ Long đã thu hút được nhiều nguồn lực trong xã hội. Kết cấu hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ khách du lịch đã

không ngừng được đầu tư phát triển với trên 850 cơ sở lưu trú; đội tàu du lịch có 500 chiếc kinh doanh vận chuyển khách du lịch trên Vịnh.

Không gian du lịch trên địa bàn tỉnh được mở rộng . Tuyến du lịch không gian di sản Vịnh Hạ Long được kết nối với du lịch thương mại và du lịch biên giới (Vân Đồn, Móng Cái), nghỉ dưỡng và du lịch tâm linh (Uông Bí, Đông Triều, Yên Hưng), sinh thái và làng nghề (Đông Triều). Các khu du lịch này hàng năm thu hút một lượng khách khá lớn đến tham quan.



Đồ thị 1.2. Số lượng khách tham quan vịnh Hạ Long từ năm 2008-2015

(Nguồn: UBND tỉnh Quảng Ninh, Quy hoạch Du lịch tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030) Ghi chú: DK = dự kiến)

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, tình hình hoạt động du lịch ở Quảng Ninh nói chung và Hạ Long nói riêng hiện nay vẫn còn không ít những mặt còn hạn chế. Trước hết là sự hạn chế và thiếu đồng bộ về cơ sở hạ tầng, sự nghèo nàn về sản phẩm du lịch, các loại hình dịch vụ vui chơi giải trí còn quá đơn điệu . Tại thành phố Hạ Long , trên đất liền ngoài việc xem biểu diễn cá heo, công viên nhạc nước ở Tuần Châu, xem biểu diễn múa rối nước tại công viên quốc tế Hoàng Gia, mua hàng lưu niệm tại Chợ đêm ở Bãi Cháy... Trên vịnh Hạ Long, hoạt động du lịch chủ yếu tập trung vào khai thác một số tuyến điểm tham quan hang động như Thiên Cung - Đầu Gỗ, Sừng Sốt - Tì Tốp - Mê Cung.... nên rất đơn điệu, giảm

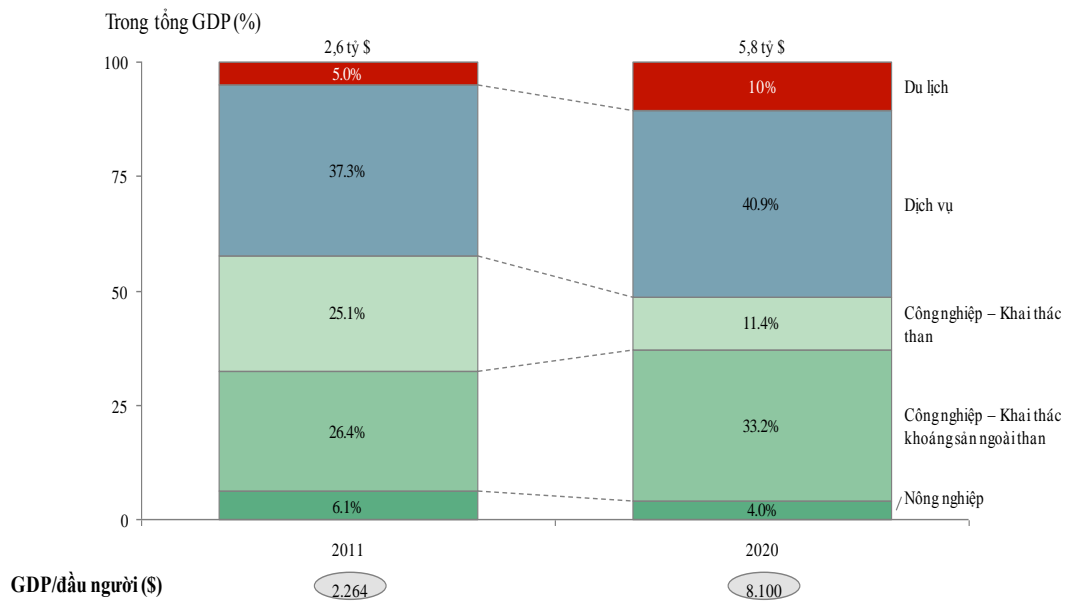
tính hấp dẫn. Lượng khách du lịch tăng nhanh nhưng doanh thu từ du lịch của Quảng Ninh chưa cao chưa xứng với tiềm năng thể mạnh về du lịch của Quảng Ninh.. Tỷ trọng khách sử dụng các dịch vụ cao cấp còn hạn chế, thời gian lưu trú, mức chi tiêu của khách còn thấp.

Bảng 1.2 So sánh hoạt động du lịch tại Quảng Ninh và Thái Lan

	Phu-kệt	Chiềng Mai	Quảng Ninh
Độ dài trung bình ngày ở (ngày)	5,15	3,13	1,43
Vườn thú và công viên hải dương	6	17	0
Các lớp học	11	46	0
Vui chơi giải trí, Bảo tàng, Biểu diễn, Văn hóa	28	77	1
Dã ngoại, Thể thao, Du lịch mạo hiểm	296	166	49

(Nguồn: *TripAdvisor, Báo cáo chung về Du lịch Quảng Ninh*)

Định hướng phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020 nói chung và thành phố Hạ Long nói riêng sẽ nâng cao tỷ trọng của ngành du lịch và dịch vụ, trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh, chuyển dần cơ cấu kinh tế theo hướng bền vững từ “nâu sang xanh” . Điều này có tác động tích cực cho phát triển du lịch bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học.



Nguồn: Báo cáo chung của Viện du lịch, Quy hoạch tổng thể kinh tế xã hội do McKinsey lập
 Ghi chú: Chỉ tiêu phân đầu đến năm 2020 nếu theo kịch bản "Phải làm" như xác định trong QHTHKTXH)

Hình 1.6. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020

3.2.3. Điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức trong phát triển du lịch bền vững vịnh Hạ Long

Điểm mạnh:

- Vị trí địa lý rất thuận tiện cho việc đi lại bằng các loại phương tiện . Luôn là điểm đến hấp dẫn khi lựa chọn.

- Tài nguyên thiên nhiên phong phú , đa dạng sinh học cao (tài nguyên vị thế). Giá trị địa chất , địa mạo và sinh học liên quan mật thiết với nhau . Nhiều hoạt động bảo tồn đã và đang được triển khai nên đã có kinh nghiệm trong công tác bảo tồn. Điều tra cơ bản ĐDSH được thực hiện trong phạm vi toàn bộ khu di sản . Tỉnh Quảng Ninh đã ban hành kế hoạch hành động đa dạng sinh học .

- Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực từ “nâu” sang “xanh”.

- Là nơi chứa đựng và nuôi trồng những loài hải sản có giá trị kinh tế để phục vụ phát triển du lịch.

- Thành phố Hạ Long là nơi tập trung nguồn nhân lực có trình độ cao hơn hẳn các địa phương khác, đặc biệt dịch vụ và thương mại.

- Lãnh đạo các cấp ngày càng quan tâm đến công tác bảo tồn đa dạng sinh học nhằm phát triển bền vững.

Điểm yếu:

- Thời gian di chuyển dài do hạ tầng giao thông chưa tốt và đồng bộ nên hạn chế cơ hội tham quan . Thời tiết mùa đông lạnh không thuận tiện cho phát triển du lịch nghỉ dưỡng.

- Chưa khai thác được tiềm năng hiện có cho phát triển DLST . Sản phẩm du lịch nghèo nàn, hoạt động trải nghiệm ít.

- Khai thác quá mức nguồn lợi thủy sản phục vụ du lịch.

- Trình độ ngoại ngữ hạn chế của người liên quan như người bán hàng , hướng dẫn viên du lịch, thiếu “nụ cười thân thiện”.

- Nguồn nhân lực chất lượng cao khan hiếm , nhân lực phục vụ DLST thiếu và yếu.

- Các dự án nghiên cứu, điều tra cơ bản mang tầm quốc tế rất hạn chế.

- Thiếu quan trắc , đánh giá biến động về ĐDSH . Nhận thức và năng lực về bảo tồn đa dạng sinh học còn chưa đầy đủ, hạn chế ở các cấp chính quyền cũng như cộng đồng.

- Sự phối kết hợp giữa các ngành chưa được chặt chẽ và đồng bộ, đồng thời cơ chế phối kết hợp cũng còn bất cập.

Cơ hội:

- Vị trí của ngõ giao thương Việt Nam - Trung Quốc nên sẽ thu hút được rất nhiều khách du lịch.

- Nhu cầu, về du lịch và DLST ngày càng tăng.

- Quy hoạch du lịch đang xây dựng mang tầm quốc tế , du lịch được xác định là ngành kinh tế mũi nhọn . Vì vậy, lĩnh vực này sẽ được quan tâm đầu tư lớn , đặc biệt là vịnh Hạ Long.

- Vịnh Hạ Long được nhiều nhà quản lý , nhà khoa học và du khách trong nước và quốc tế quan tâm và bảo vệ . Nhiều trường Đại học, Viện nghiên cứu và các tổ chức quốc tế đã và đang triển khai các hoạt động nghiên cứu và bảo tồn tại địa phương;

- Bảo tồn ĐDSH đã và đang được xem là một giải pháp ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu.

Thách thức:

- Ô nhiễm môi trường và suy giảm ĐDSH làm giảm vị thế của Di sản và tác động tới ĐDSH . Các hiện tượng thời tiết cực đoan và biến đổi khí hậu tác động không nhỏ lên đa dạng sinh học.

- Mâu thuẫn về lợi ích và phạm vi giữa các hoạt động kinh tế (du lịch, công nghiệp, thủy sản, giao thông thủy...). Mâu thuẫn giữa lợi ích cộng đồng và quản lý địa phương hay khó khăn trong giải quyết vấn đề chia sẻ lợi ích từ sử dụng nguồn tài nguyên tự nhiên do thiếu nghiên cứu về các bên liên quan

- Cân bằng giữa bảo tồn và phát triển vịnh Hạ Long . Việc khôi phục lại các HST như: RNM, các rạn san hô, cỏ biển phải mất rất nhiều công sức, tài chính và thời gian.

- Nền kinh tế hiện tại chủ yếu phụ thuộc vào ngành than , trong khi ngành du lịch đóng góp tỉ lệ rất nhỏ(7%). Vì vậy, chuyển đổi cơ cấu kinh tế phải diễn ra dần dần

- Khó khăn trong việc thu hút đầu tư nước ngoài vào khu vực do tình hình kinh tế khó khăn.

- Khai thác thủy sản phục vụ du lịch, đặc biệt là các phương pháp hủy diệt.

Tóm lại: Đối với Vịnh Hạ Long, có nhiều cơ hội để hướng tới phát triển du lịch bền vững nhưng các khó khăn và thách thức cũng không nhỏ, đòi hỏi phải cân nhắc thận trọng trong đánh đổi các dịch vụ HST.

3.3. Các giải pháp vận dụng các giá trị đa dạng sinh học phục vụ phát triển du lịch bền vững tại Vịnh Hạ Long.

Trong năm 2010, cộng đồng quốc tế đã tổ chức các hoạt động trong Năm quốc tế về đa dạng sinh học của Liên Hợp quốc, Tổ chức du lịch thế giới (UNWTO) tổ chức ngày Du lịch thế giới 27/9/2010 tại Trung Quốc với chủ đề “Ngành du lịch và đa dạng sinh học”. Nhận thức được giá trị của DĐSH đối với sự phát triển bền vững lâu dài, ngành du lịch kêu gọi duy trì việc bảo vệ đa dạng sinh học một cách bền vững. Ngành du lịch phụ thuộc rất nhiều vào nguồn tài nguyên thiên nhiên và phát triển du lịch bền vững đồng nghĩa với việc tăng nguồn quỹ cho việc bảo tồn. Xu hướng này hoàn toàn phù hợp với khu Di sản Thiên nhiên Thế giới vịnh Hạ Long.

Trong khuôn khổ đề tài sẽ đưa ra các giải pháp chung để đạt được mục tiêu phát triển bền vững, đồng thời đề xuất các giải pháp cụ thể cho từng lĩnh vực trong đó có hoạt động du lịch sinh thái.

3.3.1. Các giải pháp phát triển du lịch bền vững

Mục tiêu và chiến lược phát triển

Để vịnh Hạ Long là điểm đến du lịch bền vững, thì việc phát triển du lịch và bảo vệ môi trường đều phải được coi trọng. Do đó, tầm nhìn và mục tiêu sau đây đã được UBND tỉnh Quảng Ninh và JICA thiết lập cho ngành du lịch tại khu vực Hạ Long:

Mục tiêu:

“Hài hòa” giữa phát triển du lịch và bảo vệ môi trường ở Vịnh Hạ Long.

Chuyển đổi từ Du lịch đại chúng sang Du lịch bền vững.

Nhằm đạt được mục tiêu, 6 chiến lược cho phát triển du lịch bền vững đã được lập như sau:

Chiến lược:

- 1: Tăng cường năng lực quản lý cho phát triển du lịch bền vững**
- 2: Phát triển khung thể chế, luật pháp và chính sách hỗ trợ cho Du lịch sinh thái**
- 3: Bảo vệ tài nguyên du lịch**
- 4: Phát triển các sản phẩm du lịch bền vững**
- 5: Nâng cấp dịch vụ và chất lượng các cơ sở du lịch và kinh doanh du lịch**
- 6: Quảng bá và Xúc tiến Du lịch bền vững**

Chiến lược 1: Tăng cường năng lực quản lý cho phát triển du lịch bền vững

Để phát triển du lịch bền vững tại khu vực Hạ Long, điều cần thiết là phải tăng cường năng lực quản lý tại các điểm và khu du lịch bằng cách phát triển kế hoạch phân vùng và hướng dẫn quản lý cho khu vực Bãi Cháy và Hùng Thắng, hướng dẫn quản lý khu du lịch cho các đảo chính trên Vịnh Hạ Long và việc xác định giải pháp đối với các dự án phát triển du lịch đang dang dở và các cơ sở du lịch treo tại khu vực Bãi Cháy.

Chiến lược 2: Phát triển Khung thể chế, luật pháp và chính sách hỗ trợ du lịch sinh thái

Nâng cao nhận thức và trao quyền cao hơn cho cộng đồng. Trong kế hoạch phát triển du lịch, cần ưu tiên phát triển và xúc tiến DLST trên Vịnh Hạ Long và các khu vực khác, nhằm khuyến khích xúc tiến DLST trong khu vực và tại tuyến cơ sở. Thiết lập những quy chế chính thức, ví dụ như đưa ra quyết định về xúc tiến DLST và đưa ra các chính sách cơ bản. Để hỗ trợ cho việc phát triển và thực thi các hoạt động DLST cần có cộng tác với các công ty kinh doanh du lịch và cộng đồng địa phương, điều cần thiết là phải thành lập hiệp hội du lịch sinh thái, có hỗ trợ về tài

chính và đào tạo cho các hướng dẫn viên DLST.

Chiến lược 3: Bảo vệ nguồn tài nguyên du lịch

Vịnh Hạ Long đã hai lần được UNESCO công nhận là Di sản Thiên nhiên Thế giới. Đây là nguồn tài nguyên du lịch khác với rất nhiều nơi khác. Vì vậy, giảm thiểu tác động, bảo vệ môi trường tự nhiên và các nguồn tài nguyên du lịch trên Vịnh Hạ Long và trong những khu vực lân cận là một trong những chiến lược quan trọng cho phát triển du lịch bền vững cũng như để nâng cao giá trị của Di sản Thiên nhiên Thế giới của UNESCO cho Vịnh Hạ Long.

Chiến lược 4: Phát triển các sản phẩm du lịch bền vững

Phát triển sản phẩm du lịch là một phần lồng ghép trong phát triển du lịch và du lịch bền vững. Nhằm mục đích tăng thời gian lưu trú khách du lịch và chi tiêu của họ, việc tạo ra những sản phẩm du lịch mới và cung cấp đa dạng các sản phẩm là cần thiết. Một số ý kiến về phát triển sản phẩm du lịch như sau:

- Phát triển các tour du lịch sinh thái tới các hòn đảo và rừng tự nhiên
- Phát triển chương trình tour du lịch cộng đồng.
- Đi tào tới khu rừng ngập mặn.
- Chương trình tour trải nghiệm và giáo dục cho sinh viên và khách du lịch quốc tế.
- Phát triển chương trình tour kết nối với những điểm du lịch tiềm năng (tour thưởng ngoạn).
- Thiết kế và phát triển sản phẩm đồ lưu niệm mới sử dụng các nguồn lực địa phương.
- Tổ chức đào tạo thuyết minh viên du lịch sinh thái và thiên nhiên.

Chiến lược 5: Nâng cấp dịch vụ và chất lượng các cơ sở du lịch và kinh doanh du lịch

Vịnh Hạ Long đến nay đã được quảng bá là điểm đến du lịch quốc tế. Việc nâng cao chất lượng kinh doanh du lịch địa phương và cải thiện các cơ sở vật chất

phục vụ du lịch ở khu vực Hạ Long là một trong những chiến lược quan trọng phục vụ phát triển du lịch bền vững ở khu vực Hạ Long và cũng giúp nâng cao nhận thức về môi trường và bảo vệ môi trường trong cộng đồng các đơn vị kinh doanh du lịch. Khuyến nghị về nâng cấp dịch vụ và chất lượng các cơ sở vật chất phục vụ và kinh doanh du lịch như sau:

- Đào tạo dịch vụ khách hàng và tính hiếu khách cho đơn vị kinh doanh du lịch.
- Phát triển hệ thống xếp hạng sinh thái cho các cơ sở lưu trú, tàu du lịch (nhãn sinh thái).
- Nâng cấp các cơ sở vật chất phục vụ khách du lịch.

Chiến lược 6: Quảng bá và xúc tiến du lịch bền vững

Vịnh Hạ Long được biết đến ở Việt Nam và quốc tế là Di sản thiên nhiên thế giới và là một trong bảy kỳ quan thiên nhiên mới . Khu vực Hạ Long cần được quảng bá hơn nữa ở Việt Nam và ra nước ngoài như là một điểm đến du lịch bền vững[3].

Một số giải pháp phát triển du lịch bền vững Vịnh Hạ Long dựa vào ĐDSH

Đề du lịch Quảng Ninh trở thành ngành kinh tế mũi nhọn , là động lực quan trọng đối với các hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh, nâng tầm du lịch Quảng Ninh, đặc biệt là du lịch Vịnh Hạ Long trở thành một thương hiệu du lịch mang đẳng cấp quốc tế, đảm bảo các yêu cầu phát triển bền vững, ngành du lịch Quảng Ninh trong thời gian tới cần thực hiện đồng bộ và mạnh mẽ nhiều giải pháp như:

1. Giải pháp quy hoạch và đầu tư phát triển sản phẩm du lịch mới, đặc thù, hấp dẫn và có tính cạnh tranh cao

Công tác quy hoạch, đầu tư xây dựng các khu dịch vụ ven bờ nhằm “giảm tải” cho Vịnh Hạ Long cũng cần được thúc đẩy nhằm bảo tồn, khai thác có hiệu quả giá trị của Vịnh Hạ Long. Các công trình ven bờ được đầu tư trên nguyên tắc không được phá vỡ cảnh quan chung của Vịnh.

Xây dựng các sản phẩm du lịch đặc sắc , nhất là sản phẩm du lịch văn hoá , nghệ thuật, sản phẩm du lịch thể thao, giải trí, du lịch sinh thái và những khu vực du lịch mua sắm nhằm tăng sức hấp dẫn . Quy hoạch kết nối vịnh Hạ Long với các điểm du lịch khác như: Yên Tử, Yên Hưng, Đông Triều, Móng Cái.

Các hoạt động lao động sản xuất của cư dân các làng chài vẫn phải được bảo đảm diễn ra trên Vịnh Hạ Long, nhưng một cách khoa học và có trật tự. Đem đến sự trải nghiệm rất tốt cho du khách cách thức mà người thợ mỏ khai thác than như thế nào (mỏ than Hà Tu là mỏ than khai thác lộ thiên từ thời Pháp thuộc với những công nghệ khai thác than lộ thiên cung cấp cho khách tham quan những trải nghiệm khá thú vị).

Chính sách đào tạo nguồn nhân lực có tay nghề cao phục vụ cho quản lý và các dịch vụ của Vịnh Hạ Long, đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của du khách.

2. Giải pháp quản lý dựa vào cộng đồng

Mô hình quản lý tài nguyên dựa vào cộng đồng phục vụ bền vững đã được xây dựng có kết quả và áp dụng thử nghiệm thành công đối với hệ sinh thái rừng ngập mặn tại thôn Hà Thụ, Xã Hải Lạng, Tiên Yên - Quảng Ninh. Mô hình là kết quả kế thừa kinh nghiệm trong nước và quốc tế. Đây là mô hình có sự kết hợp thành công giữa các nhà quản lý, nhà khoa học và cộng đồng; mô hình có tính khả thi và có thể nhân rộng áp dụng cho các địa phương.

Mô hình quản lý và bảo tồn văn hoá dựa vào cộng đồng đã và đang được xây dựng trên Vịnh Hạ Long, tại làng chài Cửa Vạn - danh sách 16 ngôi làng cổ đẹp nhất thế giới. Thành lập Trung tâm Văn hoá nổi Cửa Vạn nhằm bảo tồn , gìn giữ những giá trị văn hoá làng chài , thông qua các sinh hoạt truyền thống , hoạt động giao lưu giữa cộng đồng dân cư và du khách . Tại đây, hướng dẫn viên Trung tâm là con em của những cư dân làng chài . Khách sẽ được tận mắt xem và tìm hiểu hàng trăm hiện vật khảo cổ, trong đó có những dụng cụ, phương tiện đánh bắt hải sản của dân chài trên Vịnh xưa và nay...

Cần thiết xây dựng một mô hình quản lý tài nguyên sinh học và du lịch dựa vào cộng đồng đối với KĐSTNTG Vịnh Hạ Long . Muốn phát triển DLBV thì cần dựa vào cộng đồng . Cộng đồng cùng tham gia quản lý , khai thác và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên cho du lịch phát triển .

- Đối với vịnh Hạ Long , các bên liên quan trong việc thực hiện mô hình gồm:

Các bên liên quan chính đến việc xây dựng mô hình là: Ban Quản lý Vịnh Hạ Long, UBND Phường: Hùng Thắng, Hồng Hải, Hà Tu, Hồng Hà, Bãi Cháy – TP Hạ Long và cộng đồng người dân toàn bộ vùng đệm và vùng lõi của Di sản (đặc biệt là dân cư sinh sống trên các làng chài trên biển). Ngoài ra còn có các đơn vị liên quan như, Sở Tài nguyên và môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Các nhà khoa học.

Qua trao đổi với các bên liên quan, cả cộng đồng và Ban Quản lý Vịnh Hạ Long đều đồng thuận trong việc xây dựng mô hình nếu nó đem lại hiệu quả bảo tồn và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Cấp chính quyền địa phương quản lý cũng sẽ ủng hộ và tạo điều kiện cho việc thực hiện mô hình.

- Việc chia sẻ lợi ích cộng đồng để đảm bảo cho cộng đồng , đặc biệt là dân cư sống trên biển (đánh bắt và nuôi trồng thủy sản) tham gia lâu dài vào quá trình khai thác , bảo vệ tài nguyên . Tuyển dụng những người có năng lực để đào tạo và trực tiếp hướng dẫn du khách trong các tour du lịch sinh thái (tham quan làng chài , câu cá, leo núi, lặn biển...)

3. Giải pháp đào tạo phát triển nguồn nhân lực

Đối với việc đào tạo cho người dân địa phương cần tập trung nâng cao dân trí, nhận thức chung về du lịch. Cần trang bị cho họ những kỹ năng hướng dẫn, thuyết minh cho khách du lịch. Đào tạo các kỹ năng cần thiết như biểu diễn nghệ thuật hay tổ chức sự kiện. Giúp người dân phục dựng, bảo tồn một số lễ hội, sinh hoạt văn hóa truyền thống, nghề truyền thống của người dân chài Hạ Long.

Đối với việc đào tạo nhân lực cho đội ngũ hướng dẫn viên về DLST, cần tổ chức các lớp tập huấn tại địa phương, mời các chuyên gia về du lịch sinh thái, văn hóa, tự nhiên, đa dạng sinh học, địa chất đến truyền đạt hoặc gửi người đến các cơ sở chuyên ngành đào tạo.

Tăng cường tuyên truyền bằng mọi hình thức, nhất là trên các phương tiện thông tin đại chúng về tác hại của ô nhiễm môi trường đối với Vịnh Hạ Long, cũng như lợi ích to lớn và lâu dài đối với việc bảo vệ môi trường cho người dân địa phương và du khách.

Thường xuyên mở các lớp tập huấn về bảo vệ môi trường cho các chủ doanh nghiệp, chủ tàu, để cho mọi người đều nhận thức được việc đầu tư cho xử lý chất thải, bảo vệ môi trường là một khoản đầu tư đương nhiên và cũng là đầu tư cho phát triển, là khoản đầu tư mang lại lợi nhuận lâu dài cho doanh nghiệp.

3.3.2. Các giải pháp bảo tồn và khai thác các giá trị đa dạng sinh học Vịnh Hạ Long

Bảo tồn giá trị đa dạng sinh học của Vịnh Hạ Long có vai trò, ý nghĩa cực kỳ quan trọng, mang tính sống còn của Di sản. Không chỉ vậy, nó còn chi phối cả các giá trị về cảnh quan, địa chất, địa mạo, văn hoá của Vịnh Hạ Long.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu trình UNESCO công nhận lần 3 về giá trị đa dạng sinh học cho Di sản.

- Lập mạng lưới quan trắc môi trường trong và lân cận khu Di sản để đánh giá diễn biến.

- Có cơ chế phối hợp đa ngành, quyền và nghĩa vụ các bên liên quan trong CBCM trong khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên và môi trường.

- Khai thác và sử dụng các món ăn truyền thống, đặc trưng của vịnh Hạ Long để thu hút khách du lịch. Tuy nhiên việc đánh bắt hải sản phải tuân theo quy chế, quy định về hoạt động đánh bắt trên vịnh, cấm đánh bắt ở một số nơi nhạy cảm như khu

vực có san hô . Xây dựng phương án quản lý đánh bắt thủy sản theo mùa vụ, khu vực.

- Bảo vệ và phát triển các khu RNM là công việc có ý nghĩa đặc biệt quan trọng nhằm duy trì chất lượng nước biển , nuôi dưỡng các loài hải sản . Các khu vực cần bảo vệ bao gồm: Vịnh Cửa Lục, cửa sông Bình Hương, ...

- Các công trình xây dựng mới cần đảm bảo hạn chế tối đa chặt phá cây cối hoặc thay đổi môi trường tự nhiên hoang dã . Màu sắc toà nhà nên cùng màu với các cây cối xung quanh.

- Khuyến khích sử dụng công nghệ sinh thái trong kiến trúc và xây dựng , sử dụng trang thiết bị như : dùng năng lượng mặt trời , năng lượng gió , tối đa tự cung cấp thức ăn đến mức tối đa (ao cá, trang trại).

- Nâng cao nhận thức và khuyến khích cộng đồng dân cư tham gia vào quản lý và bảo tồn các khu du lịch sinh thái.

- Kết nối với đảo Cát Bà là khu dự trữ sinh quyển thế giới và đang đề xuất công nhận là Di sản Thiên nhiên Thế giới . Cần nghiên cứu kết nối giữa Cát Bà và Tuần Châu cũng như giữa hai Di sản thế giới nằm cạnh nhau.

- Làm một số đường mòn đi bộ đơn giản (khoảng 1,5m) trên các đảo lớn để phát triển loại hình đi bộ trên các đồi núi có cảnh đẹp.

- Phát triển các khu cắm trại trên đảo bằng cách xây dựng các khu cắm trại, đưa đón người cắm trại và cung cấp trang thiết bị trên đảo không có dân cư.

- Phát triển của một trung tâm ẩm thực (khu ven biển cột 5 - cột 8), nơi mà khách du lịch có thể thưởng thức tất cả các món ăn trong vùng Quảng Ninh.

- Hình thành một số sản phẩm du lịch mới như: du lịch bằng máy bay trực thăng trên vùng núi đá vôi, leo núi, câu cá, đu dây mạo hiểm, thám hiểm hang động.

- Xây dựng một bảo tàng khoa học tự nhiên ở Thành phố Hạ Long với các hiện vật về Vịnh, núi đá vôi và hệ động thực vật đặc hữu. Bảo tàng này cũng có thể nhân

manh vào tầm quan trọng của biển tới văn hóa Quảng Ninh, trong đó có một thủy cung.

3.3.3. Các giải pháp phát triển du lịch sinh thái

A. Các giải pháp cụ thể để phát triển DLST tại vịnh Hạ Long:

Với những tiềm năng để phát triển loại hình DLST trên Vịnh Hạ Long, việc khoanh vùng các vùng DLST, tuyến và điểm du lịch và một số loại hình dịch vụ du lịch sinh thái sẽ góp phần tăng sức hấp dẫn của khu Di sản đối với du khách, giảm tải lượng khách tại các tuyến điểm du lịch truyền thống, góp phần giải quyết công ăn việc làm cho cộng đồng địa phương, tái hiện, phục hồi lại một số ngành nghề truyền thống của ngư dân đã bị mai một, tăng thu nhập, cải thiện đời sống cho cộng đồng địa phương, bổ sung thêm nguồn tài chính cho công tác bảo tồn di sản. Đồng thời thông qua các hoạt động dịch vụ DLST cũng góp phần nâng cao nhận thức cộng đồng trong công tác bảo vệ môi trường, bảo vệ Di sản, đáp ứng được mục tiêu quy hoạch bảo tồn và phát huy giá trị của Di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long đến năm 2020. Dự kiến các khu vực được sử dụng vào phát triển DLST như sau:

Việc đề xuất các điểm tham quan và lựa chọn một số tuyến mới của đề tài dựa trên cơ sở sau:

- Dựa trên các luồng hiện có sẽ thuận tiện về giao thông đường thủy để các tàu thuyền có thể vào tham quan . Các điểm đang được khai thác nằm trên các tuyến nhưng chưa được chính thức hoá trở thành tuyến du lịch .
- Vận dụng được các giá trị của tài nguyên sinh học để khai thác DLST , trên cơ sở hiện trạng ĐDSH của từng khu vực sẽ khai thác các giá trị của các HST, các loài (loài đặc hữu).
- Các khu vực chọn khoanh vùng sẽ hội tụ được các đặc trưng của VHL : cảnh quan, địa chất, địa mạo và ĐDSH.
- Khai thác các tuyến xa bờ nhằm giảm áp lực tới môi trường do các tuyến gần bờ hiện nay đã quá tải, có dấu hiệu do ô nhiễm tiếng ồn và môi trường nước.

Tuy nhiên, để khai thác được các giá trị của các HST và các loài đặc hữu cần phải có điều tra, khảo sát chi tiết để có số liệu làm cơ sở cho việc khoanh vùng bảo vệ hay đưa vào phát triển du lịch.

Đề xuất 1. Khoanh vùng 5 khu vực để xây dựng và phát triển mô hình DLST:

1. Khu vực Đảo Cống Đỏ:

Có diện tích khoảng 45 km²: Khu vực này hiện nay đang được bảo vệ khá tốt, nơi tập trung nhiều tiềm năng về giá trị cảnh quan, địa chất địa mạo và đa dạng sinh học còn khá hoang sơ:

+ *Hệ sinh thái rừng thường xanh nhiệt đới trên núi đá vôi*: Với nhiều loài động, thực vật đặc hữu của Vịnh Hạ Long. Tại khu vực Trà Sắn có một khu rừng có diện tích khoảng 600m² với thảm thực vật bán ngập mặn rất độc đáo. Có thể tổ chức các hoạt động leo núi, thám hiểm rừng.

+ *Hệ sinh thái tùng áng*: có 5 áng rộng, đẹp có diện tích từ 3000 - 4000m², độ sâu trung bình từ 2,5 - 3,5m, các áng này là các hồ chứa nước Kaster nằm giữa các đảo. Đây là không gian đặc thù của Vịnh Hạ Long lưu giữ nhiều nguồn gen quý hiếm. Cảnh quan ở đây rất thơ mộng, nước trong, chất đáy là cát, sỏi rất sạch cùng với các thảm thực vật phong phú. Có thể tổ chức dịch vụ thám hiểm rừng, câu cá thư giãn trong các áng.

+ *Hệ sinh thái hang động*: với nhiều hang động đẹp còn nguyên sơ như Hang Thầy, Hang Cửa Lạch, Động Đào Tiên, Hang Hòn Cỏ...có thể tổ chức dịch vụ khám phá, thám hiểm hang động.

+ *Hệ sinh thái bãi cát*: có nhiều bãi tắm rộng, đẹp, hoang dã, cát trắng mịn. Có thể tổ chức dịch vụ cắm trại, chèo thuyền Kayak, tắm biển.

+ *Hệ sinh thái san hô*: tại khu vực Hang Thầy, đảo Trà Sắn có nhiều rạn san hô phong phú, đa dạng rất kỳ thú và hấp dẫn. Có thể tổ chức dịch vụ lặn biển ngắm san hô, tắm biển, câu cá...

2. Khu vực Vụng Hà - Vòng Viêng - Trăng Lưỡi Liềm - Hòn Quyển Rồng - Hòn Bọ Hung - Hòn Soi ván:

Với diện tích khoảng 86 km², với những giá trị đa dạng về hệ sinh thái san hô (khu vực hòn Bọ Hung, hòn Vụng Hà); có những bãi tắm đẹp, hoang dã (bãi tắm Trăng Lưỡi Liềm, bãi tắm Hòn Quyển Rồng); có làng chài Vòng Viêng (hơn 300 nhân khẩu) với nhiều nét văn hóa truyền thống đặc sắc, nơi lưu giữ các giá trị văn hóa phi vật thể như: hò biển, hát đúm, hát đối, hát chèo thuyền, lễ rước nước, lễ hạ thuyền ...). Có thể khai thác các loại hình du lịch cộng đồng khám phá nét văn hóa truyền thống làng chài, tắm biển, lặn biển khám phá hệ sinh thái dưới nước.

3. Khu vực Đảo Trà Giời - Vạn Giò - Hòn Xếp - Cống Đầm:

Với diện tích khoảng 90km², ở đây tập trung một số tiềm năng phát triển du lịch sinh thái như:

+ *Khu vực đảo Trà Giời - Vạn Giò:* với những hang động đẹp như hang Đức Tiên, hang Trống, những bãi tắm đẹp, cát trắng mịn. Có thể tổ chức các hoạt động khám phá hang động, tắm biển, leo núi.

+ *Khu vực Hòn Xếp:* có giá trị đặc biệt về địa chất địa mạo với hình ảnh chồng xếp liên tục tựa như những phiến đá đặt lên nhau không có mạch vữa có hình dáng hùng vĩ, thơ mộng. Toàn cảnh khu vực rất đẹp và sinh động như là một bảo tàng về đá rất độc đáo. Có thể tổ chức các hoạt động tham quan, picnic, leo núi...

+ *Khu vực Cống Đầm:* có những giá trị về lịch sử văn hoá và đa dạng sinh học như: di chỉ khảo cổ hòn Lờm Ngán, làng chài Cống Đầm, rừng ngập mặn khu vực Cống Đầm. Có thể tổ chức các hoạt động tham quan tìm hiểu văn hoá, khám phá rừng ngập mặn.

4. Khu vực Cửa Vạn - Hồ Ba Hầm:

Với diện tích khoảng 60 km², tập trung các tiềm năng phát triển du lịch sinh thái như:

+ *Khu vực Cửa Vạn*: có làng chài Cửa Vạn, một trong những làng chài lớn nhất trên Vịnh Hạ Long nơi lưu giữ được những nét văn hóa đặc trưng nhất của người dân chài Hạ Long, có Trung tâm văn hóa nổi Cửa Vạn là điểm du lịch văn hóa hấp dẫn đối với du khách muốn tìm hiểu, khám phá văn hóa của người dân chài Hạ Long. Di chỉ khảo cổ học hang Tiên Ông nơi phát hiện nhiều dấu tích của nền văn hoá Hạ Long. Có thể tổ chức các loại hình du lịch cộng đồng tham quan, tìm hiểu, nghiên cứu về văn hoá và cuộc sống của người dân chài Hạ Long.

+ *Khu vực Hồ Ba Hầm*: là một thung lũng lớn nhất trên Vịnh Hạ Long có cảnh quan ngằm rất đẹp và hùng vĩ. Có thể tổ chức các loại hình du lịch mạo hiểm như lặn ngằm san hô, chèo thuyền Kayak khám phá bên trong của hồ Ba Hầm.

5. Khu vực nhà bè cột 5 - cột 8, nhà hàng ven bờ Bãi Cháy - Hòn Gai

Theo nhận xét của nhiều du khách đã đến tham quan Vịnh Hạ Long thì một trong những ấn tượng với họ đó là thưởng thức hương vị hải sản của biển Hạ Long. Tiềm năng này đã và đang được các doanh nghiệp kinh doanh du lịch ở Hạ Long phát huy tối đa, tạo điểm nhấn với du khách khi đến với Hạ Long.

Nằm cách bờ khoảng 500-1000m, thuận tiện cho việc đi lại từ đất liền, cảnh quan thơ mộng, ngắm nhìn và thưởng thức hải sản tươi sống ngay tại chỗ, mát mẻ.

Các món ăn nổi tiếng khi đến Hạ Long du khách có thể thưởng thức tại các nhà hàng và nhà bè từ các loại hải sản như : Ngán (rượu ngán, bún xào ngán), Sò huyết, Mực (chả mực, bánh cuốn chả mực), Sam biển, Ốc các loại (siêu thị ốc).

Đề xuất 2. Các điểm DLST trên Vịnh Hạ Long:

Ngoài các điểm đang diễn ra hoạt động tham quan, nghỉ dưỡng hiện nay (20 điểm), đề tài đề xuất một điểm tham quan mới đưa vào khai thác trong tương lai (12 điểm). Du khách có thể lựa chọn theo loại hình du lịch tùy vào sở thích hoặc lựa chọn các tuyến tích hợp nhiều loại hình. Chi tiết tại bảng 3.1 và Phụ lục 7.

Bảng 3.1: Thống kê địa điểm loại hình và địa điểm DLST trên vịnh Hạ Long

	Loại hình DL	Địa điểm	Hiện nay	Đề xuất
--	---------------------	-----------------	-----------------	----------------

1	Du lịch tham quan các hang động	<ul style="list-style-type: none"> • Động Thiên Cung - thuộc dãy đảo Đầu Gỗ • Hang Đầu Gỗ: thuộc dãy đảo Đầu Gỗ • Hang Sừng Sốt • Động Mê Cung • Hang Trinh Nữ • Đảo Ti Tốp • Đảo Soi Sim • Động Đào Tiên: Tại khu vực Hòn Cầu Ngư - Hòn Tai Voi. • Hang Thầy: Tại khu vực Hòn Hang Thầy • Hang Đúc Tiên: Tại khu vực Hòn Quýt Hôi • Hang Cặp La : Tại khu vực Hòn Cửa Lạch • Hang Trống: Tại khu vực hòn Lờm Ngán. • HST rừng khu vực Cống Đỏ. • Các áng tại khu vực Cống Đỏ. 	<p>x</p> <p>x</p> <p>x</p> <p>x</p> <p>x</p> <p>x</p> <p>x</p> <p>x</p> <p>x</p> <p>x</p> <p>x</p>	<p></p> <p></p> <p></p> <p></p> <p></p> <p></p> <p></p> <p></p> <p></p> <p></p> <p></p> <p>x</p> <p>x</p> <p></p> <p>x</p> <p>x</p>
2	Vui chơi giải trí, tắm biển tại các bãi đảo trên vịnh, tiệc đêm	<ul style="list-style-type: none"> • Bãi tắm khu vực Hang Thầy • Bãi tắm Trăng Lưỡi Liềm • Bãi tắm Hòn Quyển Rồng • Bãi tắm hòn Bái Đông 	<p>x</p> <p></p> <p></p> <p>x</p>	<p></p> <p>x</p> <p>x</p> <p></p>
3	Chèo thuyền phao (Kayaking)	<ul style="list-style-type: none"> • Khu vực Cống Đỏ • Khu vực Hòn Xếp 	<p>x</p> <p>x</p>	
4	Du lịch văn hoá	<ul style="list-style-type: none"> • Các làng chài Vông Viêng, Cống Đám 	<p>x</p>	
5	Du lịch nghỉ dưỡng home stay	<ul style="list-style-type: none"> • làng chài Vông Viêng, Cống Đám 		<p>x</p>
6	Nghỉ dưỡng tại các bãi đảo	<ul style="list-style-type: none"> • Hòn Bái Đông, hòn Trăng Lưỡi Liềm 		<p>x</p>
7	Câu cá	<ul style="list-style-type: none"> • khu vực Đảo hang Thầy, Đảo Trà Sản , Hòn Soi Ván. 	<p>x</p>	
8	Lặn biển:	<ul style="list-style-type: none"> • Hang Thầy, • Đảo Trà Sản 		<p>x</p>

		<ul style="list-style-type: none"> Hòn Bọ Hung Hòn Soi Ván Vụng Hà Hòn Trà Giới. 		
9	Rừng ngập mặn	<ul style="list-style-type: none"> Khu vực Cống Đầm, đảo Hoàng Tân 		x
10	Di chỉ khảo cổ	<ul style="list-style-type: none"> Hòn Lờm Ngán 	x	
11	Tham quan cơ sở nuôi và chế tác ngọc trai:	<ul style="list-style-type: none"> Vông Viêng 	x	
12	Tham quan, nghiên cứu khoa học:	<ul style="list-style-type: none"> Khu vực hòn Xếp: bảo tàng địa chất. Rạn san hô khu vực Hang Thầy, hòn Bọ Hung, Hòn Soi Ván. Di chỉ khảo cổ Hòn Lờm Ngán. Làng chài Vông Viêng, Cống Đầm. 	x x	 x x

Đề xuất 3: Các tuyến tham quan du lịch bằng tàu trên Vịnh Hạ Long:

Ngoài các tuyến đang hoạt động, đề tài đề xuất một số tuyến mới bổ sung, cụ thể như sau:

Các tuyến đang hoạt động:

- *Tuyến 1 (Tham quan hang động):* Cảng tàu du lịch Bãi Cháy - Thiên Cung - Đầu Gỗ - Hòn Đỉnh Hương. Thời gian khoảng 4h đi tàu.

Cảng tàu du lịch Bãi Cháy - Thiên Cung - Đầu Gỗ - Đỉnh Hương - Gà Chọi - Sừng Sốt - Ti Tốp. Thời gian khoảng 6h đi tàu.

- *Tuyến 2 (Tham quan hang động):* Cảng tàu du lịch Bãi Cháy - Ti Tốp - Hang Trinh Nữ - Hang Động Hồ Tiên. Thời gian khoảng 6h đi tàu.

- *Tuyến 3 (Tham quan hang động,):* Cảng tàu du lịch Bãi Cháy - Sừng Sốt - Mê Cung - Làng chài Cửa Vạn (*văn hoá, câu cá*) - Hang Hồ Ba Hàm . Thời gian khoảng 8h đi tàu.
- *Tuyến 4:* Cảng tàu du lịch Bãi Cháy - Hang Cỏ - Hang Thầy (*tắm biển*) - Công viên Hòn Xếp. Thời gian khoảng 8h đi tàu.
- *Tuyến 5:* Cảng tàu du lịch Bãi Cháy - Gia Luận (Cát Bà) .
- *Tuyến 6:* Cảng khách Hòn Gai - Hang Cỏ - Hang Thầy (*tắm biển*) - Công viên Hòn Xếp (*tham quan, chèo thuyền*) Thời gian khoảng 6h đi tàu.
- *Tuyến 7:* Cảng Vũng Đục - Hang Cỏ - Hang Thầy - Công viên Hòn Xếp (*tham quan, chèo thuyền*). Thời gian khoảng 10h đi tàu.

Các tuyến du lịch bằng tàu hiện tại đều tập trung ở gần bờ, thời gian ngắn, giao thông thuận tiện cảnh quan đẹp . Tuy nhiên, chủ yếu là hang động , văn hoá làng chài, tắm biển. Đề tài sẽ đề xuất mở rộng thêm các loại hình du lịch khác

3 tuyến đề xuất bổ sung:

Đề xuất thêm 3 tuyến du lịch mới trên cơ sở kế thừa và kéo dài tuyến 6 và tuyến 7:

- *Tuyến 8:* Cảng khách Hòn Gai (cảng Vũng Đục) - Hang Cỏ - Hang Thầy (*tắm biển*) - Cổng Đò (*chèo thuyền, thăm thực vật*) - Vông Viêng (*chế tác ngọc trai*). Thời gian khoảng 6-8h đi tàu.
- *Tuyến 9:* Cảng khách Hòn Gai (cảng Vũng Đục) - Hang Cỏ - Hang Thầy - Cổng Đò - Vông Viêng - Vụng Hà (*lặn biển*) - Hòn Soi Ván (*câu cá*) - Hòn Quyển Rồng (*tắm biển*). Thời gian khoảng 10-12h đi tàu.
- *Tuyến 10:* Cảng khách Hòn Gai - Hang Cỏ - Hang Thầy - Công viên Hòn Xếp (*địa chất*) - Hòn Trà Giới (*hang động*) - Hòn Vạn Giò (*leo núi*). Thời gian khoảng 10-12h đi tàu.

(Phụ lục 7: Bản đồ các tuyến du lịch bằng sinh thái trên Vịnh Hạ Long).

Đề xuất 4: Khai thác và sử dụng hợp lý một số loài sinh vật có giá trị:

Đầu tư nhân rộng mô hình nuôi tự nhiên các loài thủy hải sản có giá trị nhằm tận dụng các lợi thế về điều kiện tự nhiên, địa hình (các vụng, tùng, áng) nhằm phục vụ cho nhu cầu ẩm thực của khách du lịch và người dân địa phương. Ví dụ:

- + Nuôi Sò huyết tại Tuần Châu, Yên Hưng.
- + Nuôi cua bể tại Quảng Yên.
- + Nuôi Tu Hải tại Vân Đồn.
- + Nuôi Sà sùng tại Vân Đồn.
- + Nuôi tôm, cá (cá song, cá bớp) tại Hạ Long, Vân Đồn.

MỘT SỐ MÓN ĂN HẢI SẢN VÙNG BIỂN HẠ LONG



Hình 1.7. Một số loài sinh vật là đặc sản vùng biển Hạ Long - Quảng Ninh

(Nguồn: <http://www.quangninh.gov.vn>)

Việc tham quan và tìm hiểu các loài đặc hữu của Vịnh Hạ Long nên được

đưa vào các tour du lịch . Chủ yếu ở các khu vực ngoài xa như: Vạn Bội, Lòm Bò, Hang Trai, Dầu Bê - tiếp giáp với Cát Bà, tập hợp đầy đủ các loài đặc hữu . Các đảo khác chủ yếu là phân bố của Cọ Hạ Long . Ngoài ra đã phát hiện Ngũ Gia Bì tại Hang Trai, Sung Hạ Long tại đảo Lòm Bò , Lan ông Hạ Long tại đảo Vạn Gió, Lan hài vệ nữ Hoa Vàng tại hòn Mây Đen [40].

2. Đầu tư cơ sở hạ tầng theo loại hình du lịch:

Khai thác loại hình dịch vụ du lịch sinh thái phù hợp với tiềm năng thế mạnh trên cơ sở bảo tồn nguyên trạng các giá trị Di sản. Không xây dựng các công trình trên các hang động, bãi cát. Việc đầu tư khai thác phải đảm bảo không thay đổi cảnh quan thiên nhiên và phá vỡ môi trường Di sản. Mọi hoạt động du lịch và khai thác du lịch ở khu vực này phải đảm bảo tạo việc làm, cải thiện đời sống cho cộng đồng dân cư và đóng góp kinh phí cho công tác bảo tồn di sản .

Mời các tổ chức, doanh nghiệp vào đầu tư với quy mô vừa nhưng phải là loại hình dịch vụ cao cấp, thu hút đối tượng là khách chất lượng cao vừa đảm bảo hiệu quả hoạt động kinh doanh nhưng vẫn đáp ứng được mục tiêu bảo tồn được các giá trị của Di sản, bảo vệ được môi trường và đa dạng sinh học

- Đối với loại hình khám phá, thám hiểm hang động; Hệ sinh thái rừng thường xanh trên núi đá vôi; hệ sinh thái tùng áng:

- Địa điểm: Tại khu vực Hòn Cầu Ngur - Hòn Tai Voi, Hòn Hang Thầy, Hòn Hang Thầy, Hang Cửa Lạch, Hang Trống - khu vực hòn Lòm Ngán, Hệ sinh thái rừng khu vực Cống Đỏ, Các tùng và áng tại khu vực Hồ Ba Hầm, Cống Đỏ.

- Hướng đầu tư: Giữ nguyên vẻ đẹp hoang sơ của các hang động, hệ sinh thái rừng và tùng áng: Dọn vệ sinh, xếp đá tạo lối đi tự nhiên một cách khéo léo và kiểm tra độ an toàn của khách khi vào thám hiểm và nghiên cứu. Không dùng máy phát điện để chiếu sáng, sử dụng đèn pin hoặc nến để chiếu sáng khi vào thám hiểm hang động. Đầu tư trang bị bảo hộ cho khách (mũ, giày leo núi, gang tay, nước uống...). Đào tạo hướng dẫn viên.

Đối với loại hình dịch vụ tắm biển:

- Địa điểm: Bãi tắm khu vực Hang Thầy, Trăng Lưỡi Liềm, Hòn Quyển Rồng

- Hướng đầu tư: Giữ nguyên vẻ hoang sơ của các bãi tắm, dọn sạch rác thải, nhặt sạch các vỏ sò, ốc, hà, san hô, đá để đảm bảo cho khách tắm biển được an toàn. Làm phòng tráng nước ngọt cho khách tắm biển.

Đối với dịch vụ câu cá:

- Địa điểm: Tại khu vực Đảo hang Thầy, Đảo Trà Sắn, hòn Bọ Hung, Hòn Soi Ván.

- Hướng đầu tư: Khoanh vùng thả mùng tạo rạn tại một số vị trí cho cá đến trú để phục vụ khách đến câu cá thư giãn. Đóng các bè mảng trên có mái che bằng lá cọ, có ghế bằng tre để khách ngồi trên câu cá và nằm thư giãn. Đầu tư cần câu, mồi câu, thiết bị an toàn cho khách. Đào tạo hướng dẫn viên.

Lặn biển:

- Địa điểm: Tại khu vực Hồ Ba Hàm, đảo hang Thầy, Đảo Trà Sắn, hòn Bọ Hung, hòn Soi Ván, Vụng Hà, hòn Trà Giới.

- Hướng đầu tư: Trang thiết bị phục vụ cho lặn biển: bộ lặn Snorkel và chân nhái, kính lặn, ống thở; đào tạo hướng dẫn viên.

Chèo thuyền Kayak ngắm cảnh, khám phá nét văn hoá của các làng chài, các địa điểm có di chỉ khảo cổ học, rừng ngập mặn.

- Địa điểm:

+ Khu vực Cống Đỏ; Khu vực Hòn Xếp; Khu Di chỉ khảo cổ Hòn Lờm Ngán.

+ Di chỉ khảo cổ hang Tiên Ông.

+ Các làng chài Cửa Vạn, Vòng Viêng, Cống Đầm.

+ Rừng ngập mặn khu vực Cống Đầm: Tour chèo thuyền trong rừng ngập mặn trở thành một trong những chương trình du lịch sinh thái ở khu vực Hạ Long. Khách du lịch có thể học hỏi về tầm quan trọng của rừng ngập mặn và hệ sinh thái của rừng ngập mặn. Cộng đồng địa phương có cơ hội việc làm trong vận hành tour rừng ngập mặn và sẽ tăng thu nhập thông qua tour này.

- Hướng đầu tư: 20 chiếc kayak, cùng áo phao và các thiết bị an toàn, đào tạo hướng dẫn viên.

Tham quan làng chài Cửa Vạn, Vông Viêng, Cống Đầm, cơ sở nuôi và chế tác ngọc trai:

- Du khách được tham quan, tìm hiểu các nét văn hoá của người dân chài trên Vịnh Hạ Long, tái hiện lại các lễ hội đua thuyền, hạ thuyền, hát đối, hò biển, đan lưới, vá lưới...

- Du khách được tham gia tour du lịch trải nghiệm đánh cá cùng ngư dân. Tour du lịch này kéo dài từ 2-3 ngày, du khách được đi biển đánh cá cùng ngư dân, được bàn luận về thời tiết, về các loài cá, cách đánh bắt và trực tiếp kéo lưới, giặt lưới, vá lưới và thú vị hơn cả là tự chế biến và thưởng thức những sản phẩm do mình tự đánh bắt.

- Du khách được tham quan cơ sở nuôi và chế tác ngọc trai liên doanh với Nhật Bản tại khu vực Vông Viêng. Tại đây du khách sẽ tận mắt thấy những công việc như nuôi, cấy ngọc trai, chế tác ngọc trai thành những sản phẩm độc đáo của Hạ Long.

- Hướng đầu tư: Đầu tư chủ yếu tập trung vào đào tạo người dân địa phương về kỹ năng hướng dẫn, thuyết minh cho khách DL; đầu tư trang phục truyền thống; đầu tư phục dựng một số hoạt động lễ hội, sinh hoạt, văn hóa truyền thống..

Phát triển tour bằng tàu du lịch về giáo dục và thiên nhiên:

- Khu vực Cống Đầm, Trống Lười Liềm, Quyển Rồng, Cửa Vạn, Vông Viêng.

- Tour du lịch sinh thái bằng tàu trở thành một trong những chương trình du lịch sinh thái ở khu vực Hạ Long. Khách du lịch có thể học hỏi về tầm quan trọng của hệ sinh thái và các giá trị thiên nhiên khác của các điểm hấp dẫn du lịch trên vịnh. Cộng đồng địa phương có cơ hội việc làm trong vận hành tour sinh thái trên tàu du lịch và sẽ tăng thu nhập. Hiện có rất ít số lượng các công ty tàu du lịch chuyên về loại hình kinh doanh này, hầu hết đều phục vụ tour tham quan tới các điểm tham quan hấp dẫn chính trên vịnh. Tour sinh thái bằng tàu có thể cho phép các du khách khám phá và đánh giá vẻ đẹp và giá trị nổi bật của các địa điểm hấp dẫn du lịch thiên nhiên trên vịnh, theo đó góp phần cho giáo dục môi trường và nỗ lực bảo tồn. Ecotour bằng tàu được cân nhắc là một trong những sản phẩm du lịch bền vững do các công ty tàu du lịch phối hợp với người dân làng chài trên Vịnh Hạ Long tổ chức.

Bảng 3.2. Ví dụ minh họa tour du lịch trải nghiệm Hạ Long - Hà Nội

Ngày 1	Buổi sáng	Đến Quảng Ninh
	Buổi chiều	Đi du thuyền thăm vịnh Hạ Long , sau đó chèo thuyền kayak tham quan vịnh
	Buổi đêm	Nghỉ đêm trên vịnh ngắm cảnh biển và hoàng hôn
Ngày 2	Buổi sáng	Thăm làng chài nổi và leo núi đá vôi
	Buổi chiều	Chèo thuyền kayak, khám phá hang động, bơi lội, câu cá
Ngày 3	Buổi sáng	Đi thuyền trở về bờ, ăn trưa tại nhà bè trên biển.
	Buổi chiều	Gặp gỡ người thợ làm than đá hoặc leo núi Bài Thơ
Ngày 4	Buổi sáng	Tham quan các địa điểm văn hóa như chợ hải sản , các di tích văn hóa lịch sử , bảo tàng khoa học tự nhiên , công viên thành phố.
	Buổi chiều	Trở về Hà Nội.

3. Đào tạo, nâng cao năng lực:

Do mô hình DLST còn tương đối mới đối với khu vực Di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long nên cần thiết phải tổ chức các khoá đào tạo và nâng cao năng lực, kỹ năng cho đội ngũ hướng dẫn viên DLST ; Đào tạo kỹ năng đón tiếp và phục vụ khách du lịch cho một số hộ ngư dân làng chài . Nâng cao trình độ ngoại ngữ là yêu cầu không thể thiếu đối với mọi thành phần tham gia hoạt động du lịch tại đây .

Hình thức đào tạo có thể là đào tạo tại chỗ hoặc gửi tới các cơ sở chuyên nghiệp, đội ngũ các giáo sư, chuyên gia về văn hóa, tự nhiên, đa dạng sinh học, địa chất... để phối hợp đào tạo.

4. Lựa chọn thị trường cho hoạt động DLST:

Việc lựa chọn thị trường để tiếp thị sản phẩm du lịch là rất quan trọng , đó là yếu tố quyết định sự thành công của hoạt động DLST. Trên cơ sở đó, phân tích đánh giá để xây dựng chiến lược thị trường, lựa chọn thị trường ưu tiên, xây dựng chiến lược sản phẩm. Việc lựa chọn thị trường có thể thực hiện như sau:

- Theo quốc tịch: Từ trước đến nay, thị trường cơ hữu với chúng ta là Trung Quốc, Đài Loan, Nhật Bản, Hàn Quốc, các nước trong khối ASEAN, Bắc Mỹ, Tây Âu...

- Theo mục đích của chuyến đi: gồm có khách tham quan du lịch, khách du lịch thương mại, du lịch kết hợp thăm người thân; khả năng chi trả, thời gian lưu trú...để có chiến lược thu hút và đáp ứng nhu cầu của khách

5. Hoạt động tuyên truyền, quảng bá

Trong những năm gần đây , công tác tuyên truyền , quảng bá cho du lịch Hạ long đã có những chuyển biến tích cực. Tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế nhất định nhất trong lĩnh vực DLST.

Để công tác tuyên truyền, quảng cáo có hiệu quả, cần phải kết hợp với các phương tiện thông tin đại chúng ở trong và ngoài nước, các tạp chí ấn phẩm về du lịch ; quảng cáo tại cửa ngõ của đất nước (cảng hàng không, cảng hàng hải, cửa khẩu...), trong các khách sạn, nhà hàng, nơi công cộng...

6. Giám sát và quan trắc các tác động

Bất cứ mô hình du lịch nào, khi du khách đến tham quan đều có những tác động tiêu cực tới các tài nguyên du lịch của khu vực đó, đó là một điều không thể tránh khỏi trong thực tế. Điều quan trọng là chúng ta phải nhận ra được những tác động đó và có phương án giảm thiểu hoặc ngăn chặn có hiệu quả. Đối với một mô hình DLST thành công là phải có kế hoạch quản lý và ứng phó với những tác động của du khách đối với tài nguyên du lịch, đối với cộng đồng địa phương.

Về cơ bản có 5 chỉ số cần phải quan trắc bao gồm : Lĩnh vực môi trường và hệ sinh thái, lĩnh vực văn hoá - xã hội, các kinh nghiệm thực tiễn, lĩnh vực kinh tế, công tác quản lý cơ sở hạ tầng. Trong đó, lĩnh vực môi trường và hệ sinh thái bao gồm: Chất thải rắn; Nước thải; Chất lượng nước biển ven bờ; Sự thay đổi độ phủ, diện tích của thảm thực vật trên núi đá vôi, HST rừng ngập mặn, HST rạn san hô; Sự thay đổi về nguồn lợi thủy sản; Sự ảnh hưởng tới tập tính tự nhiên của các HST trên cạn và dưới nước.

B. Đánh giá lợi ích của việc phát triển du lịch sinh thái tại vịnh Hạ Long

Nếu thực hiện tốt các giải pháp DLST và các giải pháp phát triển DLBV đã nêu trên thì các nhóm đối tượng sau sẽ được hưởng lợi:

- *Lợi ích cho chính quyền địa phương:* Làm đa dạng hóa kinh tế trong khu vực; Phân chia thu nhập trong vùng công bằng hơn; Thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng vào sự phát triển bền vững; Tăng thêm nguồn thu cho ngân sách Nhà nước; Thúc đẩy việc tạo thương hiệu về du lịch riêng cho địa phương;

- *Lợi ích cho các nhà cung cấp dịch vụ:* Có nhiều loại hình, sản phẩm du lịch phong phú hơn; Bổ sung, tăng nguồn thu cho nhà cung cấp dịch vụ để quay vòng vốn và đa dạng hoá các loại hình dịch vụ.

- *Lợi ích cho khách du lịch:* Có nhiều sự lựa chọn hơn; Được tiếp cận, khám phá và nghiên cứu về các nền văn hóa, phong tục tập quán; Được chiêm ngưỡng,

khám phá phong cảnh, cảnh quan tự nhiên hoang sơ; Được cung cấp dịch vụ du lịch có chất lượng, giá cả hợp lý;

- *Lợi ích cho điểm du lịch*: Bảo vệ được đa dạng sinh học và các hệ sinh thái bền vững; Thúc đẩy sự tham gia và hỗ trợ cho việc bảo tồn, phát huy văn hóa đặc sắc; Làm phong phú thêm sản phẩm du lịch của mình; Giảm tải việc tập trung đông đúc quá mức ở một số điểm; Có thêm nguồn tài chính cho công tác đầu tư, cải tạo, nâng cấp và bảo tồn các tài nguyên du lịch.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ



Vịnh Hạ Long - Di sản Thiên nhiên Thế giới không chỉ được công nhận về giá trị địa chất và địa mạo mà các giá trị về đa dạng sinh học cũng rất độc đáo. Đa dạng về thành phần loài (4.229 loài), trong đó có nhiều loài đặc hữu hoặc quý hiếm. Vịnh Hạ Long tồn tại 10 kiểu hệ sinh thái rất đặc thù của quần đảo đá vôi vùng nhiệt đới. Các giá trị bảo tồn của hang động, từng áng có thể coi là giá trị nổi bật của các hệ sinh thái vịnh Hạ Long.

Tiềm năng ĐDSH của Vịnh Hạ Long đã và đang được vận dụng vào phát triển du lịch, trong đó có DLST.

Tuy nhiên nguồn tài nguyên sinh học đang ngày càng bị suy giảm do các hoạt động tiêu cực từ ven bờ và trên biển gây ra, làm giảm đi giá trị của các nguồn tài nguyên. Từ đó, làm giảm sức hấp dẫn đối với du khách trong và ngoài nước đến với Hạ Long.

Vì vậy, mục tiêu hướng tới phát triển du lịch bền vững, xứng đáng mang tầm cỡ quốc tế đã và đang được đặt ra. Đòi hỏi việc khai thác và bảo vệ các nguồn tài nguyên sinh học phục vụ phát triển du lịch bền vững cần phải được quan tâm một cách đúng mức, đảm bảo sự hài hòa giữa bảo tồn và phát triển.

Du lịch sinh thái là một trong những hình thức cụ thể của du lịch bền vững cần được đẩy mạnh rộng rãi hơn nữa tại Vịnh Hạ Long. Ngoài các tuyến du lịch sinh thái hiện có cần được khai thác có hiệu quả, đề tài đã đề xuất thêm 5 khu vực, 3 tuyến và 12 điểm du lịch sinh thái mới nhằm khai thác những tiềm năng đa dạng của các loài và hệ sinh thái như: Du lịch tham quan các hang động; Du lịch văn hoá; Du lịch nghỉ dưỡng home stay, nghỉ dưỡng tại các bãi đảo; Câu cá; Lặn biển; Tham quan rừng ngập mặn; Khám phá các di chỉ khảo cổ; Tham quan cơ sở nuôi và chế tác ngọc trai; Tham quan, nghiên cứu khoa học...

Khuyến nghị

- Tiến hành công tác điều tra cơ bản và chi tiết về đa dạng sinh học tại khu vực quy hoạch thành khu du lịch sinh thái trên vịnh Hạ Long , nhằm mục đích bảo tồn và khai thác lợi thế của từng loài và hệ sinh thái trong từng khu vực cụ thể.

- Trước mắt, xây dựng mô hình du lịch sinh thái điển hình trong đó áp dụng một số giải pháp đã đề xuất trong đề tài và vận dụng các mô hình đã thành công trên thế giới. Mô hình quản lý tài nguyên sinh học và du lịch dựa vào cộng đồng cần phải được xem là khuôn mẫu trong xây dựng mô hình du lịch bền vững tại Vịnh Hạ Long.

- Đánh giá mức độ và đề xuất giải pháp ứng phó các tác động của biến đổi khí hậu tới ĐDSH và du lịch tại khu vực Vịnh Hạ Long

TÀI LIỆU THAM KHẢO



1. Ban Quản lý Vịnh Hạ Long (2012), “*Hiện trạng đa dạng sinh học vịnh Hạ Long*”.
2. Boris Sket và nnk (2003), *Khu hệ động vật hang động Vịnh Hạ Long*.
3. Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản JICA (2012), *Dự án Bảo vệ môi trường Vịnh Hạ long*.
4. Đinh Quang Hải (2012), Luận văn Thạc sĩ “*Quản lý các hoạt động nhà bè trên vịnh Hạ Long*”.
5. Đỗ Công Thung và Massimo Sarti (2004), *Bảo tồn đa dạng sinh học dải ven bờ Việt Nam*;
6. Đỗ Công Thung và nnk (2003), *Động vật không xương sống đáy Vịnh Hạ Long*.
7. Đỗ Công Thung, M. Sarti (2007). *Báo cáo kết quả hoàn thiện các cơ sở dữ liệu và triển khai mô hình hợp lý bảo tồn các hệ sinh thái tiêu biểu ven bờ Việt Nam*, mã số 11EE5.
8. Hà Văn Siêu (2011), *Đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức đối với du lịch Việt Nam*.
9. Hoàng Văn Thắng và nnk (2008), *Nghiên cứu đề xuất mô hình quản lý tổng hợp tài nguyên thiên nhiên dựa vào cộng đồng phục vụ phát triển bền vững ở một số xã vùng cửa sông Tiên Yên, Ba Chẽ, Tỉnh Quảng Ninh*.
10. Hội thảo phát huy tiềm năng du lịch Hạ Long ngày 29/11/2012.
11. [Http://dulichmoitruong.webs.com/PRA.ppt](http://dulichmoitruong.webs.com/PRA.ppt)

12. [Http://luanvan.net.vn/luan-van/kinh-nghiem-phat-trien-du-lich-tai-cac-nuoc-dong-nam-a-va-bai-hoc](http://luanvan.net.vn/luan-van/kinh-nghiem-phat-trien-du-lich-tai-cac-nuoc-dong-nam-a-va-bai-hoc).
13. [Http://www.baomoi.com](http://www.baomoi.com) (2/2011), *Hội thảo "Tiếp cận hệ sinh thái vùng trong quản lý vùng bờ Quảng Ninh - Hải Phòng"*.
14. [Http://www.baomoi.com](http://www.baomoi.com), ngày 25/05/2013.
15. [Http://www.thanhvien.com.vn/Du-lich-huy-diet-canh-quan](http://www.thanhvien.com.vn/Du-lich-huy-diet-canh-quan).
16. IUCN (2004), *Tiếp cận hệ sinh thái: Năm bước thực hiện*, Luck House Graphics.
17. Kamauro, O. (1996). *Ecotourism: Suicide or Development? Voices from Africa #6: Sustainable Development, UN Non-Governmental Liaison Service*. United Nations News Service.
18. Lê Huy Bá (2005), *Du lịch Sinh thái*, NXB Đại học Quốc gia Tp Hồ Chí Minh.
19. Lê Diên Dực và Trần Thu Phương (2004), *Một số khái niệm và nguyên tắc của quản lý dựa vào cộng đồng*, trong khuôn khổ dự án “Xây dựng mô hình bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học, quản lý các hệ sinh thái nhạy cảm dựa vào cộng đồng” tại điểm nghiên cứu Đầm Thị Nại, tỉnh Bình Định.
20. Nguồn: *Quy hoạch du lịch tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*.
21. Nguyễn Chu Hồi, Đỗ Công Thung (1997), *Khả năng sử dụng các hệ sinh thái biển điển hình phục vụ du lịch khu vực Hạ Long – Cát Bà*.
22. Nguyễn Đình Hoà và Vũ Văn Hiếu (2007), *Tiếp cận hệ thống trong nghiên cứu môi trường và phát triển*.
23. Nguyễn Đình Hoà và Vũ Văn Hiếu (2007), *Tiếp cận hệ thống trong nghiên cứu môi trường và phát triển*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội 2007, Tr 23 – 35.

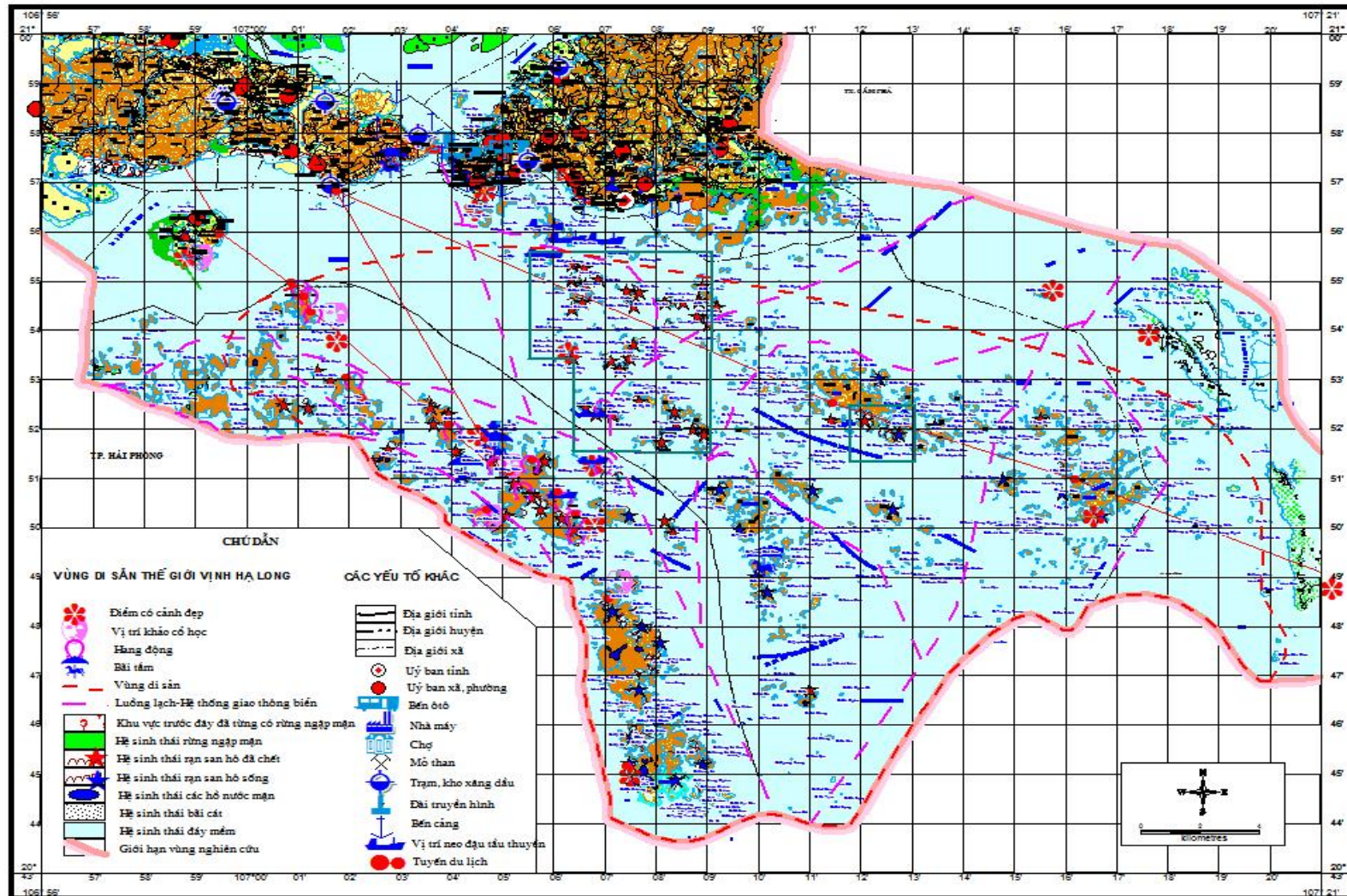
24. Nguyễn Đình Hòa và Vũ Văn Hiếu, *Du lịch bền vững*, NXB ĐHQG Hà Nội, 2002
25. Nguyễn Đình Hoà , *Du lịch bền vững* , NXB Đại học Quốc gia Hà Nội , 2001.
26. Nguyễn Huy Yết và Lăng Văn Kên (1995), *Thành phần loài và sự phân bố san hô của Vịnh Hạ Long*, Báo cáo của Hội nghị KH Sinh vật biển lần thứ I. Nha Trang 10/1995.
27. Nguyễn Huy Yết và nnk (1991), *Điều tra thống kê nguồn gien trên các rạn san hô vùng biển Quảng Ninh - Hải Phòng, đề xuất phương hướng sử dụng hợp lý và bảo vệ nguồn lợi*. Báo cáo khoa học lưu trữ tại Phân viện Hải Dương học tại Hải Phòng.
28. Nguyễn Tiến Hiệp và cs (2003), *Đa dạng thực vật ở khu vực Di sản Thiên nhiên Thế giới Vịnh Hạ Long*.
29. Nguyễn Văn Tiến và nnk (2003), *Thành phần loài và phân bố rong, cỏ biển Vịnh Hạ Long*.
30. Phạm Trung Lương (2002), *Cơ sở khoa học và giải pháp phát triển du lịch bền vững ở Việt Nam*. Đề tài cấp Bộ.
31. Phạm Trung Lương (2004), *Cơ sở khoa phát triển du lịch sinh thái Việt Nam*. Đề tài cấp ngành.
32. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XII, Luật số: 20/2008/QH12, *Luật Đa dạng Sinh học*.
33. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XII, Luật số 44/2005/QH11. *Luật Du lịch*.
34. Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Ninh (2010), *Báo cáo hiện trạng môi trường tổng thể tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2006 -2010*.

35. Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Ninh (2011), Báo cáo tổng hợp “Xây dựng kế hoạch hành động đa dạng sinh học tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020”.
36. The Secretariat of the Convention on Biodiversity, *CBD Guidelines on Biodiversity and Tourism Development. Montreal, 2004.*
37. Tổng cục Du lịch Việt Nam, Kỷ yếu hội thảo “Bảo vệ môi trường du lịch” , Hạ Long, 2007.
38. Tổng Cục Thống kê Việt Nam (2012), Niên giám Thống kê 2012. NXB Thống kê, Hà Nội, 2013.
39. Trần Đình Lân và Lăng Văn Kèn (2003), *Xây dựng bản đồ sinh cư biển ở khu Di sản thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long*, Kỷ yếu hội thảo “Hội thảo đa dạng sinh học khu Di sản thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long”, Hạ Long 23 – 24/12/2003, tr. 94.
40. UBND tỉnh Quảng Ninh (2012), *Kế hoạch ứng phó với Biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.*
41. UNEP (2/2007), *Managing Tourism & Biodiversity.*
42. Viện Tài nguyên và Môi trường biển (2009), Dự án “*Nghiên cứu các giá trị đa dạng sinh học Vịnh Hạ Long phục vụ cho việc quản lý, phát huy giá trị đa dạng sinh học của Di sản*”.
43. World Tourism Organization (2010), *Tourism and Biodiversity - Achieving Common Goals Towards Sustainability.*

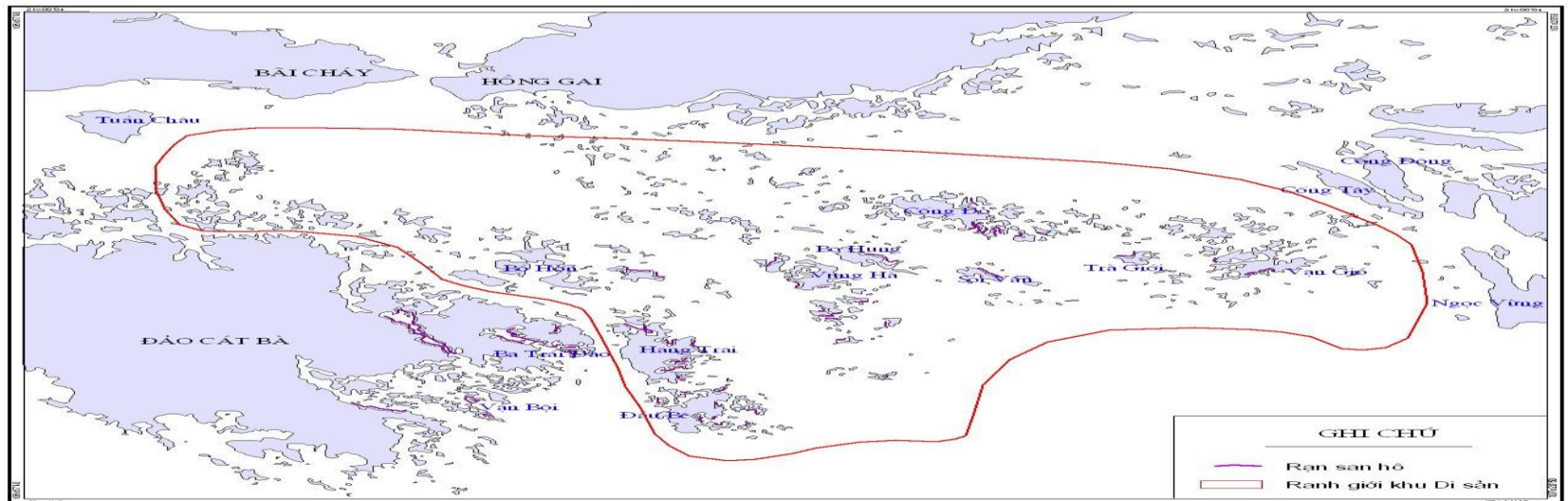
PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Bản đồ các hệ sinh thái Vịnh Hạ Long	1
Phụ lục 2: Phân bố HST san hô trên Vịnh Hạ Long năm 2007 - 2008	2
Phụ lục 3: Danh sách các loài sinh vật quý hiếm Vịnh Hạ Long	1
Phụ lục 4: Một số loài đặc hữu khu vực Vạn Bội, Lồm Bò (Hạ Long)	2
Phụ lục 5: Các món ăn đặc sản tại Hạ Long	4
Phụ lục 6: Các dạng tai biến nhân sinh ở vùng Hạ Long - Cát Bà	7
Phụ lục 7: Các tuyến du lịch bằng tàu trên vịnh Hạ Long	1
Phụ lục 8: Các loại hình du lịch chủ yếu hiện nay trên vịnh Hạ Long	1
Phụ lục 9: Các điểm tham quan du lịch tại thành phố Hạ Long	2
Phụ lục 10: Phát triển các loại hình du lịch sinh thái trong tương lai	3
Phụ lục 11: Thành phần loài của các nhóm sinh vật ghi nhận được ở khu vực Hạ Long – Bái Tử Long và xung quanh.	8

Phụ lục 1: Bản đồ các hệ sinh thái Vịnh Hạ Long (Nguồn: Viện Tài nguyên và Môi trường Biển, 2009)



Phụ lục 2: Phân bố HST san hô trên Vịnh Hạ Long năm 2007 - 2008



Nguồn: Viện Tài nguyên và Môi trường Biển, 2008)

Phụ lục 3: Danh sách các loài sinh vật quý hiếm Vịnh Hạ Long

Stt	Tên khoa học	Tên Việt Nam
1	<i>Selaginella tamariscina</i>	Quyên bá trường sinh
2	<i>Drynaria bonii</i>	Ráng đuôi phụng bon
3	<i>Chroesthus lanceolata</i>	Đài mác
4	<i>Alangium tonkinense</i>	Thôi chanh bắc
5	<i>Aristolochia indica</i>	Son địch
6	<i>Asarum glabrum</i>	Hoa tiên
7	<i>Sarcostemma acidum</i>	Tiết căn
8	<i>Gymnostemma pentaphyllum</i>	Thu tràng
9	<i>Sophora tonkinense</i>	Hoè bắc bộ
10	<i>Strychnos cathayensis</i>	Mã tiền cà thây
11	<i>Strychnos ignatii</i>	Mã tiền lông
12	<i>Strychnos umbellata</i>	Mã tiền hoa tán
13	<i>Stephania cepharantha</i>	Bình vôi đầu
14	<i>Ardisia sylvestris</i>	Lá khô
15	<i>Meliantha suavis</i>	Rau sắng
16	<i>Murraya glabra</i>	Vương tùng
17	<i>Sinoradlkofera minor</i>	Bông mộc
18	<i>Madhuca pasquieri</i>	Sén mật
19	<i>Paris polyphylla</i>	Trọng lâu nhiều lá
20	<i>Dioscorea collettii</i>	Mân nghệ
21	<i>Stemona saxorum</i>	Bách bộ

Phụ lục 4: Một số loài đặc hữu khu vực Vạn Bội, Lờm Bò (Hạ Long)

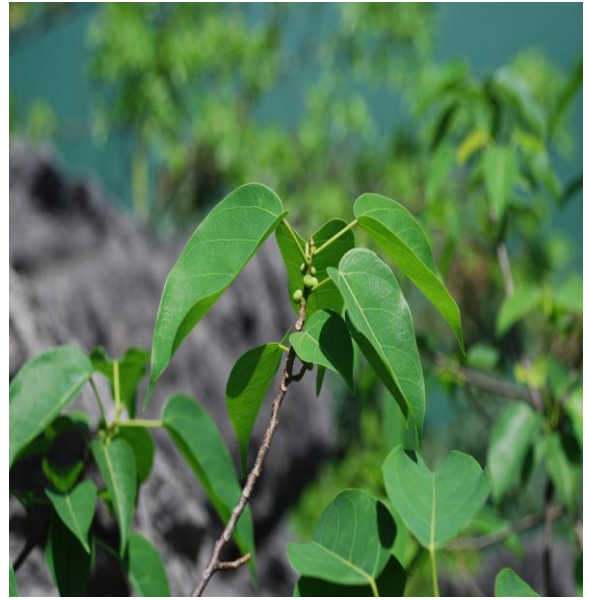


Cọ Hạ Long (*Livistona halongensis*) chưa trưởng thành (ảnh trái) và đã trưởng thành (ảnh phải). Ảnh chụp tháng 8/2008 tại Hòn Chân Voi





Ngũ gia bì Hạ Long tại đảo Hang Trai
Ảnh chụp năm 2008



Sung Hạ Long tại đảo Lòm Bò.



Lan ông Hạ Long tại đảo Vạn Gió.
Ảnh chụp năm 2008



Lan hài vệ nữ hoa vàng tại đảo Mây Đèn.
Ảnh chụp năm 2007

(Nguồn: Viện Tài nguyên và Môi trường Biển, 2008)

Phụ lục 5: Các món ăn đặc sản tại Hạ Long



Ruốc Lỗ - Hạ Long



Tu Hài - Hạ Long



Bún xào ngán - Hạ Long



Sam



Sò huyết - Hạ Long



Tôm Hùm - Hạ Long



Chả mực - Hạ Long



Sá Sùng - Hạ Long



Bè Bè - Hạ Long



Cù Kỳ - Hạ Long



Rượu nếp ngâm, rượu Ngán - Hạ Long



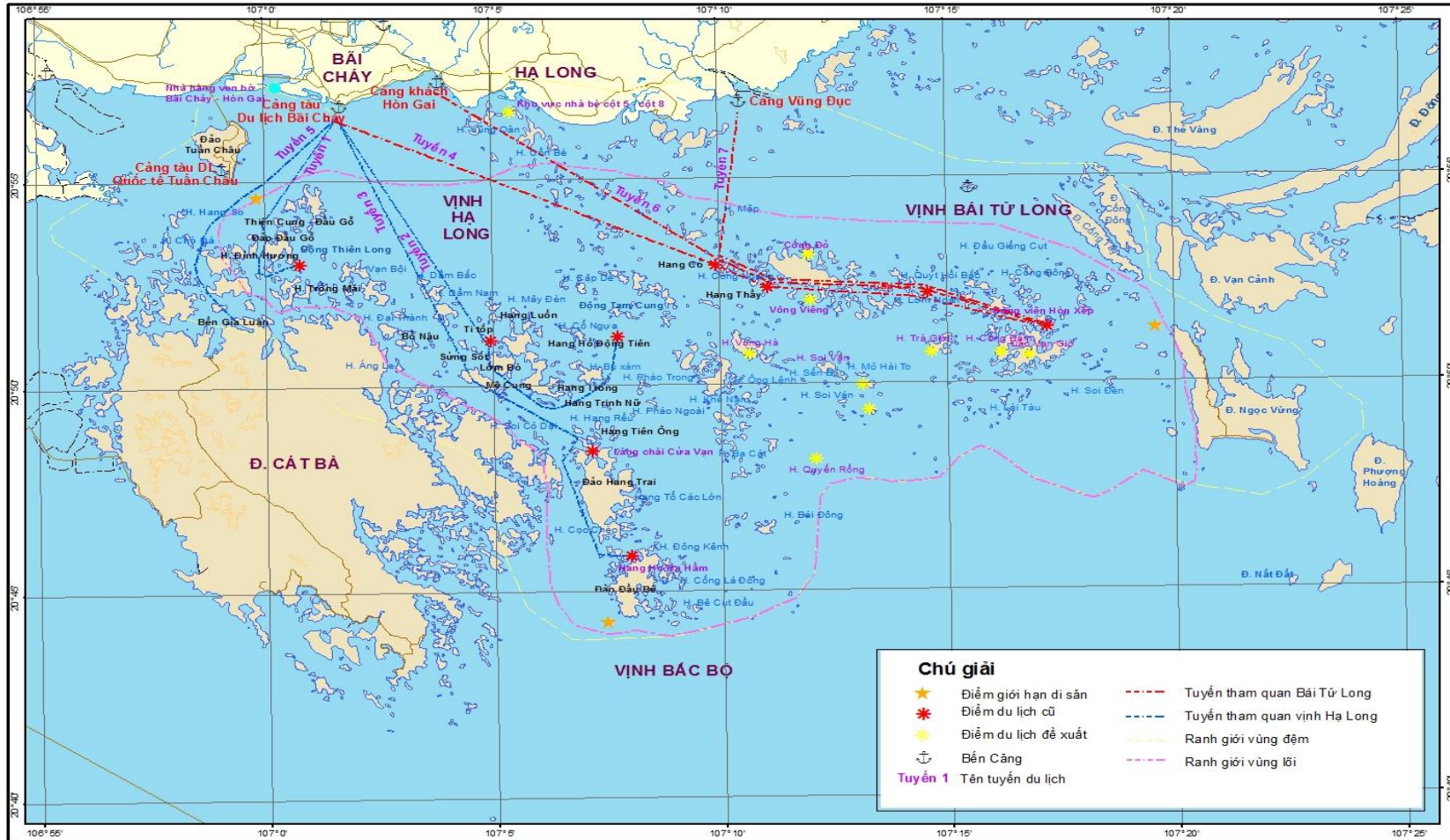
Phụ lục 6: Các dạng tai biến nhân sinh ở vùng Hạ Long - Cát Bà

TT	Các tai biến	Hậu quả
1.	Chất thải rắn	Làm thay đổi habitat, ô nhiễm môi trường
2.	Nước thải	Ô nhiễm kim loại nặng, hoá chất, phú dưỡng
3.	Dầu mỡ	Ô nhiễm dầu đối với mọi sinh vật, đặc biệt là sinh vật nổi và sinh vật vùng triều
4.	Tai nạn dầu tràn	Tai biến, như trên
5.	Khai thác nguồn lợi quá mức	Giảm đa dạng sinh học, mất cân bằng sinh thái
6.	Khai thác nguồn lợi bằng các biện pháp huỷ diệt: - Bắn mìn - Xung điện - Lưới mắt nhỏ	Phá huỷ môi trường sinh thái; tiêu diệt nguồn giống sinh vật
7.	Khai thác san hô và sinh vật sống trên rạn	Phá huỷ habitat của rạn, làm giảm đa dạng sinh học của rạn.
8.	Chặt phá rừng đầu nguồn, RNM	Phá huỷ habitat RNM, làm giảm sự cân bằng sinh thái khu vực, giảm khả năng điều hoà của hệ.
9.	Sử dụng hoá chất trong nông nghiệp	Gây ô nhiễm hoá chất BVTV
10.	Hoạt động du lịch	Gây ô nhiễm rác thải sinh hoạt, tăng áp lực khai thác đối với hải sản, phá huỷ san hô do neo đậu tàu du lịch.
11.	Xây dựng các công trình ven biển	Làm thay đổi habitat, cảnh quan, môi trường, tăng độ đục và các hoá chất, vật liệu xây dựng khác.

(Nguồn: Xây dựng bản đồ di cư Hạ Long, Viện TNMT Biển, 2012)

Phụ lục 7: Các tuyến du lịch bằng tàu trên vịnh Hạ Long

BẢN ĐỒ CÁC TUYẾN DU LỊCH SINH THÁI VỊNH HẠ LONG



Phụ lục 8: Các loại hình du lịch chủ yếu hiện nay trên vịnh Hạ Long

Du lịch tham quan: Du thuyền ngắm cảnh, tham quan các hang động và vui chơi giải trí, tắm biển tại các bãi đảo trên Vịnh.

Du lịch nghỉ dưỡng: Du khách có thể nghỉ ngơi, tắm biển tại các bãi biển tại Bãi Cháy, bãi biển Titóp, Ba Trái Đào trên Vịnh Hạ Long hoặc tắm biển tại các bãi biển cát trắng mịn, hoang sơ tại Quan Lạn, Minh Châu, Ngọc Vũng (khu vực Vân Đồn)

Du lịch văn hóa: Dành cho du khách ham mê văn hóa, có nhiều thời gian để tham quan, tìm hiểu những di chỉ khảo cổ, giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể trên Vịnh.

Du lịch sinh thái: Tham qua những khu vực đảo núi, vụng áng hoang sơ, các vùng biển có dải san hô ngầm quý hiếm trên Vịnh. Hoặc khám phá môi trường tự nhiên tại các đảo Minh Châu, Quan Lạn, Ngọc Vũng.

Du lịch thể thao: lặn biển, leo núi, chèo kayak...

Nghỉ đêm trên Vịnh: Ngắm cảnh hoàng hôn và nghỉ đêm trên Vịnh để thưởng thức hương vị biển cả và ánh trăng vàng lung linh trên mặt biển sẽ vô cùng thú vị. Hiện nay, trên Vịnh có trên 150 tàu du lịch đã được các quan có thẩm quyền cấp phép hoạt động dịch vụ lưu trú nghỉ đêm trên Vịnh. Những tàu này được thiết kế với kiểu dáng, kiến trúc đẹp, đảm bảo an toàn, có nội thất trang nhã, hài hòa; đầy đủ các phòng ngủ, phòng ăn, phòng khách, bar, boong dạo.

Phụ lục 9: Các điểm tham quan du lịch tại thành phố Hạ Long

- Vịnh Hạ Long
- Khu Du lịch Quốc tế Tuần Châu
- Công viên Quốc tế Hoàng Gia
- Cụm di tích văn hoá lịch sử: Núi Bài thơ –Chùa Long Tiên - Đền thờ Trần Quốc Nghiễn
- Chợ Hạ Long
- Tham quan mỏ than Hồng Gai

Phụ lục 10: Phát triển các loại hình du lịch sinh thái trong tương lai

1. Loại hình khám phá, thám hiểm hang động; Hệ sinh thái rừng thường xanh trên núi đá vôi, hệ sinh thái tùng áng:



Địa điểm:

- Động Đào Tiên: Tại khu vực Hòn Cầu Ngự – Hòn Tai Voi
- Hang Thầy: Tại khu vực Hòn Hang Thầy
- Hang Đúc Tiên: Tại khu vực Hòn Quýt Hôi
- Hang Cặp La : Tại khu vực Hòn Cửa Lạch
- Hang Trống(Hòn xác khô): Tại khu vực hòn Lờm Ngán
- Hệ sinh thái rừng khu vực Cống Đỏ
- Các áng tại khu vực Cống Đỏ

2. Loại hình nghỉ dưỡng:

- + *Loại hình nghỉ dưỡng home stay:* Tại làng chài Vông Viêng, Cống Đàm
- + *Loại hình nghỉ dưỡng tại các bãi đảo:* Hòn Bái Đông, hòn Trăng Lưỡi Liềm
- + *Loại hình tắm biển, câu cá, lặn biển, chèo thuyền Kayak*
- Tắm biển: Hang Thầy, Trăng Lưỡi Liềm, Hòn Quyển Rồng, hòn Bái Đông
- Câu cá: Tại khu vực Đảo hang Thầy, Đảo Trà Sản, Hòn Soi Ván.



- Lặn biển: Tại khu vực đảo hang Thầy, Đảo Trà Sản, hòn Bọ Hung, hòn Soi Ván, Vụng Hà, hòn Trà Giới.



- *Chèo thuyền Kayak ngắm cảnh, khám phá nét văn hoá của các làng chài, các địa điểm có di chỉ khảo cổ học, rừng ngập mặn:* - Khu vực Cống Đỏ, Hòn Xếp, khu Di chỉ khảo cổ Hòn Lờm Ngán, làng chài Vông Viêng, làng chài Cống Đầm, Rừng ngập mặn khu vực Cống Đầm.



4. Du lịch cộng đồng:

+ Tham quan làng chài Vân Viêng, Cống Đầm:





+ Trải nghiệm đánh cá cùng ngư dân:



+ Tham quan cơ sở nuôi và chế tác ngọc trai: khu vực Vòng Viêng



5. Dịch vụ tiệc đêm tại các hang động, bãi cát

Tại hang Thầy, hang Cặp La, bãi tắm hòn Quyển Rồng, bãi tắm hòn Bái Đông

6. Tham quan, nghiên cứu khoa học:

- Khu vực hòn Xếp: bảo tàng địa chất, rạn san hô khu vực Hang Thầy, hòn Bọ Hung, Hòn Soi Ván, di chỉ khảo cổ Hòn Lờm Ngán, Làng chài Vòng Viêng, Cống Đâm



Ảnh: Hồ Ba Hầm - Nằm ở phía tây nam vịnh Hạ Long, hồ Ba Hầm nằm trên đảo Đầu Bê, cách cảng tàu du lịch hơn 25km.

**Phụ lục 11: Thành phần loài của các nhóm sinh vật ghi nhận được ở khu vực
Hạ Long – Bái Tử Long và xung quanh.**

Nhóm sinh vật	Số loài	Nhóm sinh vật	Số loài
Thực vật phù du	278	Động vật phù du	100
Thực vật ngập mặn	19	Thực vật trên cạn	1.525
Côn trùng	478	Chân khớp bé trong đất	43
Thân mềm trên cạn	178	Rong, cỏ biển	144
Bọt biển	26	San hô	234
Giun tròn	64	Giun đốt	145
Giáp xác	113	Thân mềm biển	261
Da gai	26	Cá biển	230
Cá nước ngọt	35	Luồng cư	21
Bò sát	45	Chim	186
Thú	53	Trùng lỗ	53
		Tổng số:	4.229 loài

(Nguồn: Viện Tài nguyên và Môi trường Biển, 2008)